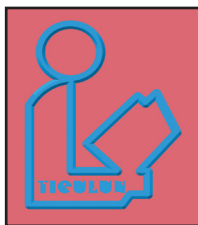




Minh Tran Huy
**Cuộc Đời Hai Mặt
Của Anna Song**

CUỘC ĐỜI HAI MẶT CỦA ANNA SONG

TRẦN HUY MINH



Minh Diên chuyển ngữ

Anna Song, Một Cuộc Đời Ngân Dài

Bởi Alexis Cambrel, Tạp chí Classique, ngày 16 tháng 6 năm 2008

«Cuộc sống là dành thời gian chuẩn bị cho điều gì đó sẽ không bao giờ đến», Yeats từng viết. Câu nói này minh họa hoàn hảo số phận của nghệ sĩ dương cầm Anna Song, qua đời cách đây sáu ngày tại nhà riêng, hưởng thọ 49 tuổi. Sau khi cống hiến từng phút giây đời mình cho Bach, Beethoven, Schubert, Liszt, Chopin, Rachmaninov, Debussy, Ravel, Messiaen, bà đã suy yếu vì căn bệnh ung thư buồng trứng buộc bà rời sân khấu từ năm 1992. Sự ra đi của bà khi ấy hầu như không gây tiếng vang, bởi người mà vài nhà am hiểu hiếm hoi gọi là «nghệ sĩ dương cầm vĩ đại nhất còn sống mà không ai biết đến» đã và vẫn là một ẩn số đối với cả công chúng lẫn giới mộ điệu.

Dù vậy, bà từng là một Wunderkind, thần đồng với tài năng sớm nở hứa hẹn sự nghiệp rực rỡ. Sinh ra trong gia đình người Việt di cư sang Pháp rồi Mỹ, bà sớm bộc lộ năng khiếu phi thường với piano. Lên ba, với khả năng nghe tuyệt đối, bà bắt đầu học những bài đầu tiên từ mẹ - một nhạc công nghiệp dư đam mê ; lên năm, bà chơi những bản nhạc đơn giản và tự sáng tác thêm ; lên

mười, bà có buổi biểu diễn đầu tiên, được cha mẹ thúc đẩy bởi niềm tin rằng nhờ làm việc chăm chỉ, một ngày nào đó bà sẽ được mời trình diễn tại những sân khấu danh giá nhất thế giới.

Những màn trình diễn xuất sắc tại các cuộc thi Reine-Elisabeth và Van-Cliburn, cùng nhiều sự kiện khác, đã giúp cô nghệ sĩ trẻ gây chú ý. Bà chuẩn bị nhập học tại Juilliard School thì đột nhiên bị liệt ngón đeo nhẫn và ngón út bàn tay phải. Các bác sĩ không thể xác định nguyên nhân và buộc bà ngừng chơi đàn chờ kết quả khám sâu hơn. Sau nhiều năm chịu đựng chẩn đoán sai và điều trị không phù hợp, Anna Song cuối cùng cũng khỏi bệnh. Tuy nhiên, bị tổn thương sâu sắc bởi cú gián đoạn này, bà quyết định thay đổi cách làm việc, quay lưng với các tổ chức (vốn không hỗ trợ bà trong giai đoạn khó khăn, thậm chí Juilliard đã đuổi học bà) để học riêng với những bậc thầy bà ngưỡng mộ. Đầu tiên là Marianne Meursault, em gái nhà soạn nhạc, sau đó là Alexander Frisch, nghệ sĩ gốc Nga định cư Mỹ, từng là học trò của huyền thoại người Ý Silvio Vasani. Bà đã chơi nhạc cùng các nhạc trưởng như Luigi Fiorentino, Henry Dern, Marc Dent, Alfred Ronzon, ghi âm một số tác phẩm như Suite bergamasque và Estampes của Debussy, nhưng không mấy thành công, hầu như không có nhà phê bình nào nhắc đến những bản thu này, ngày

nay chúng đã biến mất. Có lẽ đó là cái giá phải trả vì cắt đứt hoàn toàn với mạng lưới truyền thống...

Hành trình của Anna Song vẫn đáng trân trọng, dù ít được chú ý, cho đến khi những triệu chứng đầu tiên của căn bệnh ung thư (sau này cướp đi mạng sống của bà) xuất hiện - bà vừa tròn 30 tuổi. Bí mật này được chồng bà, Paul Desroches, cũng là cố vấn kiêm quản lý, một nhà sản xuất đĩa nhạc và chủ hãng Piano solo, thành lập trước khi gặp vợ để hỗ trợ nghệ sĩ bị các hãng lớn bỏ quên, giữ kín. Hai vợ chồng thống nhất không tiết lộ tình trạng sức khỏe của Anna Song, hy vọng vào khả năng thuyên giảm, nhưng điều ấy chẳng bao giờ xảy ra. Buộc phải hủy nhiều buổi độc tấu vào phút chót vì cơn đau ngày càng dữ dội, Anna Song đành công khai căn bệnh đang gặm nhấm mình. Bà rời sân khấu, nhưng không tránh khỏi lời bình phẩm tàn nhẫn của nhà phê bình Armand Denisof, tạp chí Musika, sau màn trình diễn cuối cùng tại phòng hòa nhạc Gaveau, Paris, khi bà vừa trải qua đợt hóa trị : «Trông ốm yếu dưới ánh đèn sân khấu, ở thời điểm này, là một sự khiêu khích.»

Sự nghiệp vốn chìm nổi của Anna Song, bị gián đoạn khi đã trên đà tàn lụi, dường như mãi mãi chìm vào bóng tối. Dù được hứa hẹn vinh quang từ thuở lọt lòng, bà không thể tỏa sáng. Bà lặng lẽ trở về Pháp, sống

cùng chồng trong một biệt thự cách Paris 40km - ngôi nhà lớn giữa công viên, ẩn sau rừng bạch dương, nơi bà chỉ chơi piano cho mình, chồng và vài vị khách hiếm hoi. Suốt 15 năm trong bốn bức tường ấy, bà chỉ ra ngoài mỗi tuần một lần để điều trị tại bệnh viện.

Trải qua 5 ca mổ liên tiếp trong vài tháng, sống trong hồi ức chờ đợi, bà vẫn quyết định, khi bệnh tật ngày càng lấn át, thực hiện một dự án khổng lồ : thu âm loạt tác phẩm từ Inventions hai tay của Bach đến Hai mươi ánh nhìn về Chúa Hài đồng của Messiaen... Bà dồn hết sức lực vào công việc này với sự hỗ trợ tinh thần và kỹ thuật từ Paul Desroches. Piano solo có phòng thu riêng ngay trong biệt thự, giúp Anna Song thoải mái ghi âm khi sức khỏe cho phép.

Bà đã hoàn thành gần 40 đĩa nhạc trước khi chồng gửi một số bản cho các nhạc sĩ và nhà báo, kèm theo một dòng chữ đơn giản : «Hãy nói cho tôi biết bạn nghĩ gì.» Chỉ đến lúc đó, sau gần nửa thế kỷ chờ đợi và kiên trì, những lời đánh giá nhiệt thành mới bắt đầu xuất hiện trên một số tạp chí chuyên ngành : «Anna Song không chỉ là một nghệ sĩ piano với trí tưởng tượng âm nhạc và kỹ thuật đáng kinh ngạc hòa quyện hoàn hảo, hỗ trợ lẫn nhau một cách tinh tế. Cô là một hiện tượng, một nghệ sĩ đa tài và điều luyện, một người trình diễn

đa phong cách, có khả năng điều chỉnh lối chơi phù hợp với từng nhà soạn nhạc để làm lộ ra những khía cạnh chưa từng được biết đến, ngay cả với những tác phẩm quen thuộc nhất.» (Jean-Paul Masséna, Những lời và những nốt nhạc). «Khác với nhiều nghệ sĩ kỹ thuật điêu luyện thường lẫn át tác phẩm, cô lùi lại để dành không gian cho các nhà soạn nhạc ; cá tính của cô không bao giờ áp đảo, không bao giờ xâm phạm.» (Mark Kopanowski, Tạp chí Gramophone). «Sự pha trộn giữa nỗi buồn và ánh sáng trong những bản waltz Chopin của cô, hay sự mượt mà đầy sức mạnh trong những bản sonata Mozart, đã mang đến một chiều kích mới mẻ và khó diễn tả bằng lời cho những tác phẩm đã nghe hàng trăm lần. Mỗi bản diễn giải của cô đều thể hiện sự nhạy cảm, sự thấu hiểu độc nhất vô nhị, thuộc về thứ mà người ta gọi là thiên tài.» (Julien Sembet, Thế giới Âm nhạc).

Anna Song dần dần xây dựng một bộ sưu tập đĩa nhạc đồ sộ, nhưng chỉ có những người am hiểu mới biết đến, vì hãng đĩa của Paul Desroches có khả năng phân phối hạn chế và gần như không có tầm ảnh hưởng. Chỉ vài nghìn bản được lưu hành. Một ngày nào đó, chúng sẽ trở thành đối tượng được săn lùng và mua bán với giá cắt cổ ; còn những bản nhạc, nhờ công nghệ mới, ai cũng có thể tải xuống và mang lại vinh quang muộn

màng cho người nghệ sĩ tài năng nhưng bị lãng quên quá lâu này.

Khi qua đời, Anna Song để lại cho hậu thế 102 đĩa CD, bao gồm toàn bộ tác phẩm dành cho piano của Bach, Haydn, Mozart, Beethoven, Schubert, Ravel ; 9 bản sonata của Prokofiev ; gần như toàn bộ Chopin ; những tác phẩm chính của Liszt và Debussy ; tất cả các bản concerto của Brahms, Saint-Saëns và Rachmaninov; 54 bản étude của Leopold Godowsky phỏng theo Chopin, được coi là những tác phẩm khó nhất từng được viết cho piano. Chỉ có Artur Rubinstein với 94 đĩa CD là có thể so sánh được. Tuy nhiên, ông đã thu âm nhiều tác phẩm nhiều lần và thực hiện trong suốt cuộc đời - không giống như Anna Song, người đã sản xuất những đĩa nhạc này khi đang bệnh nặng, vào thời điểm mà nhiều người đã chọn nghỉ ngơi an nhàn hoặc truyền đạt kiến thức cho thế hệ trẻ một cách khiêm tốn.

Sự khiêm tốn chính là nét nổi bật nhất trong tính cách của người phụ nữ vĩ đại này, cả trong đời thường lẫn trong âm nhạc. Cô có đủ sức mạnh để chiến đấu gần hai thập kỷ với căn bệnh lẽ ra đã quật ngã cô, và kiên trì theo đuổi con đường dường như không lối thoát, không bao giờ chọn cách dễ dàng hay đầu hàng. Đồng thời, sức mạnh ấy đi đôi với sự vắng bóng hoàn toàn của

cái tôi và sự phô trương. Với cô, không gì quan trọng hơn việc phụng sự tốt nhất những nhà soạn nhạc mà cô tôn kính. «Chúng tôi, những người trình diễn, là gì nếu không phải là những kẻ truyền tải khiêm nhường? Khi ai đó nói : ‘Thật là một bản nhạc tuyệt vời !’, đó mới là lời khen đích thực. Nhiệm vụ của chúng tôi là giúp người ta cảm nhận được bản chất tinh thần của sự tồn tại, thứ hiện hữu trong một giai điệu hòa âm hay phức điệu. Không gì thuộc về chúng tôi. Nhớ đến Bach, Mozart, Liszt - điều đó quan trọng, thậm chí là cơ bản. Nhưng nhớ đến tôi ư ? Có ích gì ? Cuối cùng, chỉ có âm nhạc là trường tồn.»

Anna Song không còn nữa. Cô không lưu giữ bất kỳ bài báo hay bài phê bình nào về mình. Điều duy nhất quan trọng với cô là đã kịp thu âm, vài tuần trước đó trên chiếc xe lăn, một bản nhạc của Chopin mà tiêu đề giờ đây nghe như một lời tiên tri : Bản Waltz Giã Biệt.

Sáng nay, tôi đọc bài báo đầu tiên viết về cái chết của Anna. Nó đã được cắt dán cẩn thận vào cuốn sổ lớn bằng da Moleskine, cùng với những bài báo khác mà tôi đã sưu tầm. Nhà báo nói đúng khi cho rằng Anna chưa bao giờ lưu giữ bất kỳ bài báo nào viết về mình. Chỉ có điều, họ quên đề cập rằng chính tôi là người đã âm thầm làm việc đó thay cô ấy. Đó là thói quen mỗi sáng của tôi : lướt qua các chuyên mục văn hóa và âm nhạc trên nhật báo, tuần báo, tạp chí hàng tháng, rồi tỉ mỉ lục lọi các trang web chuyên ngành, tìm kiếm tên cô ấy. Những năm gần đây, tôi thấy tên Anna xuất hiện ngày càng nhiều. Những tháng cuối cùng. Những lời đồn về các bản thu âm của cô ấy vô cùng xuất sắc, và người ta luôn thích những câu chuyện về nghệ sĩ bạc mệnh. Từng nhà báo một đua nhau đến để ca ngợi thiên tài của Anna, xin phỏng vấn, kéo cô ấy ra khỏi quên lãng. Họ nói rằng họ muốn công bằng cho Anna, đã đến lúc thế giới biết đến một nghệ sĩ tuyệt vời mà họ đã bỏ lỡ : Anna không bao giờ đáng bị lãng quên như vậy. Tôi hoàn toàn đồng ý, và để chứng minh, tôi nhiệt tình ủng hộ ý kiến của họ, trả lời từng câu hỏi nhỏ nhất, giải thích rằng Anna quá ốm để tiếp ai, nhưng không sao, tôi đã ở đây, luôn ở đây, và họ có thể tin tưởng vào tôi để cung cấp mọi thông tin có thể về cô ấy, cuộc đời, tác phẩm, những dự án đã qua và sắp tới.

Theo thời gian, tôi đã thu thập đủ bài báo và phóng sự để tạo thành một cuốn album nhỏ tôn vinh Anna. Tôi vuốt ve bìa sách với niềm tự hào đến mức trở nên lố bịch ; dù sao, người được ca ngợi bằng những lời tán dương vang dội không phải tôi, mà là cô ấy... Lật giở từng trang, bạn có thể thấy những bài viết ngắn dần nhường chỗ cho những bài dài hơn, rồi đến những trang đầy ắp lời khen. Đầu đó là hình ảnh của Anna, luôn là một bức ảnh duy nhất nhưng ở nhiều kích cỡ khác nhau. Một bức chân dung đen trắng đậm chất Hollywood : khuôn mặt khắc họa dưới ánh sáng, mái tóc búi cao với vài lọn xoắn buông lơi, Anna mỉm cười, ánh mắt lấp ló sau hàng mi dài đổ bóng đen như than lên đôi mắt vốn đã sâu thẳm, đen như vũng bùn than. Ánh đèn và tư thế tôn lên vẻ đẹp của cô ấy một cách gần như sân khấu : sống mũi thẳng, đường nét thanh tú, gò má cao, vầng trán cong nhẹ. Những đường thêu hạt cườm trên váy tương phản hoàn hảo với làn da trắng mịn. Bức ảnh ban đầu được chụp cho một tài liệu quảng cáo buổi hòa nhạc không bao giờ diễn ra. Tôi mừng vì hai mươi năm sau, nó cuối cùng cũng có ích.

Tôi tặng Anna cuốn sưu tập nhỏ này vào một ngày sau khi chúng tôi từ bệnh viện về, nghĩ rằng nó có thể khiến cô ấy vui lên. Nửa nằm nửa ngồi trên giường, tựa vào hai chiếc gối nhưng dường như sắp nuốt chửng cô ấy vì

quá mỏng manh, Anna xé giấy gói quà, mở cuốn album, lật vài trang, và đọc lướt qua những lời ngợi khen dành cho âm nhạc của mình. Một lúc sau, cô ấy lắc đầu rồi đóng cuốn sổ mà tôi đã kiên nhẫn gom nhặt từng trang giấy bóng để rồi cô ấy trả lại cho tôi với câu nói : «Điều này chẳng còn nhiều ý nghĩa nữa đâu.» Trong một cử chỉ an ủi, bàn tay cô ấy vuốt nhẹ má tôi, nở một nụ cười bình thản như tôi vẫn thấy - sự điềm tĩnh của một hồ nước không gợn sóng dù bão tố. Tôi ngồi xuống, cũng mỉm cười với trái tim thất lại, giữ chặt tay cô ấy trong tay mình.

Cô ấy đúng : đã quá muộn, và mọi sự xáo trộn này đều vô ích. Sau bao lần sưu tầm những trang giấy bóng loáng, tôi tự đánh lừa mình bằng niềm tin vào huyền thoại ẩn sau chúng, tưởng rằng cuối cùng có thể mang lại cho Anna sự công nhận mà cả đời cô ấy đấu tranh. Nhưng Anna đã không còn ở đó nữa, từ lâu rồi. Những chuyến đi về liên tục giữa nhà và bệnh viện làm hao mòn sức lực, bào mòn cả thể xác lẫn tinh thần cô ấy. Cô ấy mệt mỏi, ngày càng mệt hơn, và tôi cảm nhận được - dù không muốn thừa nhận - ngày cô ấy từ chối thức dậy để chịu đựng thêm một cuộc kiểm tra, một liệu trình mới. Khi giữa những cơn đau, chỉ còn lại ký ức để tiếp tục, hay đúng hơn là kết thúc cuộc sống. Như tôi hôm nay.

Tôi lên tám khi chúng tôi gặp nhau. Bà nội đón tôi về sau vụ tai nạn xe hơi trên con đường Normandy biến tôi thành đứa trẻ mồ côi, không mơ về tiếng còi xe, phanh gấp trong bóng tối hay thân thể tan nát trong đống sắt vụn, mà chỉ thấy chiếc xe lặng lẽ khuất dần sau khúc cua trong khi tôi đứng lại nhìn theo, trán áp vào ô cửa kính không thể đập vỡ. Ngoài đời thực, tôi cũng dành hàng giờ bên cửa sổ căn phòng - giờ đã thuộc về tôi - nơi tôi từng thấy cha mẹ rời đi vào cái đêm họ gửi tôi lại nhà bà. Chỉ là hai ngày thôi : họ dự định một chuyến đi chơi đến ngôi làng cách đó trăm cây số, chuyến đi bộ họ áp ủ từ lâu nhưng quá dài và khó với đứa trẻ như tôi. Tôi giận họ vì bỏ rơi tôi như gói đồ cống kênh, nên giả vờ ngủ gục trên bàn để khỏi phải chào tạm biệt. Kế hoạch thất bại. Không nghi ngờ gì, cha bế tôi lên giường, mẹ đắp chăn rồi hôn tôi, họ khép cửa nhẹ nhàng, hạ giọng xuống thì thầm để không đánh thức tôi, rồi ra đi. Ngay khi nghe tiếng động cơ nổ, bất chấp quyết tâm không để ý, tôi vùng dậy. Kéo rèm, tôi dõi theo ánh đèn pha cho đến khi chúng biến mất hoàn toàn ; một vệt, một chấm, rồi chẳng còn gì - chỉ còn lại màn đêm.

Hôm sau, bà nội thông báo bằng giọng đều đều rằng tôi sẽ chẳng bao giờ gặp lại chiếc xe hay cha mẹ nữa. Tôi bám lấy cánh cửa sổ nơi mình đã đứng trước đó ít lâu. Bất động, nhìn mà không thấy cảnh vật trước mặt,

tôi lần giờ lại hình ảnh buổi tối cuối cùng cùng họ. Khó tin rằng tôi đã chọn giả vờ ngủ thay vì nói với cha mẹ rằng tôi yêu họ và sẽ nhớ họ, những lời đơn giản thoát ra không cần suy nghĩ dù chân thành, và giờ đây sự vắng mặt của chúng khiến tôi đau đớn, vì tôi sẽ chẳng còn cơ hội để nói, cũng như họ chẳng còn nghe được nữa. Những suy nghĩ ấy khiến nước mắt tôi trào ra, và tôi khóc thầm trong bóng tối căn phòng dưới ánh mặt trời chói chang - bầu trời xanh ngắt không gợn mây, ánh sáng tràn ngập khắp nơi. Bà nội ngồi xuống cạnh tôi, không cố gắng an ủi ; bà hiểu không lời nào có thể xoa dịu, nên để tôi tựa vào bà, một tay ôm lấy vai tôi. Suốt buổi chiều, bà cùng tôi nhìn ra con đường, như thể nếu tập trung đủ lâu, chúng tôi sẽ thấy ai đó hiện ra - có lẽ là họ, trở về để phủ nhận tin đồn về cái chết. Đến tối, tôi thiếp đi vì kiệt sức và đau khổ. Bà nội đặt tôi lên giường, với những cử chỉ y hệt, sự dịu dàng y hệt con gái bà dành cho tôi hai mươi bốn giờ trước đó.

Những tuần, tháng sau đó, bà thường thấy tôi bên cửa sổ. Tôi vẫn hy vọng một ngày nào đó, chiếc xe mui trần màu xanh da trời của cha mẹ sẽ xuất hiện, cha bước ra mở cửa cho mẹ với mái tóc vàng xoăn tựa hào quang, làn sương vàng bao quanh khuôn mặt, chảy dài xuống gáy và vai - một sinh vật duyên dáng, mong manh, gần như không thực, như những người mẹ đã mất quá sớm

trong mắt con trẻ. Còn cha tôi, trái lại, toát lên vẻ mạnh mẽ : vai rộng, ánh mắt sắc sảo, tiếng cười rộn rã như lửa trong lò sưởi, vết sẹo trên thái dương từ lần ngã xưa - ông mang một sức mạnh tiềm ẩn. Họ là một cặp đôi tuyệt đẹp : hình ảnh trên tạp chí. Một hình ảnh chỉ chờ tôi. Rồi họ sẽ gọi, và tôi lao xuống cầu thang vào vòng tay họ. Sẽ chẳng có nghĩa địa, áo đen, những lời chia buồn đứt quãng hay người quen xoa đầu tôi như con mèo lạc... Nhưng cha mẹ không gọi. Bộ phim dừng lại ngay trước đó. Đột ngột. Tôi có thể tua lại bao lần tùy thích, nhưng nó chẳng đi xa hơn.

Thay vì đuổi tôi khỏi trạm gác, bà nội thường ngồi cùng. Bằng giọng trầm ấm, bà kể cho tôi nghe về cha mẹ, tình yêu họ dành cho nhau và cho tôi. Họ gặp nhau qua bạn bè, xếp hàng xem một bộ phim Nhật. Ngày mẹ giới thiệu cha, vẻ thờ ơ nhưng đôi mắt lại lảng tránh. Những lời ngọt ngào viết trên thiệp cha gửi qua bưu điện dù ngày nào cũng gặp. Đám cưới trong lâu đài Normandy. Ngày tôi chào đời khó khăn, kéo dài cả ngày trời. Tên tôi, đặt theo nhà thơ họ yêu thích... Những câu chuyện liên tiếp nhau, ngày càng nhiều, chi tiết ấm áp và sống động. Đến giờ tôi vẫn không biết bà đã thêm thắt bao nhiêu để dệt nên huyền thoại về cha mẹ. Nhưng một điều chắc chắn : bà muốn tôi cảm nhận rằng sợi dây giữa chúng tôi vẫn tồn tại dù họ đã ra đi.

Chúng tôi không còn chạm vào hay trò chuyện được nữa, nhưng họ vẫn sống trong tôi : tôi là sự tiếp nối câu chuyện của họ. Và nếu ký ức về họ là điểm tựa duy nhất suốt quãng đời còn lại, thì sự tồn tại của tôi chính là cơ hội thứ hai, minh chứng họ đã từng hiện diện. Ý nghĩ ấy làm tôi bình yên. Tôi rời cửa sổ và những ảo ảnh. Không lâu - cái chết của họ, lúc ấy, đã trở thành một phần cuộc đời tôi.

Lúc ấy, chuyện tôi tỉnh giấc giữa đêm không phải là hiếm. Không hẳn là gặp ác mộng, nhưng tôi không thể ngủ liền mạch quá vài tiếng đồng hồ: tôi bật mở mắt trong giật mình, bụng thắt lại bởi một linh cảm kỳ lạ, rồi trỗi dậy, băng qua căn phòng và men theo hành lang dẫn đến buồng bà nội. Trong bóng tối, tôi dò dẫm, có hình dung đường nét của những vật thể để lặng lẽ mở lối đi về phía bà. Giờ đây khi cha mẹ đã khuất, tôi chỉ còn mỗi bà, và trong lòng chất chứa nỗi sợ mơ hồ rằng trái tim bà sẽ ngừng đập trong giấc ngủ. Bà đã già rồi, suy cho cùng. Nếu thần chết đã cướp đi hai người lớn, thì có gì nó lại buông tha cho người mà lẽ ra, theo đúng quy luật tự nhiên, phải rời bỏ tôi trước cả họ ?

Vì thế, tôi đã hình thành thói quen cúi xuống bên giường bà, đưa tay lướt nhẹ trên khuôn mặt bà để kiểm tra xem bà còn thở hay không. Cảm nhận hơi thở của bà

phả vào những ngón tay đang co quắp của mình khiến tôi voi đi một nỗi lo âu khó tả. Tôi từng muốn khẽ trèo lên chiếc giường ấm áp kia, để được cảm nhận vòng tay bà ôm lấy mình : tôi tin chắc rằng đó sẽ là nơi trú ẩn an toàn nhất trước những sự tàn nhẫn của thế giới này. Nhưng tôi chưa bao giờ làm vậy. Bởi tôi nghĩ rằng, bằng cách đó, bà tôi sẽ giữ được sức lực mà lẽ ra tôi đã lấy mất nếu buông mình theo ý muốn. Một khi đã chắc chắn bà vẫn ổn, tôi chỉ đơn giản trở về phòng mình và ngủ một mạch đến sáng.

Chúng tôi sống trong một trang trại cũ được cải tạo lại, với một nhà phụ mới xây để đón khách (dù chẳng bao giờ có ai đến). Tiếng chuông nhà thờ gần đó điểm từng giờ, nhịp nhàng theo những ngày dài chậm rãi mà bà tôi dễ dàng lấp đầy bằng đủ thứ công việc : nấu ăn, chợ búa, dọn dẹp, may vá, và rồi tôi, tất nhiên, người bà bảo thức dậy hay đi ngủ, mặc quần áo, cho ăn, vuốt ve, mắng mỏ, động viên làm bài tập hoặc đẩy ra vườn để giúp bà chăm sóc luống rau. Bà tận dụng triệt để mảnh đất : những hàng cây nho đen và cây mâm xôi chiếm lấy dải đất dọc theo hàng rào, còn các giống cà chua khác nhau (trong đó có loại tôi thích nhất, «Trái tim bò» với hình dáng sần sùi và «Đen Crimea» gợi cho tôi nhớ đến những vách đá dựng đứng bên biển, những tu viện chênh vênh, một vùng Riviera với núi non phủ xanh)

được trông gần hiên nhà. Tôi thích ngắm nhìn chúng, lâu lâu, cũng như những luống hoa đủ loại, từ những bông hồng mỏng manh, thuần trang trí, đến những cây sen cạn có vị cay nồng ; khi được bày biện khéo léo trên đĩa của bà, chúng thêm vào đó một chút sắc màu, một nét tươi sáng như đom đóm lập lòe. Giữa vườn, một cây táo và một cây anh đào cho quả để làm bánh và mứt, mà mỗi khi hè về, tôi lại hít hà mùi thơm ngọt ngào, chua nhẹ của đường tan và trái cây chín.

Buổi sáng, ánh sáng ban ngày đến với tôi cùng mùi hương mà bà tôi dùng, một mùi hoa nhài đã mãi mãi gắn liền trong tôi với hình ảnh một cụ bà phong cách tao nhã, đôi mắt trong như nước, mái tóc bạc tuyệt đẹp búi cao gọn gàng và cài bằng một trâm ngọc bích. Chiếc trâm là một món quà, và cũng là nét điệu đà duy nhất của bà - bà chẳng bao giờ đeo trang sức, ngoài chiếc nhẫn cưới. Nó không phải từ mẹ tôi hay ông nội, người đã mất trước khi tôi chào đời, mà từ một người hàng xóm, bà Thi, một cụ già người Việt chỉ biết bập bẹ vài từ tiếng Pháp. Nhưng điều đó không ngăn được hai bà trò chuyện mỗi khi gặp nhau, bằng nụ cười, cái gật đầu và... những món ăn ngon.

Một lần, bà tôi tặng bà Thi một hũ mứt táo. Sau khi cảm ơn rồi rít, bà Thi đáp lễ ngay hôm sau bằng một đĩa chả giò gói trong giấy bạc, kèm rau sống, lá bạc hà và một chai nước mắm. Bà diễn tả cách cuốn những chiếc nem giòn rụm trong lá bạc hà và rau sống rồi chấm nước mắm, bà tôi thích thú, và từ đó, hai bà không ngừng bày tỏ tình cảm bằng đủ món ăn - bánh ngọt và pátê tự làm từ bà tôi, thịt kho tàu và bánh tôm từ bà Thi - cùng những món quà nhỏ, như chiếc trâm ngọc khắc hình hoa sen trên búi tóc của bà tôi, mà bà Thi - cũng búi tóc kiểu ấy - cũng đeo những phiên bản xinh xắn khác, khảm ngọc trai, hạt đen hay vàng mờ. Cảm động, bà tôi tặng lại bà Thi một chiếc khăn lụa ; bà để ý thấy bà Thi luôn quàng cổ một chiếc khăn màu thu - nâu, vàng hoe, kem, mạn - bất kể thời tiết hay mùa nào. Lớn lên ở một ngôi làng nhỏ miền Bắc Việt Nam nơi nhiệt độ mùa hè dễ dàng lên tới bốn mươi độ, bà chẳng bao giờ quen với khí hậu Pháp, luôn sợ hãi một cách vô lý rằng mình sẽ bị cảm lạnh rồi chết vì viêm phổi. Thế nên bà sưu tập đủ loại khăn choàng, khăn quàng từ đủ chất liệu, nhưng luôn trong cùng tông màu.

Bà Thi không sống một mình, mà cùng con trai, con dâu và cháu gái. Con trai và con dâu là những người đầu tiên sang Pháp, chạy trốn khỏi một Việt Nam sau chiến tranh biến thành vùng đất cháy khét, nơi tương

lai ngày càng giống một lối đi cụt hoặc một chuyến đi không về về cõi hư vô (hoặc địa ngục, tùy góc nhìn). Họ học ở Paris, gặp nhau rồi kết hôn, và từ đó làm việc cật lực để gây dựng lại những gì đã mất - mái ấm, gia đình, niềm tin vào thế giới này. Người cha, một kỹ sư, chẳng tính giờ làm, cũng như vợ ông, một nhà nghiên cứu hóa học, nên con gái họ thường ở với bà nội, được bà chăm sóc như cách bà tôi chăm tôi.

Khi năm học mới gần kề, bà tôi, nghĩ rằng tôi đã đủ bất ổn vì cái chết của cha mẹ, muốn giúp tôi hòa nhập vào trường mới và lớp mới bằng cách giới thiệu tôi với cháu gái của bà Thi ; cô bé cùng tuổi tôi và có thể dẫn tôi làm quen với trường, nơi cô ấy đã học hai năm. Bà hy vọng nếu kết bạn trước, tôi sẽ không phải đối mặt với sự cô lập mà mọi kẻ mới đến đều trải qua khi các nhóm bạn đã hình thành. Thế là vào một buổi chiều đẹp trời tháng Tám, bà đề nghị tôi cùng đến thăm bà Thi và cháu gái vừa đi nghỉ về, trên tay là một giỏ đầy mứt và anh đào từ vườn nhà. «Cháu sẽ thấy, cô bé rất ngoan và lịch sự. Bà tin cháu sẽ dễ dàng thân với cô ấy : hai đứa cùng tính cách, trầm lặng nhưng không nhút nhát.»

Tôi nắm tay bà với chút hào hứng dè dặt trong chuyến đi bộ đến nhà bà bạn, cách đó vài con phố. Tôi đã quen với nhịp sống đều đều, những đêm trần trọc, ký ức về

cha mẹ bao trùm tôi cả ngày như một cái kén khi tôi đi từ cửa sổ ra vườn, rồi từ vườn vào cửa sổ. Thời gian như ngừng trôi kể từ khi họ ra đi, và tôi chỉ thấy phiên toái nếu nó lại chuyển động. Những bóng ma của tôi là đủ ; tôi chẳng muốn quen ai mới.

Mặt trời kéo dài bóng chúng tôi trên vỉa hè, và tôi cảm nhận một cách thụ động nhưng biết ơn hơi ấm của nó trên má và tóc. Bà tôi và tôi bước đi nhịp nhàng, và giờ đây tôi nghĩ về một câu chuyện mà lúc ấy tôi chưa biết. Chuyện về một người đàn ông muốn vào một thành phố kỳ lạ và kỳ diệu, nơi có những con kỳ lân lông vàng, và một thư viện khổng lồ - chứa không phải sách, mà là ký ức của hàng ngàn sinh linh, trong đó có ký ức đã mất của chính anh ta. Nhưng để vào được, anh phải từ bỏ người bạn đồng hành duy nhất - cái bóng của mình. Vì đó là luật lệ trong thành phố chỉ có ba mùa (hạ, thu, đông), không có xuân : phải bước vào một mình, tinh khôi, không vương dấu vết quá khứ, dù anh muốn tìm lại chính mình giữa biển ký ức chất đầy trong thư viện xoắn ốc. Ngọn tháp ấy chạm mây, và không được canh giữ bởi chó ba đầu hay quái vật nghìn mắt, mà bởi một thiếu nữ bí ẩn, dù thân thiện, nhưng luôn để những câu hỏi của anh không lời đáp... Đánh đổi ảo tưởng được biết mình là ai, người đàn ông hi sinh cái bóng, và chỉ nhận lại sự thấu hiểu phũ phàng về câu đố đang gặm

nhắm anh, trải ra như sa mạc nơi không gì sống sót, ngoài ý thức của anh.

Giờ đây tôi là ý thức giữa khoảng trống ấy, nhưng lúc đó tôi chẳng hay biết gì, bà tôi nắm tay tôi và tôi không biết rằng những nốt piano vang lên trong không trung, càng lúc càng rõ khi chúng tôi đi qua phố, tôi không biết rằng nỗi u sầu khiến bản nhạc ấy ngọt ngào như tiếng hát chính là dấu hiệu tôi bước vào một thế giới đầy những thứ hư ảo và quyến rũ như kỳ lân lông vàng. Một thế giới nơi những cái bóng từng đi cùng bạn không còn chọn lựa nào khác ngoài biến mất, nhường chỗ cho ảo ảnh mới.

Bà tôi dừng trước ngôi nhà nơi tiếng đàn vọng ra và giải thích rằng cháu gái bà Thi chơi piano từ nhỏ. Cô bé rất tài năng, và đã khiến các phụ huynh xúc động trong lễ bế giảng tháng Sáu... Và thế là tôi bắt đầu yêu Anna từ trước cả khi gặp mặt.

Một Cuộc Đời Bên Cây Dương Cầm : Cuộc Trò Chuyện Với Anna Song

Bởi Robert Quirenne

Để tưởng nhớ Anna Song, người đã qua đời tuần trước, www.mondeenmusique.com đăng lại bài phỏng vấn mà bà đã thực hiện cách đây bảy năm, vào năm 2001, với nhà phê bình Robert Quirenne trên một tạp chí nay đã ngừng hoạt động, *Những lời và những nốt nhạc*.

Anna Song : cái tên này vốn xa lạ với tôi cho đến khi tôi nhận được qua đường bưu điện, một tháng trước, một CD của nghệ sĩ này kèm theo một lời nhắn ngắn gọn của Paul Desroches, giám đốc nhà xuất bản Piano solo : «Hãy nói cho tôi biết bạn nghĩ gì về nó», kèm theo một số điện thoại. Tò mò, tôi bỏ đĩa vào hệ thống âm thanh nổi. Những nốt nhạc đầu tiên của Ondine vang lên trong văn phòng tôi, tựa như những giọt mưa rơi xuống mặt hồ, và tôi sớm nhận ra một sự thật : tôi chưa từng nghe bản trình diễn nào điêu luyện và tinh tế hơn các tác phẩm của Ravel, từ Sonatine đến ba phần của Gaspard de la nuit. Ở đó có sự lưu loát, sự dễ dàng, nhưng cũng có sự nhạy cảm, sự tinh tế trong cách chạm phím, khiến tôi choáng ngợp. Ngay khi đĩa

nhạc kết thúc, tôi cảm điện thoại và gọi để tìm hiểu thêm : rốt cuộc ai là nữ nghệ sĩ dương cầm xuất chúng mà tôi chưa từng nghe nói đến trước đây ? Chính Paul Desroches đã bắt máy và trả lời rất ân cần mọi câu hỏi tôi đặt ra. Khi tôi bày tỏ mong muốn được gặp Anna Song, ông ấy do dự, rồi đồng ý với lời dặn rằng tình trạng sức khỏe của nữ nghệ sĩ yêu cầu cuộc trò chuyện không kéo dài quá hai giờ. Đồng thời, ông cũng cho tôi biết cả hai đã kết hôn và sống trong một biệt thự nhỏ cách Paris bốn mươi cây số.

Tôi đã đến thăm họ vào chiều ngày 17 tháng Năm vừa qua. Khuôn viên rất đẹp và được chăm sóc cẩn thận. Một con đường rải sỏi dẫn đến một ngôi nhà được xây dựng từ giữa thế kỷ XIX, với một sân thượng và một công viên đầy cây bạch dương. Paul Desroches đón tôi trên thềm nhà, bắt tay tôi, rồi dẫn tôi lên cầu thang trước khi để tôi lại một mình với vợ ông trong phòng khách. Mặc một chiếc váy lụa màu xanh, tóc búi cao, Anna Song đứng dậy chào tôi, và ngay lập tức tôi bị ấn tượng không phải bởi vẻ đẹp hay sự thanh lịch không thể phủ nhận của bà, mà bởi sự quyết tâm toát lên từ con người bà. Đôi mắt đen của bà tỏa ra sự kiên định và năng lượng, tương phản với giọng nói nhẹ nhàng, gần như thì thầm, nụ cười như tranh vẽ, và những cử chỉ mệt mỏi. Đó là đôi mắt của một người đã chiến đấu

rất nhiều và vẫn tiếp tục chiến đấu mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút để đứng vững, chỉ bằng sức mạnh ý chí, và trong một khoảnh khắc, tôi tự hỏi bà đã trải qua những vực thẳm nào để trở lại với đôi mắt như thế.

Chúng tôi ngồi vào những chiếc ghế bành đối diện lò sưởi, trước một chiếc bàn sắt rèn chất đầy sách về Mozart, Chopin, Beethoven và Debussy. Nhận thấy ánh mắt tôi, Anna Song chia sẻ rằng bà có thói quen đắm mình vào tiểu sử của các nhà soạn nhạc khi nghiên cứu tác phẩm của họ. Những cuốn sách này soi sáng cho bà ; chúng giúp bà thấu hiểu những bí ẩn trong bản nhạc bà đang học, mang đến cho cách chơi của bà sự chính xác mà nó không thể có được nếu không. Và đó là cách cuộc trò chuyện của chúng tôi bắt đầu, điểm lại toàn bộ hành trình của bà, từ quá khứ là một đứa trẻ thân đồng đến sự hồi sinh nghệ thuật ở tuổi ngoài bốn mươi.

Robert Quirenne. - Việc hiểu biết về cuộc đời của Ravel, chẳng hạn, giúp ích như thế nào trong việc thấu hiểu âm nhạc của ông ?

Anna Song. - Cũng giống như các nhà văn chỉ viết về chính họ, về những gì họ đã thấy, trải qua và nghe, dù câu chuyện họ kể có xa rời cuộc đời họ đến mấy, các nhà soạn nhạc, theo tôi, cũng chủ yếu lấy cảm hứng từ chính cuộc đời mình để sáng tạo. Chỉ có điều, sự kỳ diệu này

có vẻ bí ẩn hơn bởi âm nhạc được viết bằng một ngôn ngữ không phải từ ngữ mà là nốt nhạc, một ngôn ngữ không thể hiểu được, vì nó không mang ý nghĩa nào : nó đánh thức cảm xúc, hướng đến trái tim và tâm hồn hơn là trí tuệ hay tâm trí. Trường hợp của Ravel, có những điều hiển nhiên : chuyến đi đến Mỹ và sự quan tâm của ông đến nghệ thuật châu Á, chẳng hạn, được phản ánh trong các tác phẩm như Concerto en sol và Concerto pour la main gauche, chịu ảnh hưởng của nhạc jazz, hoặc Laideronnette, impératrice des pagodes, với âm sắc ngoại lai, rất «Trung Hoa». Những quan sát rút ra từ cuốn sách Esquisse d'autobiographie của ông cũng là những gợi ý quý giá về nghệ thuật của ông, như khi ông tuyên cha rằng Jeux d'eau lấy cảm hứng từ tiếng nước và âm thanh của những dòng suối, thác nước, hoặc khi ông trích dẫn Shakespeare về Miroirs («Ánh nhìn không tự nhận ra mình cho đến khi nó đi qua và gặp một tấm gương để nhìn thấy chính mình»). Dù vậy, tôi nhận ra mình đang nói như thể một bản diễn giải là một trò chơi ghép hình, và cuộc đời cùng lời nói của nhà soạn nhạc là những mảnh ghép. Nhưng điều tôi tìm kiếm khi đắm mình vào thế giới riêng của Ravel không thuộc về lý trí hay suy nghĩ, mà là trực giác - gần như là tiềm thức. Sau khi sống trong cái bóng của ông, hay đúng hơn là được đồng hành cùng nó, một sự thấu hiểu

cuối cùng cũng đến, giúp tôi nắm bắt được ý định sâu xa trong những gì ông sáng tạo. Đó là một trải nghiệm kỳ lạ và tuyệt vời, một dạng thức khai thị mà tôi khó lòng giải thích được cơ chế.

Phương pháp tiếp cận âm nhạc của bà vẫn chủ yếu dựa trên bản năng ?

Đúng vậy, và tôi nghĩ điều này bắt nguồn từ việc mẹ tôi đặt tôi trước cây dương cầm trước cả khi tôi biết nói. Âm nhạc là phương tiện biểu đạt đầu tiên của tôi, là cách đầu tiên tôi tiếp xúc với thế giới. Mẹ tôi từng chơi dương cầm thời trẻ, bà rất có tài và thậm chí đã từng nghĩ đến việc sống bằng nghề đó. Cuộc đời bà cuối cùng đã đi theo hướng khác, nhưng niềm đam mê với cây đàn vẫn ở lại, và khi tôi sinh ra, tôi đã hoàn toàn đắm mình trong Bach, Mozart, Schubert, Chopin, Prokofiev, v.v. Chúng tôi nghe họ cả ngày ; tôi được đánh thức bằng âm nhạc, được cho ăn với âm nhạc, được nghe đọc sách cùng âm nhạc. Ngay khi tôi lên hai hoặc ba tuổi, mẹ tôi, ngồi trước đàn, đặt tôi lên đùi và chơi những giai điệu rất đơn giản mà tôi phải lặp lại ngay sau đó. Dần dần, tôi đã đến được với những bản nhạc ngày càng phức tạp mà không hề nhận ra. Tôi không ý thức được rằng đó là một quá trình học hỏi. Đối với tôi, đó là một hoạt động vui chơi mà tôi càng

yêu thích hơn vì nó khiến mẹ tôi vui...

Bà đã từng là một thần đồng ?

Có thể nói như vậy, dù... Hãy nói rằng tôi có năng khiếu với một nhạc cụ và vì được làm quen với nó từ rất sớm và một cách chuyên sâu, những khả năng đó đã phát triển nhanh chóng. Cha mẹ tôi rất vui, tất nhiên, nhưng họ vẫn nhấn mạnh rằng tôi phải tiếp tục đi học bình thường cho đến hết cấp hai, dù các buổi học piano ngày càng nhiều đến mức chiếm hết mọi khoảng thời gian rảnh rỗi khi tôi lớn lên. Chỉ khi đến Mỹ - cha mẹ tôi di cư đến đó khi tôi mười hai tuổi - tôi mới được phép chỉ làm việc đó hoặc gần như chỉ làm việc đó. Một bậc thầy đã nhận tôi làm học trò và tôi đã luyện tập, luyện tập, luyện tập... Tôi không nghĩ đến điều gì khác. Sau đó, tôi vào học tại Juilliard School. Nhưng ngay cả trước những buổi học đầu tiên ở đó, tại ngôi trường mà tôi luôn mơ ước được theo học để trở thành nghệ sĩ biểu diễn, tôi nhận thấy ngón đeo nhẫn và ngón út của bàn tay phải có xu hướng co lại vào lòng bàn tay khi tôi luyện tập. Tôi đã đi khám bác sĩ, người nói rằng dây thần kinh của tôi bị viêm và tôi cần để cơ bắp nghỉ ngơi trong ba tháng. Tôi đã làm vậy. Nhưng khi tôi tập lại, chứng co thắt không biến mất, mà thậm chí còn tệ hơn. Tôi gần như không thể cử động hai ngón tay đó.

Juilliard phản ứng thế nào ?

Bằng cách đuổi tôi. Kể từ khi tôi không thể chơi đàn nữa, tôi không còn tồn tại với họ. Một phản ứng có thể được coi là bình thường hoặc quái dị. Với tôi, tôi đã bị hủy hoại. Tôi đã chạy khắp nước Mỹ để gặp các chuyên gia, nhà vật lý trị liệu, bác sĩ tâm thần, thầy chữa bệnh, v.v. Họ đưa ra đủ loại chẩn đoán và tôi đã trải qua quá trình kích thích dây thần kinh, chụp tủy đồ, MRI, đồng thời theo hàng chục liệu pháp vật lý và tâm lý - mà không có kết quả. Mọi thứ rất phức tạp vì hiện tượng này chỉ xảy ra khi tôi chơi đàn ; nhưng rất ít bác sĩ có đàn piano trong phòng khám, nên đôi khi tôi có cảm giác mình bị coi là một kẻ bịa chuyện ! Một số người cho rằng đó là vấn đề tâm lý, số khác lại nói rằng gân của tôi, quá căng, cần phải phẫu thuật... Dù sao thì, vào thời điểm đó, tôi thực sự cảm thấy sự nghiệp của mình đã bị chôn vùi trước khi kịp bắt đầu.

Nhưng cuối cùng bà đã khỏi bệnh ?

Tôi mắc một chứng bệnh mà nhiều nghệ sĩ khác đã từng là nạn nhân trước tôi - chỉ có điều bí mật được giữ kín, vì thừa nhận sự tồn tại của chứng liệt liên quan đến việc chơi nhạc cụ đồng nghĩa với việc tự sát nghề nghiệp, điều gần như đã xảy ra với tôi. Ngày nay, người ta hiểu rõ hơn về loại bệnh lý này, được gọi là «chứng

loạn trương lực cơ ở nhạc sĩ», đã xác định được nguồn gốc từ não bộ, và tìm ra cách khắc phục, dù không phải lúc nào cũng hiệu quả, dù trong trường hợp của tôi nó đã có tác dụng : Những liều tiêm cực nhỏ và được định vị chính xác của chất độc botulinum có thể giúp thư giãn cơ bắp và làm giảm đáng kể các cơn co thắt. Chúng không giải quyết được gốc rễ vấn đề nhưng mang lại sự nhẹ nhõm thực sự... Nhờ đó, tôi có thể chơi piano trở lại, dè dặt trong thời gian đầu - tôi tránh những bản nhạc quá nhiều nốt liên tục vì sợ làm cơn co thắt bùng phát. Mọi thứ dần trở lại bình thường, ngoại trừ việc thái độ của các tổ chức và giới âm nhạc nói chung đã làm tôi tổn thương sâu sắc và cạn kiệt năng lượng : tôi bị gãy đổ ngay giữa chừng.

Điều gì đã tiếp thêm can đảm cho bà ?

Một người mà bạn vừa bắt tay lúc này... Tôi tiếp tục sự nghiệp âm nhạc trong âm thầm gần như tuyệt đối, cho đến khi gặp lại người sau này trở thành chồng tôi, Paul. Chúng tôi đã quen biết từ trước nhưng lạc mất liên lạc (một câu chuyện dài, có lẽ không thú vị lắm với bạn). Nhưng tôi có thể nói rằng, tôi tin tưởng anh ấy hơn cả chính mình - anh ấy có gu thẩm mỹ tinh tế, kiến thức âm nhạc uyên bác và đôi tai phi thường. Chính anh ấy đã thuyết phục tôi thực hiện dự án điên

rô, ghi âm hầu hết các tác phẩm piano kinh điển trước khi chết. Khi biết mình mắc ung thư, phản ứng đầu tiên của tôi không phải là tự trách số phận hay oán trời. Tôi nghĩ: Dù sao, bệnh tật cũng không ngăn được mình chơi nhạc! Lúc đó, tôi nhận ra âm nhạc quan trọng với mình đến nhường nào. Âm nhạc, tức niềm vui thuần túy khi được ngồi bên cây đàn, còn hơn cả những buổi biểu diễn, thứ tôi không còn đủ sức duy trì do bệnh tình. Ghi âm có điều kỳ diệu là tôi có thể chơi lại nhiều lần cho đến khi hài lòng, hoặc tạm dừng nếu mệt. Nhờ đó, tôi tiếp tục theo đuổi nghệ thuật mà không sợ làm khán giả thất vọng vì hủy buổi diễn hay trình diễn kém do sức khỏe. Đồng thời, nỗ lực của tôi không vô ích vì những bản thu này sẽ còn mãi ; ai cũng có thể nghe và trân trọng chúng. Ý nghĩ ấy an ủi tôi : nếu hoàn thành dự án, cuộc đời tôi sẽ có ý nghĩa.

Bà làm việc hàng ngày thế nào ?

Paul lắp đặt phòng thu trong một căn nhà nhỏ cách đây vài mét, giúp tôi di chuyển dễ dàng. Tôi đến đó sau mỗi lần khám bệnh, nếu đủ sức. Paul luôn đồng hành cùng tôi. Chúng tôi cùng lên kế hoạch ghi âm, bắt đầu bằng những tác phẩm khó nhất như études của Godowsky phổ từ Chopin, chúng đòi hỏi kỹ thuật và sức lực mà tôi sắp không còn.

Một chi tiết cuối : không phải bản thu kỹ thuật âm tượng ấy, mà là tác phẩm của Ravel được gửi đến báo chí. Tại sao ?

Thật lòng, tôi chỉ tập trung chơi nhạc vì không còn thời gian hay hứng thú cho việc khác. Paul lo mọi thứ, từ đóng gói đến phân phối. Tôi không biết anh ấy chọn Ravel - bạn vừa cho tôi hay đấy. Nhưng tôi đoán lý do: bản nhạc đầu tiên anh ấy nghe tôi chơi là Khúc Pavane cho một công chúa đã khuất của Ravel.

Tiếng chuông cửa của bà nội vang lên, dòng nhạc ngừng bật. Đám mây nốt nhạc tôi đang lơ lửng tan biến, kéo tôi trở về thực tại. Tôi nghe tiếng bước chân, thấy tay nắm cửa xoay và gương mặt cười của bà Thi hiện ra. Mái tóc bạc búi cao ghim trâm giống bà nội tôi ; chiếc áo lụa thêu trên vai càng tôn vẻ sang trọng toát ra từ dáng đi, làn da trắng hơn cẩm thạch, đôi tay thon. Bà mời chúng tôi vào. Qua khung cửa, tôi thấy cây đàn piano giữa phòng khách. Trên ghế đầu ngồi một cô bé mặc váy đỏ, đi giày bóng loáng, vẻ mặt đăm chiêu như chưa thoát khỏi thế giới âm nhạc vừa tạo ra từ đôi bàn tay nhỏ xíu. Đó là lần đầu tôi thấy Anna : lưng thẳng, ánh mắt đậm sau mái tóc ngắn, đôi tay lưu luyến trên phím đàn. Nghe bà gọi, cô bé đứng dậy bước về phía chúng tôi. Chúng tôi đối mặt, ngượng ngùng nhìn nhau.

Bà nội khen ngợi bản nhạc vừa nghe và hỏi tên. Anna thì thầm đáp, nói thêm rằng bàn tay còn quá nhỏ để chơi tốt, nhưng cô bé rất yêu bản nhạc. «Tôi cũng vậy», tôi buột miệng. Ba cái đầu quay lại khiến tôi bối rối. «Rất... rất hay», tôi đáp ứng, mặt đỏ như vừa mở lò bánh. Bà nội đề nghị Anna tiếp tục chơi đàn trong khi hai bà chuẩn bị trà chiều. Anna gật đầu, và chúng tôi ở lại với cây đàn.

Cả buổi chiều, tôi nghe cô bé chơi. Những ngón tay

nhỏ nhảy múa trên phím đen trắng, tạo ra âm thanh khi trầm lắng như biển sâu, khi cao vút như giọt sương long lanh. Anna đọc tên từng bản nhạc nhưng tôi mê mãi trong dòng nốt nhạc nên chẳng nhớ nổi. Cuối ngày, bánh kẹo trên bàn nguyên vẹn, còn tôi và Anna đã trở thành bạn, cũng như gió thổi, mặt trời chiếu sáng và biển mặn.

Việc ghé thăm Anna và bà của cô ấy, khi họ không đến nhà chúng tôi, đã trở thành một thói quen hàng ngày không thể thiếu ; hai người phụ nữ lớn tuổi, vui mừng vì sự hòa hợp của chúng tôi, đã làm mọi cách để củng cố mối quan hệ mới chớm nở. Chúng tôi cùng ăn bữa xế, vui đùa trong vườn, giúp bà của Anna chuẩn bị những món ăn kỳ diệu nhỏ cho bà của tôi. Tôi nhớ đã dành cả một ngày để theo dõi các bước chuẩn bị bánh pâté ; việc làm ẩm những chiếc bánh tráng mỏng, nhúng vào nước rồi đặt lên khăn sạch ; trộn thịt heo băm nhỏ với cà rốt bào, nấm mèo thái nhỏ và miến trong ; đặt từng chút nhân lên bánh tráng, được bà của Anna khéo léo cuộn lại ; tiếng lách tách của những chiếc bánh tráng nhỏ khi bà thả vào chảo dầu sôi ; màu vàng nhạt dần dần phủ lên chúng. Rồi niềm vui khi thưởng thức, hương vị tinh tế của bạc hà và rau mùi hòa quyện với nước mắm, nhân bánh mềm thơm ẩn dưới lớp vỏ giòn tan.

Nhưng điều tôi thích nhất là được nghe Anna chơi đàn. Cô ấy luyện tập chăm chỉ, lặp lại các bài tập với sự kiên nhẫn và kỷ luật xứng đáng của một vận động viên đỉnh cao trước khi bắt đầu vào các bản nhạc. Cô ấy nghiên cứu từng chi tiết, suy nghĩ dài lâu về cách thể hiện phù hợp cho từng đoạn nhạc, và tôi nghe cô ấy chơi với những nhịp độ khác nhau, cùng những thay đổi tinh tế trong sắc thái, như một nhà khoa học thay đổi các thông số của thí nghiệm : thời gian, nguyên liệu, nhiệt độ, thứ tự thực hiện. Cô ấy chắc chắn tìm thấy niềm vui khi chơi đàn, nhưng điều khiến tôi ấn tượng là cách cô ấy kiểm soát mọi xung động, điều khiển từng chuyển động nhỏ nhất, từng cảm xúc dù vẫn thoát ra từ đôi tay với một sức mạnh và cường độ không thể cưỡng lại - bề ngoài là vậy. Sự tỉ mỉ đến mức kết quả lại có vẻ rất tự nhiên khiến tôi mê mẩn. Thời gian trôi qua, sự chú ý của tôi không hề giảm sút : bên cạnh Anna, tôi quên hết mọi thứ, như thể tôi đang hút lấy khả năng tập trung hoàn toàn vào phím đàn của cô ấy, và tách biệt khỏi thế giới xung quanh.

Vào năm học mới, chúng tôi hình thành thói quen cùng nhau đi học và về nhà. Các bà của chúng tôi đợi ở trạm xe buýt, và chúng tôi bắt đầu một cuộc dạo chơi với một điểm dừng quen thuộc, luôn là cùng một nơi, đi thẳng sau khúc cua thứ hai trên đường ; để những người

đón chúng tôi trò chuyện với vài cử chỉ và nét mặt, chúng tôi tiến đến hàng rào của một cánh đồng cỏ gần đó, nơi có vài con cừu đang gặm cỏ. Chúng tôi hái lá mà chúng thích ăn, nhưng hàng rào ngăn chúng lại. Chúng chậm rãi nhưng chắc chắn tiến về phía chúng tôi, dự đoán một bữa ăn ngon với vẻ điềm tĩnh đặc trưng của loài cừu. Rồi chúng nhai và nuốt ngấu nghiến những nắm lá xanh chúng tôi đưa cho, khiến chúng tôi vui sướng. Tôi mỉm cười, còn Anna cười lớn. Tiếng cười làm cô ấy rạng rỡ, và cô ấy đẹp đến lạ với làn da trắng, gò má cao và nổi bật như người Ấn, đôi mắt to hình quả mơ và mái tóc đen bóng như được đánh bóng, phủ một lớp chất lỏng bí ẩn nào đó.

Có điều gì đó từ cô ấy khiến tôi cảm thấy gần gũi một cách kỳ lạ. Bên cạnh Anna, tôi cảm thấy một sự thoải mái ; một làn sóng ấm áp tràn ngập ngực tôi và xoa dịu nỗi đau từ cái chết của cha mẹ tôi. Tôi không hẳn là bất hạnh, mà chỉ như tê liệt, và Anna đã kéo tôi ra khỏi trạng thái đó, hay đúng hơn là thay đổi bản chất của nó : cách tôi nhìn thế giới xung quanh đã khác đi chỉ vì sự hiện diện của cô ấy. Dù cô ấy bước đi trên mặt đất này, cô ấy dường như sống ở một thế giới khác, phong phú và đầy chất thơ hơn thế giới tôi biết, và cô ấy cho tôi thấy điều đó mỗi khi chúng tôi gặp nhau. Đó như một bí mật cô ấy giữ trong lòng, và tôi luôn cảm thấy mình

sắp chạm đến nó mỗi khi bà tôi và bà Thi gọi chúng tôi về nhà. Tôi tin chắc rằng chính bí mật này đã mang đến cho âm nhạc của cô ấy một sự tuyệt đối. Đằng sau sự tinh tế của những sắc thái và cảm xúc được kiểm soát, có một điều gì đó khác, như một khát khao tồn tại, một nguyện vọng không thể dập tắt, khiến mỗi nốt nhạc Anna chơi đều rung động đặc biệt ; nó xuất phát từ bụng, lan tỏa khắp cơ thể, như một luồng điện chạy qua tim, phổi, cơ bắp, da, với cường độ mạnh đến mức đôi khi tôi cảm thấy mình sắp nổ tung. Cơ thể tôi, như một nhà tù bằng xương thịt, quá chật hẹp để chứa đựng tất cả những gì tôi cảm nhận khi nghe Anna chơi đàn.

Âm nhạc của cô ấy làm tôi phấn chấn, còn giọng nói của cô ấy xoa dịu tôi ; Anna buông từng lời một cách cẩn trọng, như thể miễn cưỡng để chúng trôi đi. Nhịp điệu chậm rãi của cô ấy gọi cho tôi tiếng thì thầm của một con suối. Không giống như giọng the thé, chói tai, thậm chí rên rỉ của những cô gái khác trong lớp. Hơn nữa, Anna nổi bật giữa tất cả chúng tôi. Cô ấy hiếm khi nói to khi ở trong nhóm và không tham gia vào những hoạt động hỗn loạn trong sân trường : tôi chưa bao giờ thấy cô ấy chạy hết tốc lực, la hét, hay đánh nhau với đứa trẻ nào. Đôi khi cô ấy chơi bi, một cách khéo léo, nhưng thích ngồi đọc sách trên một trong những chiếc ghế dưới gốc cây lớn giữa sân. Cô giáo, một người đam

mê thực vật, đã cho chúng tôi biết tên kỳ lạ của cây - ginkgo biloba - cùng những đặc tính đặc biệt : nó không bị sâu bệnh, chống chịu được ô nhiễm, có dược tính và tiết ra một loại nhựa ngăn không bị cháy khi có hỏa hoạn.

Tôi thường đến ngồi cùng bạn mình dưới gốc cây, và cũng như khi chúng tôi cùng nhau cho cừu ăn, chúng tôi quan sát các bạn cùng lớp và trò chơi của họ. Đôi khi chúng tôi trò chuyện, đôi khi không, chỉ im lặng giữa sự ồn ào xung quanh. Tôi vẫn nghĩ về cha mẹ mình, lúc đầu. Tôi tưởng tượng mình đang ở cùng họ, gọi lại những kỷ niệm hạnh phúc - sinh nhật lần thứ bảy của tôi khi mẹ làm một chiếc bánh chocolate trang trí bằng những hạt đường màu viết tên tôi, một Giáng sinh tôi nhận được bộ đồ Superman mà tôi đã thèm muốn từ lâu. Rồi dần dần, nỗi buồn của tôi nhường chỗ cho sự tò mò ; tôi bắt đầu tự hỏi Anna đang nghĩ gì mà có vẻ tách biệt khỏi thế giới đến vậy - như thể một bức tường kính mỏng ngăn cách cô ấy không chỉ với người khác, mà cả với tôi.

Nhiều tuần trôi qua trước khi tôi có manh mối đầu tiên. Anna không hay nói, và trong tâm trạng bối rối, tôi cũng không nghĩ đến việc hỏi cô ấy. Tôi có một manh mối vào một ngày tháng Mười, khi gió thổi mạnh dưới

bầu trời xám xịt, làm rụng hàng loạt lá từ cây ginkgo bay tán loạn trong không trung trước khi rơi xuống sân trường. Anna quyết định nhặt chúng và rời mái hiên nơi hầu hết chúng tôi trú mưa. Mái tóc cô ấy bay tung trong gió nhưng cô ấy không để ý, chỉ chăm chú đặt những chiếc lá vào giữa trang một cuốn sách ảnh mang theo để làm tiêu bản. Khuôn mặt cô ấy thể hiện sự tập trung giống như khi chơi đàn, và sau một lúc, tôi đến giúp. Cô ấy liên tục vuốt ve bề mặt phẳng lì của những chiếc lá, như ngạc nhiên vì không cảm nhận được bất kỳ gân hay xương sống nào, chỉ một bề mặt hoàn hảo, như một chiếc quạt nhỏ không cánh. Và khi cô ấy cẩn thận ép chúng vào giữa trang sách, cô ấy bắt đầu kể cho tôi nghe, người vốn ít nói, đột nhiên mở ra cánh cửa vào thế giới mà tôi thấy bí ẩn và hấp dẫn chỉ vì nó thuộc về cô ấy. Cô ấy tâm sự rằng cô ấy yêu cây này, vì nó gợi nhớ một câu chuyện mẹ cô ấy kể, về một bức ảnh đen trắng treo trong phòng khách nhà cô ấy, ngay trên cây đàn piano. Bức ảnh chụp một người đàn ông lớn tuổi, mặc quần satin và áo dài lụa, đứng trước một ngôi nhà rộng với kiến trúc tối giản, có hàng cột tạo thành hiên, xung quanh là cây dừa và cọ, cùng một cây ginkgo biloba bên phải. Một «ngôi nhà kiểu thuộc địa», như người ta gọi, nhưng trớ trêu thay, lại được xây bởi một người bị đô hộ. Người đàn ông trong ảnh là ông nội của Anna,

một nông dân Việt Nam, người dù thiếu tiền, gia đình và học vấn, đã được trời phú cho trực giác nhạy bén và óc thực tế, ông đã nảy ra ý tưởng trồng tre và dừa trên quy mô lớn, những loại cây dễ sinh trưởng ở vùng khí hậu này và có thể ứng dụng đa dạng : từ ẩm thực, thủ công mỹ nghệ đến làm hàng rào, ông dẫn nước, chiếu, bột giấy, dầu thắp sáng, mái lợp hoặc nhiên liệu đốt. Bán với giá rẻ, ông chẳng mấy khó khăn để tiêu thụ những nguyên liệu luôn có nhu cầu cao này. Chỉ sau vài năm lao động cật lực, ông đã trả hết những khoản nợ lớn vay để khởi nghiệp và trở nên giàu có : đồn điền của ông trở thành huyết mạch kinh tế của vùng Nha Trang ven biển, không chỉ có tre và dừa mà còn mía rồi, thanh long, sầu riêng, măng cụt... Những cánh đồng và vườn cây ăn trái dần biến thành một biển màu ngọc lục bảo, xanh kiwi và xanh cỏ non, một bức khảm sắc xanh trải dài khắp các đồi núi xung quanh.

Suốt mười lăm năm, tài sản của ông nội Anna lớn dần cùng với đất đai, đạt đến mức ông có thể mua cả thị trấn lân cận nếu muốn. Nhưng ông chẳng hề có ý định đó. Chiếm hữu những cửa hàng sẵn có, những ngôi nhà đã xây, bãi biển vốn tồn tại từ ngàn đời chẳng khiến ông hứng thú. Điều ông khao khát, luôn luôn là thế, là rời khỏi nông trại nơi cả gia đình đang sống để xây dựng giữa những luống cây - thứ đã giúp ông, một tiểu

nông nghèo khó, tái sinh thành một đại điền chủ - một dinh thự với công vòm thanh lịch, sàn gỗ phòng khách, phòng tắm lát gạch, cột trạm trổ, cửa sổ cao vút, vườn cảnh và hồ bơi cho con cháu thỏa sức vầy vùng. Ông cùng một kiến trúc sư bạn vẽ nên bản thiết kế và tự tay tuyển thợ. Họ mất gần sáu năm để hoàn thành công trình mà ông nội Anna coi là kiệt tác đời mình, tựa như những lăng tẩm nguy nga do các hoàng đế sai xây dọc sông Hương - lăng tẩm đến mức có người chọn sống ở đó trước khi an nghỉ vĩnh hằng... Những lăng ấy có hồ sen trắng phủ kín mặt nước, đền ba tầng tượng trưng cho quyền lực của trời, nước và đất, cột dát vàng chạm rồng phượng, cùng tượng đá quan văn, ngựa, rùa, binh lính. Lăng được cha trí theo thuật phong thủy cổ, phối hợp tinh tế các yếu tố - đồi cao, sông suối, ánh sáng tự nhiên, vườn cây cảnh - để đạt đến sự cân bằng hoàn mỹ, hòa hợp đến mức tan vào thiên nhiên, khiến ai vừa bước qua cổng cũng thấy lòng tràn ngập bình an.

Khác với vua Minh Mạng, qua đời vì bệnh khi công trình đồ sộ của mình còn dang dở, ông nội Anna đã hoàn thành giấc mơ : ông có thời gian, tiền bạc, và trên hết là ý chí. Không một chi tiết nào bị bỏ ngỏ. Ông đích thân đặt đồ gỗ quý vào từng phòng, dành riêng cho vợ - một người yêu âm nhạc - một phòng khách với cây đàn dương cầm grand piano tuyệt đẹp nhập từ châu Âu, và

nghĩ ra cách trồng hàng dừa, cau xen lẫn những khóm tre đủ loại khắp Á châu - tre đen huyền, tre hai màu, tre «mai rùa» với đốt xoắn như xích, để che bóng ngôi nhà. Ông còn bổ sung một số loại cây được chọn vì vẻ đẹp, sự kỳ lạ hoặc ý nghĩa linh thiêng - như một giống cây với đặc tính phi thường đến mức được tôn thờ hàng thế kỷ trong thung lũng Trung Hoa nguyên quán, trước khi lan ra toàn cầu với biệt danh «cây bốn mươi đồng tiền vàng», vừa do giá cao người ngoại quốc trả để mua, vừa vì sắc vàng rực mỗi độ thu về. Đó chính là cây bạch quả, ginkgo biloba, mà cháu gái ông sẽ mãi nhớ, dù cô chỉ thấy nó qua tấm ảnh...

Sáu năm khổ công, những người thợ đặt viên đá cuối cùng lên gác mơ của ông nội Anna. Ông không tổ chức lễ ăn mừng rình rang với yến tiệc, âm nhạc hay múa hát - những thứ ông cho là phô trương. Nhưng niềm tự hào đủ lớn để ông mời một nhiếp ảnh gia từ phố về, chụp bức hình ông trong bộ áo lụa đẹp nhất, đứng trên hiên nhà. Ánh nắng dát vàng áo và gương mặt rạng rỡ, bỗng trở nên trẻ thơ vì hạnh phúc, phá tan vẻ uy nghiêm của một gia trưởng. Những bức tường này vừa là đích đến, vừa là khởi đầu - ông nghĩ, mình đang đặt nền móng cho tương lai con cháu.

Giấc mơ kéo dài bốn năm. Bốn năm hạnh phúc bên vợ con trong ngôi nhà mát rượi và ngập sáng - mát từ lối đi dưới bóng cây, từ khóm tre rì rào, từ hồ bơi viền đá xanh ; sáng từ mặt tiền trắng tinh, từ nắng lấp lánh mặt nước, từ ánh ban mai hừng lên từ năm giờ sáng. Bốn năm thời gian như giãn ra thành mặt phẳng vô tận, chỉ điểm nhịp bằng tiếng đàn của bà nội Anna - người cô chưa từng gặp - khi bà chơi Bach, Chopin, Schubert, Schumann tùy hứng... Trong lúc bà dạy con nhạc lý, đôn đốc việc bếp núc, gia nhân tưới tre, lau hồ bơi, trèo dừa hái quả non rồi bỏ đôi lấy nước, thu hoạch mía mới, thì bên ngoài cánh cổng, sóng gió đã nổi lên.

Ông nội Anna chẳng ưa gì người Pháp. Ông tránh giao dịch với họ - điều khá khó khăn thời thuộc địa - nhưng cũng không phô trương lòng yêu nước. Nhờ địa vị và của cải, ông được chính quyền đối xử tôn trọng. Mọi chuyện thay đổi sau Thế chiến II, khi Pháp quyết siết lại thuộc địa. Quan hệ riêng tiết lộ rằng quân đội Pháp định tịch thu dinh thự để làm căn cứ : đại sảnh thành nơi họp, tầng trên thành chỗ ở cho sĩ quan...

Chỉ còn vài ngày, thậm chí vài giờ. Ông nội Anna không chần chừ : đêm đó, ông đưa cả gia đình về lại ngôi nhà cũ - trang trại nơi ông từng sống trong cảnh túng thiếu -, di chuyển bàn thờ tổ tiên và đồ quý giá,

rồi sai gia nhân trung thành phá hủy từng viên đá ngôi nhà ông dày công xây dựng. Ý nghĩ nó thành sở chỉ huy của Pháp khiến ông phẫn nộ. Biết mình không thể đối đầu trực diện mà không gây nguy hiểm cho những người phụ thuộc vào mình, ông chọn cách hủy hoại tất cả. Công trình vốn được xây để chịu nắng gió và mưa gió mùa, vật liệu tốt đến mức họ phải đốn cẩn thận rồi mới đốt được. Cửa, cột, tường, nền - tất cả bị đập phá. Đồ đạc quý cũng thành tro - những chiếc ghế gụ, bàn khảm gỗ sơn, tủ viền mun, tủ trắc quá nặng để chuyển đi nhanh chóng. Chỉ một đêm, ông nội Anna hy sinh thành quả cả đời - thứ ông coi như máu thịt, thứ tưởng sẽ trường tồn mãi mãi.

Ông không một lời than vãn, kể cả khi phải chặt cây đàn piano vợ ông từng say mê, kể cả khi ngọn lửa lan ra khu vườn, thiêu rụi từng mảnh đất được chăm chút tỉ mỉ. Khuôn mặt đen nhẻm vì khói và mồ hôi, ông vẫn kiên trì làm việc cho đến tận sáng sớm. Ánh bình minh ló dạng trên đồng đồ nát của khu đất, chiếu rọi lên những gì còn sót lại một cách đau buồn : những đường viền phân chia các phòng trên nền đất, chiếc cổng chào với những đường nét cháy xém gợi lên vẻ đẹp đã bị hủy hoại, vài cây tre cháy đen, khi bùng cháy đã nổ lách tách như nút chai rượu champagne... Trong lúc mải mê với công việc, ông đã quên mất một chi tiết : cây bạch

quả, khi lửa đến gần, bắt đầu tiết ra nhựa bảo vệ, khiến thân và cành của nó vẫn nguyên vẹn. Một kẻ sống sót kỳ diệu - và là di tích duy nhất còn lại của giấc mơ trong bức ảnh.

Giấc mơ đó, dù sao đi nữa, cũng không bao giờ trở thành hiện thực lần nữa. Ông nội của Anna đã không xây lại ngôi nhà, ngay cả khi người Pháp rời khỏi Việt Nam. Có phải ông cảm thấy mình quá già, quá mệt mỏi? Hay ông nghĩ rằng dù có can đảm đi chăng nữa, một cuộc chiến khác sẽ lại cướp đi ngôi nhà, và lần này ông sẽ không sống sót? Hoặc có lẽ sự tàn phá của khu đất và những biến động của đất nước đã làm suy kiệt tài sản của ông? Chỉ biết chắc rằng, có điều gì đó trong ông đã tắt lịm cùng với ngọn lửa thiêu rụi ngôi nhà. Lưng ông còng xuống, những nếp nhăn hằn sâu hơn, và ánh mắt đã mất đi vẻ rạng rỡ. Ông không bị tổn thương đến mức tử vong: ông vẫn yêu vợ con, vẫn tự hào mỉm cười trước những cánh đồng trải dài đến tận chân trời, vẫn tiếp đón nhiều bạn bè... Chỉ có điều, con người từng say mê dạo bước trên mảnh đất của mình suốt ngày giờ lại thích ở lại trong trang trại, nơi ông cùng gia đình quay về sinh sống, như thể đó là nơi chốn đứng đắn mà ông không bao giờ nên rời đi.

Thỉnh thoảng, khi nổi nhớ nhà trời dậy, ông lại trở về dạo bước trên mảnh đất của mình, có mẹ của Anna, cô con gái út, đi cùng. Ông dành cho cô bé một tình cảm đặc biệt bởi ngoài việc là đứa con xinh đẹp nhất, cô còn có một năng lượng tương tự như thứ đã giúp ông vượt qua mọi khó khăn để tự lập nghiệp... Cùng con gái, ông đi vòng quanh những gì còn lại của khu đất, xem xét những mảnh xà còn sót lại sau vụ cháy, dùng đầu gối chạm vào vài mảnh vỡ, và quan sát sự tương phản ngày càng rõ giữa những tàn tích bằng đá, một phần bị chôn vùi dưới lớp bụi và tro mỏng, với thảm thực vật xanh tươi, gần như lộ liễu. Kỳ lạ thay, thảm thực vật không xâm chiếm ngôi nhà mà chỉ bao quanh nó, mọc lên như để bảo vệ, giống như khu rừng phép thuật che chở lâu đài của Nàng công chúa ngủ trong rừng - chỉ khác là ở đây không còn lâu đài nữa.

Buổi thăm viếng thường kết thúc bằng vài phút bên cây bạch quả, nơi ông cẩn thận hái ba hoặc bốn chiếc lá. Ông vuốt chúng nhiều lần trên lòng bàn tay, như thói quen từ ngôi nhà còn nguyên vẹn ngày xưa. Hành động này từng chỉ là một thói quen đơn giản, một tật mà ông chưa bao giờ suy nghĩ ; giờ đây nó chất chứa tất cả những ký ức về «cuộc sống trước kia» - ký ức về những lần dạo bước giữa những khóm tre trong khi những giai điệu piano vang lên, về những chiếc màn che giường

biến những chiếc nôi thành giường có trần, về những giỏ hoa trang trí trên những món đồ gỗ nâu được mặt trời đánh bóng đến độ sáng như bạc. Tại trang trại, mọi người hoàn toàn im lặng về bốn năm sống trong ngôi nhà đó ; chúng như bốc hơi. Nhưng chỉ cần ông trải một chiếc lá bạch quả trên tay, những hình ảnh, những cảm xúc về nơi chốn từng rất thân yêu lại ùa về từ ký ức đã bị tê liệt. Ông vượt qua bức tường thời gian và tìm lại, trong chốc lát, một thế giới yêu dấu đã biến mất.

Đề tưởng nhớ thế giới đó, giấc mơ đã dạt vào bờ ký ức gia đình, Anna giờ đây nhặt những chiếc lá tôi đưa cho cô. Ông nội cô đã mất được chín năm, và theo phong tục của những gia đình Phật giáo như gia đình cô, người ta thường tổ chức lễ cúng hàng năm để tưởng nhớ người thân đã khuất. Họ đốt hương trên bàn thờ tổ tiên và dâng lên những món ăn giống như những món bà nội Anna thường mang tặng bà tôi và tôi : nem cuốn với rau sống, những miếng giò lụa được bóc khỏi lớp lá chuối và xếp thành hình ngôi sao, súp trứng cua măng tây, gà quay thái miếng với lớp da giòn tan, những bát cơm thơm phức, bún riêu cua, món xào với đủ loại rau củ như bí ngòi, miến, đậu cô ve, cà rốt và nấm mèo, những đĩa vải thiều, quýt và nhãn với lớp vỏ nâu bọc lấy phần thịt trắng mỏng manh, gần như trong suốt. Anna quyết định thêm vào một lễ vật riêng, không phải đồ ăn như

thông lệ : một chén nhỏ lá bạch quả đã được phơi khô. Chắc hẳn ông nội cô, từ thế giới bên kia, sẽ rất hạnh phúc khi nhận được món quà tình cảm này. «Tôi muốn chơi cho ông nghe một bản nhạc, một khúc dạo đầu của Chopin mà ông thích và thường nhờ bà tôi chơi, Anna nói thêm khi tiếng chuông báo hiệu giờ ra chơi kết thúc vang lên. «Nhưng không thể được, buổi lễ phải diễn ra trong im lặng. Dù sao đi nữa, điều đó không ngăn tôi nghĩ về ông mỗi khi chơi piano... Mẹ tôi luôn nói rằng ông có thể nghe thấy tôi vì âm nhạc là ngôn ngữ của tâm hồn, và tâm hồn là thứ duy nhất không chết đi. Vì vậy, mỗi khi đặt tay lên phím đàn, tôi tưởng tượng ông đang ở bên cạnh. Tôi tưởng tượng ông lắng nghe, biết rằng tôi đang chơi cho ông, và ông hạnh phúc, bởi dù thời gian trôi đi, tôi vẫn nhớ về ông và những gì ông đã làm được ngày xưa.»

Khởi Đầu Của Con Sốt Anna Song ?

Bởi Alain Martial, Tạp chí Gramophone, tháng 7/2008

Một tháng trước, rất ít người biết đến một trong những hành trình âm nhạc kỳ lạ nhất lịch sử : Anna Song, người mà cái chết, cùng với 102 đĩa CD ghi lại những tác phẩm piano trong những năm cuối đời, đang đưa cô lên hàng huyền thoại. Sinh năm 1959 tại ngoại ô Paris, mắc căn bệnh ung thư nghiêm trọng khiến cô phải rời sân khấu năm 33 tuổi, Anna Song giờ đây được coi là một trong những nghệ sĩ vĩ đại nhất của thế kỷ, với sức sáng tạo vượt trội hơn cả Richter, Rubinstein hay Ashkenazy ! Chưa từng có ai trước cô có thể diễn giải với chiều sâu, trí tuệ và sự tinh tế - một sự tinh tế không hề làm giảm đi sức mạnh - những tác phẩm của các bậc thầy khác nhau như Mozart, Liszt hay Messiaen. Thành thạo cả những bản dạo đầu lẫn concerto, những bản fugue của Bach lẫn những bản valse của Chopin, nghệ sĩ này đã thể hiện một sự đa tài đáng kinh ngạc.

«Tôi đặc biệt yêu thích bản ‘Bão Tuyết’ trong Những khúc luyện kỹ thuật siêu việt của Liszt, phiên bản Appassionata của Beethoven với sự dữ dội được kiềm chế nhưng vẫn rung động, và Gaspard về đêm của

Ravel với kỹ thuật điêu luyện trong sáng. Những nhà soạn nhạc này chẳng có điểm chung, nhưng trong mọi trường hợp, người ta đều có cảm giác rằng cô đã nắm bắt được tinh túy nghệ thuật của họ và mang đến những bản nhạc mà chưa ai có thể làm được như vậy, bằng cách tự xóa mình để hòa làm một với họ...» Gérard Manzel đã nói như vậy, nhà báo đã đưa tin rộng rãi về những diễn giải của Anna Song, và là một trong số ít người, cùng với Robert Quirenne (bài phỏng vấn của ông có trên www.mondeemmusique.com), đã từng phỏng vấn cô. «Một nhân cách đáng kinh ngạc. Một người phụ nữ rất xinh đẹp, và rất kín đáo ở lần đầu gặp gỡ với dáng người nhỏ nhắn và giọng nói nhẹ nhàng, nhưng đồng thời lại thể hiện một sức mạnh và sự rõ ràng đáng kinh ngạc trong lời nói ! Cô ấy thường nói rằng, điều làm nên một nghệ sĩ piano giỏi không nằm ở tài năng hay sự nhạy cảm, mà ở lòng dũng cảm, tính cách và khả năng làm việc...»

Một đạo đức khắc kỷ mà Anna Song luôn kiên định tuân theo : dù phải nhập viện vài ngày mỗi bảy tuần trong mười năm cuối đời, cô vẫn hoàn thành dự án thu âm hơn một nghìn tác phẩm chất lượng xuất sắc cho hãng đĩa Piano solo, do chồng cô, Paul Desroches, điều hành. «Tôi muốn nghĩ rằng nỗi đau đã thêm một chiều kích mới vào cách chơi của cô ấy. Như thế cô ấy có thể

thấu hiểu bản chất của âm nhạc», người đàn ông nay đã góa vợ và không thể nguôi ngoai nói : «Anna phải đợi đến cuối đời mới gặp được thành công. Và ngay cả lúc đó, cô ấy chỉ kịp nhìn thấy những dấu hiệu đầu tiên... Thật lãng phí !» Hiện nay, hãng đĩa đang quá tải, nhưng điều đó dường như không khiến ông vui mừng quá mức : «Chúng tôi nhận được đơn đặt hàng từ khắp nơi trên thế giới, với số lượng vượt xa khả năng phân phối. Chúng tôi là một cơ sở nhỏ, cần phải tăng cường năng lực gấp nhiều lần để đáp ứng nhu cầu. Tôi không có ý định làm điều đó : tôi chưa bao giờ có tố chất của một doanh nhân, tôi chỉ muốn mọi người có thể tiếp cận được thiên tài của Anna... Giờ đây, điều đó đã thành hiện thực. Tôi chỉ buồn vì mọi chuyện đã không xảy ra sớm hơn, khi còn kịp lúc.»

Dù là một trào lưu nhất thời hay xu hướng lâu dài, giới truyền thông đang ngày càng quan tâm đến Anna Song, không chỉ vì tác phẩm của cô, mà còn vì hành trình phi thường của cô, xa rời những thể chế đã được thiết lập ; năng lượng cô dành cho nghệ thuật bất chấp bệnh tật ; sự bền bỉ trong sự nghiệp ; và sự khám phá muộn màng về thiên tài của cô. Sau những đánh giá xuất sắc trên các tạp chí chuyên ngành, nhiều chương trình tưởng niệm đã được tổ chức, trên đài phát thanh Radio-Classique vào tháng 12 năm ngoái, trên France-

Musique hai tháng trước, và sắp tới là trên truyền hình với nhiều dự án phim tài liệu đang được thực hiện. Kênh Arie đã lên kế hoạch cho một chương trình đặc biệt, France Télévision cũng đã lên lịch hai phóng sự. Các bài báo viết về Anna Song trên báo chí và Internet nhiều không đếm xuể, với các diễn đàn thu hút hàng chục nghìn «Songmaniaques» trao đổi thông tin để sưu tầm những đĩa CD hiếm. Nhiều CD đã hết hàng, giá trị của chúng có thể lên tới hàng trăm euro, danh tiếng của nghệ sĩ đã vượt xa giới hạn của những người sành điệu cũng như biên giới quốc gia, như nhận xét của nhà phê bình nổi tiếng người Mỹ John Mason : «Anna Song là chất nghệ thuật của Liszt, cháu gái của Busoni và Paderewski, và là cháu gái về mặt thi ca của Rachmaninov.»

Các lượt tải xuống hợp pháp và bất hợp pháp lên tới hàng chục nghìn, và Paul Desroches liên tục bị bao vây bởi những yêu cầu phỏng vấn ; là chồng và nhà sản xuất của Anna Song, ông cũng là người quản lý, cố vấn và người dẫn dắt cô. Hai người gắn bó bởi tình cảm sâu sắc, nhưng cũng bởi sự đồng hành nghệ thuật khiến ông trở thành nhân chứng quan trọng nhất về cuộc đời Anna Song và những gì đã tạo nên phong cách biểu diễn của cô. Ông cố gắng đáp ứng hầu hết các yêu cầu, coi đó là nghĩa vụ của mình để giúp mọi người lưu giữ

ký ức về người vợ quá cố : «Chừng nào người ta còn nghe nhạc của cô ấy, cô ấy sẽ không hoàn toàn biến mất khỏi thế giới. Đó là tất cả những gì quan trọng với tôi.»

Tôi chưa bao giờ quên ánh mắt của Anna khi cô ấy nói về ông nội mình, vào ngày tôi giúp cô ấy nhặt những chiếc lá bạch quả - như thể mọi thứ xung quanh đã trở nên trong suốt và cô ấy đang chiêm ngưỡng một thực tại khác, vượt qua thời gian và không gian. Chúng tôi đứng trong sân trường trắng nhưa, bóng loáng vì mưa và bị gió quét qua, cách xa những người bạn đang trú dưới mái hiên, nhưng khung cảnh xám xịt mà chúng tôi đối mặt đã tự động tan biến trước khung cảnh trong tâm trí cô ấy, in hằn từ một bức ảnh khiến cô mơ mộng từ thuở nhỏ : một ngôi nhà trắng toát dưới ánh nắng chói chang, đi kèm với một khu vườn tre, một hồ bể lát đá xanh, và một cây với những chiếc lá vàng óng, trước đó là một người đàn ông đang mỉm cười với nụ cười của người đã giành lấy hạnh phúc bằng gian khổ.

Có lẽ vì lý do đó mà tôi cảm thấy gần gũi với Anna đến vậy. Tôi như hiểu cô ấy dù biết rất ít về cô : cả hai chúng tôi đều đang tìm kiếm thứ gì đó mà chúng tôi sẽ không bao giờ tìm lại được. Việc ngắm nhìn con đường từ cửa sổ phòng tôi, những giấc mơ về cha mẹ mà tôi đắm chìm như trong làn nước ấm, sự day dứt về những nỗi tiếc và ký ức len lỏi vào cuộc sống hàng ngày của tôi như một sợi chỉ tơ đều là vô ích ; không gì và không ai có thể đưa tôi trở lại cuộc sống trước đây. Tôi biết điều đó, nhưng không thể ngăn mình thu thập những

hình ảnh quá khứ với một niềm vui đầy day dứt, và như một nhà sưu tầm ám ảnh xem xét từng mảnh trong bộ sưu tập của mình, tôi lật lại chúng cho đến khi từng chi tiết in sâu vào tâm trí. Tôi cảm thấy như một phần gia đình mình, của bộ ba chúng tôi ngày xưa, vẫn còn tồn tại trong không khí - một mùi hương tinh tế mà chỉ mình tôi có thể cảm nhận. Xua đuổi những ký ức này sẽ giống như giết cha mẹ tôi lần nữa. Ai biết được liệu ở thế giới bên kia, người chết có cần chúng ta nghĩ về họ để không biến mất vĩnh viễn không, tôi tự nhủ. Ai biết được liệu ký ức của chúng ta có phải là sợi dây cuối cùng buộc họ lại, là ánh sáng cuối cùng bảo vệ họ khỏi hư vô...

Khi tôi đến nhà bạn mình ăn bữa xế vào ngày sau buổi lễ cúng ông nội cô ấy, tôi đã hỏi cô ấy nghĩ gì về điều đó. Lần đầu tiên kể từ khi họ rời bỏ thế giới này, tôi nói về cha mẹ mình với ai đó không phải là bà nội; điều đó dường như rất tự nhiên, dù tôi từng nghĩ rằng chỉ cần nhắc đến họ thôi cũng sẽ khiến tôi nghẹn lời như một bí mật đáng xấu hổ. Nhưng không có gì đáng xấu hổ cả. Và đó thậm chí không phải là một bí mật : với tình bạn giữa hai bà nội chúng tôi, Anna không thể không biết. Nhưng cô ấy chưa bao giờ nhắc đến, và tôi biết ơn vì cô ấy đã là người đầu tiên mở lòng. Để tôi có thể bước qua cánh cửa mà cô ấy đã mở.

Anna giải thích với tôi rằng, đối với người Việt, người đã khuất dù chuyển sang một thế giới khác nhưng vẫn tiếp tục tồn tại và cần sự hỗ trợ của người sống, đặc biệt là người con trai cả, người có trách nhiệm duy trì việc thờ cúng cha mẹ và ông bà bằng cách dâng lễ và cúng bái đều đặn trên bàn thờ tổ tiên - một chiếc tủ bằng gỗ anh đào đóng vai trò đó trong nhà họ Thi, thứ mà tôi chưa từng để ý cho đến buổi chiều hôm đó với Anna. Vài lần trong năm, người thân lại tụ họp quanh một bữa tiệc nhỏ, mời người đã khuất mà họ muốn tôn vinh cùng tham dự một cách tượng trưng. Ở những vùng quê xưa, lễ cúng là dịp để gia đình sum họp, với cô dì chú bác, anh em họ từ các làng lân cận : tất cả những người được coi là thân thiết. Trong dịp này, mọi người chấp tay cúi đầu trước bàn thờ tổ tiên để bày tỏ lòng thành kính, trước khi dâng lên một lời cầu nguyện... Họ hành động như thể người đã khuất đang hiện diện, một linh hồn nhân từ lần khuất đâu đó, sẵn sàng lắng nghe và dẫn dắt họ trong mọi việc.

Ở nhà Anna, những tấm gỗ che khuất các bức ảnh của người đã khuất, được xếp cẩn thận trên tầng cao nhất của chiếc tủ, cùng với một lư hương và những chiếc chén mạ vàng, cắm đầy nhang. Tầng dưới để trống, chỉ được lấp đầy trong mỗi dịp cúng lễ. Mọi thứ được bày biện như một bữa ăn thật : bát cơm trắng với đôi đũa

mun, ly rượu đỏ, đĩa rau và thịt, món tráng miệng - thường là bánh chuối và bánh rán nhân đậu cùng dừa. Trước ngày tôi đến thăm, thức ăn được bày la liệt, và Anna, mặc chiếc áo dài nhung, tóc cài nơ, đã thực hiện nghi lễ truyền thống, cúi đầu ba lần trước bức ảnh ông nội.

Chỉ khi nén nhang cháy hết, gia đình mới hâm nóng thức ăn và ngồi vào bàn. Người Việt có thực sự tin rằng người đã khuất đã thưởng thức đồ cúng ? Có lẽ không hơn gì việc chúng ta nghĩ rằng hương hoa đặt trên mộ thực sự đến được với người đã khuất... Chúng ta muốn tưởng nhớ những người mình yêu quý và bày tỏ lòng thành bằng cách dâng lên họ một bó hoa cúc ; lễ cúng vừa tôn vinh tổ tiên, vừa gắn kết con cháu. Nó khẳng định sự bền chặt của mối dây gia đình dù thời gian có làm phai mờ, và những biến động lịch sử có phân tán họ đến khắp nơi trên thế giới, khiến bạn phải thờ cúng một người trong ngôi nhà cách nơi an nghỉ của họ hàng ngàn dặm...

Tôi không có bàn thờ để bày biện hoa quả, nơi linh hồn những người tôi yêu quý có thể tạm về nhân ngày giỗ ; không có bức ảnh nào của họ được treo trên làn khói hương ; không có tượng Phật bằng ngọc hay đá để tôi cúi đầu cầu nguyện cho họ yên nghỉ. Liệu điều đó

có nghĩa là họ đang lang thang vô định giữa cõi này và cõi kia, không thể siêu thoát vì sự thờ ơ của tôi ? Anna bảo không, Anna - người như tôi, cũng yêu quý những người đã khuất, nhưng là những người cô chưa từng gặp, những người chỉ tồn tại trong câu chuyện được kể lại, và vì thế, trong mắt cô, họ trở nên sống động hơn cả những người cô gặp hàng ngày, hơn cô giáo, bạn học, hay thậm chí là tôi. Anna nói với tôi hôm đó rằng chỉ cần có niềm tin, và phần còn lại không quan trọng. Nghi lễ chỉ là một cách mô phỏng, một hình thức rỗng tuếch nếu thiếu đi đức tin. Và bởi cô đã đặt trọn niềm tin vào âm nhạc, cô hy vọng rằng nó sẽ đến được với ông bà mình, dù họ đang ở đâu. Những ngón tay cô lướt trên phím đàn, chơi lại bản nhạc mà bà cô từng chơi, không chỉ tái hiện giai điệu quen thuộc ; trong tâm trí cô, chúng gọi lại quá khứ, chứng minh rằng nó chưa hoàn toàn qua đi, bởi câu chuyện không chỉ được lưu truyền mà còn tiếp diễn, Anna nói bước bà mình. Âm nhạc cô tạo ra có sức mạnh đó, giống như nhà thơ ca ngợi người yêu, ban tặng cho nàng một dạng bất tử.

Bàn thờ nhà Thi được đặt ngay trước cây đàn dương cầm, như để khẳng định mối liên hệ giữa chúng. Anna trượt tấm gỗ che đi, cho tôi xem bức ảnh ông nội cô, được đặt trong một ngăn riêng, cùng với những chiếc lá cô nhặt được vài ngày trước, đặt trên đĩa sứ trắng.

Trong ảnh, ông mặc áo lụa, đứng trước ngôi nhà có cây bạch quả, nhưng ở đây, ông ngồi trên ghế gỗ chạm khắc, mặc âu phục, tay chống gậy ngà. Ánh mắt ông tinh anh, tương phản với vẻ trang nghiêm của tư thế, và bức ảnh toát lên nét cổ điển (trong khi bức kia lại phi thời gian) : màu đen đã ngả nâu, màu trắng úa vàng, trang phục mang phong cách một thời đã qua, khung cảnh được dàn dựng kỹ lưỡng - chiếc ghế đặt cạnh bàn, trên đó là bó hoa hồng được sắp xếp tỉ mỉ, không một cảnh nào lệch lạc. Hai bức ảnh, một treo trong phòng khách, một giấu sau cánh cửa tủ thờ, như tóm gọn hình ảnh ông nội Anna - người mặc cả áo dài truyền thống của các quan lại lẫn bộ veston theo một Paris thời đó : một người yêu nước và quý tộc, ông từ chối giao nhà mình cho quân xâm lược nhưng lại cho con gái yêu, Liên, mẹ Anna, theo học trường Pháp, dùng tàn tích tài sản và ảnh hưởng còn sót lại.

Khác với anh chị em nhút nhát hoặc cam chịu, Liên thừa hưởng ý chí và nghị lực của cha, mong một ngày được đến nơi cuộc sống có nhiều cơ hội hơn - nơi không bị ép phải đốt nhà mình hay chứng kiến «sông máu cuộn trong đồng lúa» như lời người xưa. Một nơi như Pháp... Liên muốn đến đất kẻ thù để học tập, lấy bằng cấp, rồi trở về giúp đất nước, đền đáp phần nào những gì gia đình cô đã mất.

Trước khi thời cuộc xô đẩy, ông nội Anna mơ làm đại điền chủ, xây dựng cơ nghiệp trường tồn trước mặt người Pháp. Ông không khỏi hài lòng khi thấy con gái, một cô gái An Nam bị bạn bè và giáo viên Tây coi thường, dẫn đầu lớp, rồi kèm cặp những bạn học kém. Ông tự hào đến mức quên mất việc Liên, từng chăm chỉ học đàn, giờ bỏ bê nó, viện cớ quá bận rộn. Cô bỏ tiết học đều như trước đây đi học. Cây đàn piano nhỏ thay thế chiếc đàn lớn - vốn bị hỏa hoạn biến thành đồng dây đàn xoắn queo - giờ chỉ là vật vô dụng đóng bụi. Nó không còn là cánh cửa mở ra thế giới diệu kỳ, mà thành món đồ vương vís. Ngay cả mẹ Liên, sau biến cố, cũng hiếm khi chơi đàn, vì âm nhạc giờ gợi lại sự tàn phá, không còn là giai điệu của hạnh phúc. Sự hủy diệt ngôi nhà dưới bóng bạch quả khiến họ không còn thiết tha với cái đẹp, như thể nó trở thành thứ xa xỉ.

Không có chỗ cho nghệ thuật trong thế giới họ đang sống. Công việc của ông nội Anna ngày càng tồi tệ, không khí ngập tràn tin chiến tranh sắp đến - với kẻ thù ngoại bang và nội địa, người Mỹ thay chân Pháp, Bắc và Nam xé nhau, cộng sản và phe chống cộng đối đầu. Hỗn loạn tưởng thoáng qua lại hóa vĩnh viễn, như lũ lụt mùa mưa hàng năm nhấn chìm nghìn gia đình chết đói. Những gia đình ấy rồi sẽ chọn, nếu chưa chọn, cái chết vì một «lý tưởng cao đẹp» - một ảo tưởng quyền

rũ nhưng đầm máu, được tô vẽ bằng những lời hoa mỹ ngợi ca lòng yêu nước, tự do và độc lập dân tộc. Một miếng mồi lấp lánh như viên ngọc nhuộm máu giữa đêm đen của bom đạn, những đường hầm Củ Chi, và những hầm trú ẩn đào sâu dưới đất để đánh lừa kẻ thù. Không ai ngờ rằng những trận chiến với Pháp chỉ là khúc dạo đầu so với những gì sắp xảy ra, những con đường bị cày xới bởi mìn chưa nổ, vẫn chực chờ phát nổ ba mươi năm sau ; những cánh rừng và dòng sông ngập tràn chất độc napalm và agent orange đủ để đầu độc hai mươi thế hệ ; những xác người, đàn ông, phụ nữ, trẻ em, chất đông trong hố chôn như những quân bài domino... Không ai hình dung được thảm họa sắp giáng xuống, nhưng chỉ có kẻ mù lòa mới không nhận ra rằng việc ngồi chơi piano chờ đợi mọi thứ tốt đẹp hơn chẳng phải là giải pháp - ít nhất là với một tâm hồn thực dụng như Liên.

Người ta trao học bổng cho những sinh viên xuất sắc nhất ra nước ngoài, đó là sự thật, và Liên, chứng kiến cha mình dần chìm vào u mê, đã chấp nhận. Cô chẳng thể làm gì ngay lúc ấy, ngoài việc tìm cách ra đi để đổi đời, nhưng cô thề hứa một ngày sẽ trở về với túi đầy vàng, xây lại ngôi nhà dưới gốc bạch quả, trồng lại vườn tre, mua những chiếc tủ gỗ trắc và bàn khám gỗ chanh, treo rèm ren mới lên cửa sổ, và mang từ châu Âu

về cây đàn dương cầm lộng lẫy nhất, chiếc Bösendorf mà mẹ cô hằng mơ ước. Cô sẽ chiến đấu và thắng trong cuộc đua với số phận, dù có thể mất cả đời - cuộc đời của chính cô.

Liên chăm chỉ học hành, giành học bổng và sang Pháp, nơi cô làm thêm đủ nghề, phục vụ, trông trẻ, để trang trải việc học. Sau vài năm nỗ lực, cô vào được trường danh tiếng, tốt nghiệp và trở thành nhà nghiên cứu với mức lương đủ nuôi gia đình ở quê nhà, dù họ ngày càng chật vật trong căn nhà nông thôn chật chội chứa đến bốn thế hệ, trong khi đất đai xung quanh bị thu hẹp dần, bị xâm chiếm, tịch thu bởi các chính quyền liên tiếp thay nhau cầm quyền với những ý thức hệ khác nhau nhưng cùng chung hệ lụy. Sau người Pháp muốn chiếm đoạt ngôi nhà dưới gốc bạch quả là những người cộng sản nhân danh Nhà nước tịch thu ruộng vườn, đôi khi bỏ hoang. Ít nhất họ để ông bà nội Anna sống, dù chỉ là cuộc sống cơ cực.

Mẹ của Anna đã giúp đỡ gia đình hết mức có thể, về sau còn chu cấp cho từng đứa cháu và chắt của mình một khoản tiền để mở cửa hiệu. Bà không dừng lại ở đó: trang bị dụng cụ học tập cho nhiều trường trong vùng, thiết lập hệ thống học bổng cho sinh viên nghèo, nhân rộng các chiến dịch quyên góp và sáng kiến từ

thiện ; đến mức tên tuổi bà được nhắc đến tại quê nhà với sự kính trọng ngang hàng với danh tiếng người cha thuở trước. Ấy thế mà, bà chưa bao giờ cho rằng mình đã thực hiện được lời hứa năm xưa. Dù bề ngoài có vẻ «thành công», nhưng đồng thời, bà cũng đã thua một trong những trận chiến quan trọng nhất đời mình. Đó không phải là cuộc chiến chống lại đói nghèo, định kiến hay số phận nghiệt ngã, mà là cuộc vật lộn với dòng chảy lịch sử. Những biến cố - cuộc chiến chống Mỹ rồi sự thiết lập của chế độ cộng sản độc tài - đã khiến việc trở về Việt Nam trở thành điều không tưởng: chỗ ở tạm thời của bà trên đất Pháp cứ thế kéo dài rồi hóa vĩnh viễn. Liên đã tìm được ở đó một công việc ý nghĩa và một người chồng mà bà biết mình có thể tin cậy như chính bản thân. Bà lập gia đình, xây tổ ấm. Năm tháng qua đi chỉ càng củng cố những ràng buộc ấy, cho đến một ngày bà buộc phải thừa nhận sự thật: giấc mơ khôi phục diện trang của cha cùng những kỷ ức tuổi thơ nơi ấy sẽ mãi chỉ là giấc mơ.

Liên từng muốn con đường mình đi phải thẳng tắp nhất có thể, dồn hết tâm lực hướng về một mục tiêu duy nhất. Khi nhận ra mục tiêu ấy mãi ngoài tầm với, bà cho phép bản thân làm điều vốn luôn tự cấm đoán, dù chỉ trong khoảnh khắc ; vì sợ sẽ buông xuôi vĩnh viễn. Bà quay gót, ngẫm lại những gì đã bỏ lại bên đường.

Biết bao thứ đã vĩnh viễn ra đi: tuổi trẻ, bạn bè thuở ấu thơ, sự vô tư lự. Và cả niềm đam mê âm nhạc bà từng dồn nén, khóa chặt trong góc tối tâm hồn khi tự nhủ mình không còn quyền - cũng chẳng còn thời gian - để theo đuổi. Giờ đây, khi những ràng buộc lần tham vọng đều khác xưa, bà có thể tự do trở về với nó... Mười lăm năm sau ngày từ bỏ, Liên lại đặt tay lên phím dương cầm. Bà mua bản nhạc. Lại học đàn. Đăng ký dự mọi buổi hòa nhạc ở Paris. Dần dà xây dựng bộ sưu tập đĩa nhạc riêng. Tìm lại bình an cho tâm hồn khi hàng giờ lắng nghe Bach qua tiếng đàn Glenn Gould, Ravel và Debussy qua Samson François, Chopin qua Horowitz. Và đặt Anna trước phím đàn ngay khi đứa trẻ đủ cứng cáp để ngồi trên đùi bà.

Anna có được tự do lựa chọn mà mẹ cô không từng có, và hẳn phải ý thức rất rõ điều ấy, dù chưa bao giờ thừa nhận. Được rèn tính kỷ luật từ thói quen hay do di truyền, cô miệt mài với những bài luyện gam như cách mẹ từng chăm chỉ giải toán, như ông nội cô cần mẫn quản lý điền trang, hay bà nội tảo tần lo toan gia sự cùng đám gia nhân khi nhà cửa và người hầu vẫn còn. Mang trong mình tình yêu với quá khứ như một bản tính, Anna gửi gắm vào âm nhạc nỗi hoài niệm về một thời kỳ chưa từng thuộc về mình, tôn vinh khái niệm về sự vĩ đại - hiện thân qua ngôi nhà đã khuất - và cúi đầu

trước nghị lực của cha mẹ, ông bà như đứng trước điều gì đó vượt quá tầm với.

«Chúng tôi sẽ chỉ biết nhau ngoài những tấm ảnh, với lời kể của mẹ tôi làm chú thích duy nhất, Anna nói với tôi ngày cô mở bàn thờ tổ tiên để chỉ cho tôi xem bức chân dung khác của ông nội. Tôi nghe kể về ông từ thuở lọt lòng, còn ông, người cuối cùng ông nghĩ đến trước khi nhắm mắt, lại là tôi. Mẹ tôi đã sống ở Paris vài năm khi tôi chào đời, lẽ ra mùa hè ấy, khi tôi còn là đứa trẻ sơ sinh, bà nên ở lại với tôi và cha. Thế nhưng bà đã chọn trở về Việt Nam bên ông nội. Ba tuần bà ở cùng gia đình, ba tuần bên ông - như thể bà cảm nhận được đó là lần gặp cuối. Bà làm điều mọi người vẫn làm: cho ông xem ảnh tôi đủ mọi góc độ, lúc ngủ, lúc bú, lúc cười. Và ông đã tỏ ra vô cùng hạnh diện : mẹ tôi kể rằng ông vui sướng khi được thấy bà bằng xương bằng thịt gần như khi nhìn thấy tôi qua những tấm phim. Ông trông hoàn toàn khỏe mạnh khi mẹ tôi lên đường trở lại.

Một tháng sau, ông qua đời. Ông thậm chí còn chẳng ốm đau gì; chỉ đơn giản là vào một buổi tối, ông hôn lên trán các con, bảo bà tôi rằng ông thấy mệt, rồi lui về phòng riêng. Khi bà vào phòng tìm ông, đã thấy ông nằm thẳng đơ trên giường, thân thể cứng đờ. Gương mặt ông không hề in hằn nỗi sợ hãi hay đau đớn, người

ta có thể tưởng cái chết đã bất ngờ ập đến với ông trong giấc ngủ, nếu không phát hiện ra bộ lụa đẹp đẽ, bộ ông mặc trong bức ảnh chụp trước ngôi nhà có cây bạch quả, cũng là bộ ông luôn nói muốn được mặc khi yên nghỉ, được đặt gọn gàng trên ghế bành cạnh bàn đầu giường. Bà tôi bước lại gần. Bà cúi xuống, vuốt ve vàng trán và gò má ông, và chính lúc ấy bà nhìn thấy tấm ảnh của tôi - một trong những tấm mẹ tôi gửi ông giữ làm kỷ niệm, trong lúc chờ ngày ông được thực sự ôm tôi vào lòng, được ông nắm chặt trong bàn tay phải.»

Vụ Án Anna Song ?

Bởi Jean Verne, Téléràma, tháng 11 năm 2008

Huyền thoại Anna Song, nghệ sĩ dương cầm trở thành biểu tượng sau khi qua đời vào tháng 6 năm ngoái, đang trên bờ vực sụp đổ : ba tuần trước, một độc giả đã liên hệ với chúng tôi để kể lại một trải nghiệm kỳ lạ khi anh ta cố gắng chuyển một bản thu âm của nữ nghệ sĩ (bản Biến tấu Diabelli của Beethoven) vào iPod. Phần mềm iTunes, kết nối với danh mục khoảng bốn triệu đĩa nhạc, ngay lập tức xác định được tên các bản nhạc và nhà soạn nhạc... nhưng thay vì hiển thị tên Anna Song, lại hiện lên tên của nghệ sĩ người Ý Mario Cojazzi ! Sau khi tìm kiếm trên mạng, độc giả này đã phát hiện ra bản thu của Mario Cojazzi do hãng BAC phát hành; điều khiến anh sửng sốt là nó gần như giống hệt bản thu của Anna Song. Dựa trên thông tin này, chúng tôi đã mua một bản thu Biến tấu Diabelli của Anna Song và nhờ Clément Rozel, cựu kỹ sư âm thanh hiện điều hành công ty hậu kỳ âm nhạc Prisma Classica, phân tích. Kết quả rõ ràng : trong 33 bản nhạc được cho là của Anna Song, 29 bản thực chất là từ đĩa của Mario Cojazzi. Các thao tác điện tử đã được sử dụng để giữ nguyên tông nhạc nhưng tăng tốc độ lên 5% đến 12% so với bản gốc ; 4 bản còn lại cũng bị lấy từ một đĩa

nhạc khác của nghệ sĩ dương cầm người Mỹ Deirdre Olafson và được chỉnh sửa tương tự...

Nhưng trước khi đi xa hơn, hãy nhắc lại anna song là ai, mà chúng tôi đã từng tưởng nhớ bà trong số báo này khi bà qua đời ở tuổi 49 : sinh ra tại ngoại ô Paris và được tôn vinh rộng rãi, nghệ sĩ gốc Việt này chỉ thực sự tỏa sáng khi rút lui vào bóng tối. Giống như Glenn Gould, bà rời sân khấu khi còn rất trẻ - mới 33 tuổi - và cắt đứt liên lạc với thế giới cùng giới âm nhạc (vốn không mấy tử tế với bà) để tập trung vào thu âm trong phòng thu. Khác với nghệ sĩ người Canada, bà không tìm cách trốn tránh công chúng hay theo đuổi một âm thanh hoàn hảo ; bà buộc phải rời đi vì bệnh tật - ung thư. Dù vậy, bà vẫn dành phần đời còn lại cho âm nhạc và trở thành tác giả của hàng trăm đĩa nhạc với nhiều phong cách đa dạng sau 15 năm làm việc miệt mài.

Phong cách của Gould dễ nhận ra nhờ sự thiếu legato, tốc độ nhanh, độ chính xác cao, và tính phân tích. Anna Song thì ngược lại : bà tránh áp đặt dấu ấn cá nhân, thay vào đó thể hiện sự đồng cảm sâu sắc, hòa mình vào phong cách của từng nhà soạn nhạc. Khi nghe bản diễn Prokofiev rồi Schubert của bà, người ta có thể tưởng đó là hai nghệ sĩ khác nhau. Liszt, Chopin, Rachmaninov, Ravel, Debussy... Khi Anna Song qua

đời, nhiều nhà phê bình kinh ngạc trước số lượng và chất lượng các bản thu đã tôn vinh tài năng của bà, một nghệ sĩ lỗi lạc nhưng ít người biết đến, với các đĩa nhạc được phát hành bởi hãng Piano Solo (do chồng bà, Paul Desroches, điều hành).

Người ta thường coi thân đồng là những đứa trẻ với năng khiếu thiên bẩm. Anna Song phá vỡ định kiến này: một nghệ sĩ dương cầm có sự nghiệp mờ nhạt, nhưng vào những năm cuối đời khi sức khỏe suy yếu, bà bắt ngờ tỏa sáng như phượng hoàng tái sinh. Việc bà thu âm *Bản Vals Giã Biệt* của Chopin trên xe lăn trước khi mất đã khắc sâu hình ảnh một người phụ nữ phi thường với ý chí bất khuất. Các cuộc phỏng vấn còn lưu lại đều cho thấy một nhân cách cuốn hút, sắc sảo, uyên bác, và niềm tin mãnh liệt vào nghệ thuật.

Danh tiếng của Anna Song lan rộng khắp thế giới. Trong giới yêu nhạc cổ điển, cái tên của bà trở thành biểu tượng của sự tinh tế. Không gì sang trọng hơn việc lấy ra một chiếc đĩa in hình Anna Song trắng đen và hỏi: «Bạn có biết bà ấy không?» Nếu câu trả lời là không, người ta sẽ kể câu chuyện ly kỳ về bà; nếu là có, họ sẽ say sưa ngợi khen. Và rồi họ bắt đầu trao đổi thông tin để săn lùng những bản thu hiếm, mục tiêu của mọi tín đồ Anna Song là sở hữu trọn bộ sưu tập đĩa

nhạc của bà.

Tuy nhiên, những tin đồn về tính xác thực của các bản thu cũng bắt đầu lan truyền. Làm sao một người phụ nữ lớn tuổi, chiến đấu với ung thư suốt 20 năm, có đủ sức để chơi những bản nhạc khó như Études của Godowsky ? Tại sao tài năng của bà chỉ bùng nổ muộn màng ? Làm thế nào bà có thể thu âm nhiều đĩa nhạc với độ chính xác và tốc độ đáng kinh ngạc trong khi trải qua hàng loạt ca phẫu thuật ? Tạp chí Classique, người bảo vệ nhiệt thành của Anna Song, đã yêu cầu những kẻ hoài nghi đưa ra bằng chứng. Không ai làm được, và cuộc tranh luận tạm lắng - cho đến khi độc giả của chúng tôi phát hiện ra sự thật gây sốc.

Đó chỉ là khởi đầu, bởi Biến tấu Diabelli của Beethoven không phải là tác phẩm duy nhất Anna Song chiếm đoạt từ nghệ sĩ khác. Clément Rozel đã xác định rằng tác giả thực sự của 54 Khúc luyện tập Godowsky phổ theo Chopin, thứ giúp Anna Song lừng danh và đưa cô trở thành nghệ sĩ thứ tư trên thế giới thu âm trọn bộ, chính là Carlo Grante... «Người ta» đã nén nhip đến mức âm thanh nghe như phát ra từ nhạc cụ khác, nhưng chỉ cần đảo ngược quá trình, bản gốc lập tức hiện rõ. Ai dám chắc điều tương tự không xảy ra với các concerto của Brahms, khúc dạo đầu của Rachmaninov, études

của Chopin, hay tác phẩm Scarlatti, Schubert, Ravel, Messiaen ? Công việc kiểm chứng nguồn gốc hứa hẹn sẽ vô cùng đồ sộ. Những phát hiện của Clément Rozel mở ra vô số khả năng, và vô số nghi vấn. Liệu toàn bộ 102 đĩa nhạc của Anna Song có phải đều là giả mạo ? Phải chăng cô cùng chồng đã đánh cắp hàng trăm tác phẩm đồng nghiệp, xây dựng sự nghiệp đĩa nhạc vượt xa mọi giấc mơ của bất kỳ nghệ sĩ dương cầm nào, đồng thời trả thù cho sự lãng quên và thờ ơ mà cô từng chịu đựng ? Nhưng tại sao lại chọn những bản nhạc hàn lâm khó nhằn, hay mạo hiểm phát hành concerto, vốn dĩ khó ngụy trang hơn nhiều ? Và làm sao lý giải việc hàng loạt chuyên gia lừng danh cũng bị lừa, mà âm mưu này không bị vạch trần sớm hơn ?

Chỉ có thời gian mới có thể giúp sàng lọc từng bản ghi âm và cung cấp những manh mối để trả lời. Sẽ phải mất nhiều tháng để kiểm tra toàn bộ chúng và xác định xem chúng có liên quan gì đến Anna Song hay không, nhưng có vẻ rõ ràng rằng một số màn trình diễn được đánh giá cao nhất của nghệ sĩ này đã bị đánh cắp từ các nhạc sĩ và hãng thu âm khác. Khi được chúng tôi liên hệ, Paul Desroches, người tự nhận đã sản xuất toàn bộ các bản thu của vợ mình, tỏ ra không thể giải thích được những gì ông gọi là «sự trùng hợp kỳ lạ», chỉ khẳng định rằng tất cả các bản thu đều là thật và rằng

phân tích của «chuyên gia riêng» của ông sẽ chứng minh điều đó. Tuy nhiên, khẳng định này phần nào bị lung lay bởi sự im lặng dai dẳng của ông trong suốt hai tuần qua... Rõ ràng, chúng ta đang đứng trước ngưỡng cửa của một vụ bê bối chưa từng có, một vụ bê bối có nguy cơ làm tổn hại đến danh tiếng của người phụ nữ được mệnh danh vào những ngày cuối đời là «nữ nghệ sĩ dương cầm vĩ đại nhất còn sống mà không ai từng nghe danh».

Ký ức : thứ còn lại cho những ai có thời gian, có sự lựa chọn. Anna và tôi, mỗi người đều có những người đã khuất của riêng mình, và điều đó không hề ngăn cản chúng tôi sống trong ký ức - hay ảo tưởng - về những gì đã từng. Về điểm này, chúng tôi giống nhau, cả hai đều trầm lặng, kín đáo và hoài niệm. Nhưng tôi là một đứa trẻ lặng lẽ, choáng váng trước sự biến mất của những người mà tôi đã tưởng tượng rằng họ sẽ luôn ở đó, che chở cho tôi dù trời có mưa tuyết hay gió bão, dù đất có rung chuyển hay trời có bốc lửa. Anna thì ngược lại, cô ấy mạnh mẽ. Về ngoài mong manh của cô che giấu một ý chí cứng rắn hơn cả lưỡi thép. Trong cô luôn cháy bỏng khát vọng thực hiện những điều lớn lao, tốt đẹp. Một ngọn lửa bùng sáng trong cô mỗi khi cô đắm mình vào âm nhạc hoặc kể với tôi về đề chế phù du mà ông nội cô từng trị vì và mẹ cô từng hy vọng sẽ hồi sinh. Cô được tiếp thêm sức mạnh bởi một nguồn năng lượng mà tôi đã đánh mất, hoặc có lẽ tôi chưa từng có. Tôi là một kẻ mơ mộng hiền lành ; cô theo đuổi một giấc mơ mà cô tự hứa sẽ biến thành hiện thực, trở thành một nghệ sĩ được công nhận bởi cô có tài năng và sự kiên trì cần thiết, và không có trở ngại nào phải đối mặt có thể sánh được với những gì cha mẹ và ông bà cô đã trải qua, buộc họ phải từ bỏ khát vọng của mình. Anna hoàn toàn thuộc về vị trí của mình bên cây đàn piano. Âm

nhạc, thứ cần thiết với cô như không khí mà chúng ta hít thở, lấp đầy cô bằng một niềm hạnh phúc mãnh liệt, nơi niềm vui hòa quyện với cảm giác về nghĩa vụ không phải đã hoàn thành, mà đang trên đường hoàn thành : Anna muốn chứng tỏ mình xứng đáng với những người đi trước. Tôi không mong muốn gì hơn là được ở bên cô.

Điều ước của tôi đã thành hiện thực trong hai năm tiếp theo. Hai năm cuộc đời tôi trôi qua theo nhịp những lần tôi đến thăm Anna. Khi kể về lịch sử gia đình mình, thứ góp phần vào vẻ quyen rũ đượm buồn tỏa ra từ cô, cô đã đưa tôi vào thế giới của mình. Lúc đó, chúng tôi đã cùng nhau đi học, cùng nhau về nhà, cùng nhau ăn vặt, cùng nhau làm bài tập - cùng nhau đi đâu đó, trò chuyện hoặc cùng nhau im lặng. Nhưng những tâm sự của Anna, và những lời tôi đáp lại, đã đánh dấu một bước ngoặt mới trong mối quan hệ của chúng tôi. Đôi khi tôi cảm thấy như mình đã đánh đổi di sản mà cha mẹ tôi không kịp truyền lại cho tôi lấy di sản của cô, như thể khoác lên mình ký ức của những người xa lạ mang lại một lối thoát cho nỗi buồn của tôi, đồng thời kéo tôi lại gần hơn với một trong số ít người tôi yêu quý. Anna và tôi chia tay nhau trong miễn cưỡng đến mức bà nội của tôi đã đặt cho chúng tôi biệt danh «những kẻ không thể tách rời», ám chỉ những loài chim mà người ta nói

rằng chúng không thể sống nếu không có đôi.

Tôi rất quý bà nội của Anna. Bước chân nhẹ nhàng, vẻ thanh lịch, sự chăm sóc mà bà dành cho cả hai chúng tôi. Bài học thầm lặng mà bà dạy chúng tôi trong căn bếp. Sau món bánh pâté hoàng gia, bà dạy chúng tôi cách làm bánh rán từ bột sen nhân thịt heo và tôm. Tất cả đều được truyền đạt qua cử chỉ, không cần Anna dịch lại : bà nội chỉ cho chúng tôi cách nhào bột và nhào nặn để bột mịn nhất có thể, trước khi vo thành những viên nhỏ rồi cán thành những chiếc đĩa trắng như ngọc trai. Bà đặt một viên nhân vào giữa, gấp mép lại, rồi tạo hình chiếc bánh thành một bông hoa hồng, khắc tim và cánh hoa bằng... một chiếc nhíp. Trên mỗi chiếc bánh hoa, cuối buổi sáng đã có hàng chục chiếc, bà để chúng tôi nhỏ một giọt tinh chất trong suốt lấy từ một lọ trong tủ gia vị : cà cuống, một loại tinh dầu chiết xuất từ bọ cạp nước, cực kỳ quý hiếm, tạo mùi thơm dịu nhẹ cho những chiếc bánh. Đó là bước cuối cùng trước khi hấp trong một chiếc nồi lớn lót giấy nến. Run rẩy vì háo hức, chúng tôi hít hà mùi thơm của bánh lan tỏa khắp nhà. Bà Thi gọi chúng tôi ngay khi bánh chín và chúng tôi ăn ngấu nghiến ba bốn chiếc còn nóng hổi trong khi bà gói lại cho bà nội tôi. Chúng mềm và tan chảy đến nỗi đôi khi tôi phải nhắm mắt lại vài giây để tập trung thưởng thức hương vị hòa quyện của chúng.

Tuy nhiên, những buổi học nấu ăn của bà Thi hiếm hoi hơn nhiều so với những buổi học piano dành cho Anna, mà tôi thường xuyên tham dự. Tôi thích ngắm cô ấy luyện ngón hoặc luyện tư thế của ngón tay, cổ tay và vai. Với tôi, không có sự phân biệt giữa một bên là hậu trường khó nhọc, với việc giải mã những nốt nhạc khó khăn, những lần lặp đi lặp lại, những đoạn nhạc được chơi lại hai mươi lần, và bên kia là kết quả cuối cùng, được trình diễn trong trang phục dạ hội trước một khán giả ngưỡng mộ. Tất cả đều là một phần của Anna. Anna vấp phải một bản invention ba bè của Bach giống như một mảnh vá lộn xộn của những nốt nhạc rời rạc ; cố gắng tìm ra những giai điệu đối đáp, phản chiếu, kết hợp với nhau ; đan xen tay phải và tay trái để lộ ra giai điệu vừa được tạo ra vừa bị che giấu bởi chúng, tiếng nói thứ ba nổi tiếng chỉ lộ diện sau nhiều tuần lao động miệt mài.

Chính Anna đã dạy tôi yêu âm nhạc. Không phải tôi không yêu nó ngay lập tức, bằng bản năng, như cách tôi yêu chính người bạn của mình, cả hai trong tâm trí tôi là không thể tách rời ; nhưng, nếu không có ánh sáng của Anna, âm nhạc sẽ mãi là thứ bí ẩn như những khu rừng cổ tích trong truyện, nơi bạn chắc chắn sẽ lạc lối chỉ sau vài bước. Vui mừng khi thấy tình yêu piano của cô dường như được chia sẻ, Anna đã định hình cho thứ mà trước

đó chỉ là một sự thu hút mơ hồ bằng cách lục tìm trong bộ sưu tập của mẹ cô để giới thiệu cho tôi những nhà soạn nhạc và nghệ sĩ vĩ đại nhất, từ Artur Schnabel đến Vladimir Horowitz, từ Samson François đến Sviatoslav Richter, từ Martha Argerich đến Alfred Brendel. Chúng tôi ngồi trên thảm trong phòng mẹ Anna và bật đàn âm thanh. Tùy theo tâm trạng, loa sẽ phát nhiều tác phẩm của cùng một nhà soạn nhạc, của những nhà soạn nhạc có liên hệ - như Ravel và Debussy - hoặc cùng một tác phẩm được chơi bởi các nghệ sĩ khác nhau, và Anna sẽ giải thích cho tôi sự khác biệt trong cách diễn giải và phong cách của họ. Dần dần, và gần như không nhận ra, tôi đã tiếp thu kiến thức về solfège và lịch sử âm nhạc nhờ tiếp xúc với cô, học cách sắp xếp sở thích của mình, hình thành gu thẩm mỹ, và thấu hiểu thứ mà trước đây tôi chỉ đơn thuần thích từ xa.

Anna cũng nợ rất nhiều cho việc nghe đi nghe lại những bản sonata, valse, mazurka, prelude, ballade, những bản dạ khúc, concerto... Chính mẹ cô, như Anna kể với tôi, là người đã khơi dậy trong cô tình yêu với cây đàn piano, đầu tiên bằng cách cho cô nghe đi nghe lại những chiếc đĩa nhạc từ khi cô còn là một đứa trẻ sơ sinh, sau đó, khi cô đã đủ lớn để ngồi vững trên chiếc ghế băng, bằng cách tập cho cô thói quen ghi nhớ và tái hiện lại những giai điệu và nhịp điệu mà bà chơi bên

ạnh. Từ niềm say mê với vài đoạn nhạc ngắn, hai mẹ con dần chuyển sang Mozart, Chopin, Bach, Schubert, những tác phẩm mà Anna luyện tập đến mức có thể chơi một cách hoàn hảo mà không cần suy nghĩ ; việc kết hợp các nốt nhạc, sắc thái và khoảng lặng đã trở nên tự nhiên như hơi thở với cô. Kỹ thuật và sự khổ luyện đã giúp cô đạt đến trình độ điêu luyện hiếm có : Anna có thể tùy ý trình bày một bản nhạc với hàng chục biến tấu khác nhau, phá cách và tái cấu trúc các hòa âm với sự dễ dàng đáng kinh ngạc, biến các hợp âm thành những chuỗi arpeggio, và không ngần ngại rời xa bản nhạc để chen vào những đoạn ứng tác hòa quện một cách kỳ diệu. Cô thêm thắt hoặc ngược lại, lược bỏ những nốt luyến láy - trong một vũ điệu baroque vui tươi của những nốt láy rền, láy ngắt và nhóm nốt luyến - và điều khiển kỹ thuật staccato và legato như một diễn viên điều chỉnh cử chỉ và giọng điệu để thể hiện sự tuyệt vọng, mơ hồ hay điên loạn của nhân vật theo yêu cầu của đạo diễn.

Thường thì cô kể cho tôi nghe những giai thoại liên quan đến các bản nhạc cô chơi hoặc cho tôi nghe. Sau bản sonata của Scarlatti, cô kể rằng nhà soạn nhạc này đã viết tổng cộng 555 bản sonata, phần lớn trong khoảng thời gian từ 57 đến 62 tuổi : ông đã trải qua giai đoạn sáng tạo đỉnh cao vào những năm tháng cuối

đời. Hoặc cô đặt bản nhạc Prelude của Chopin, với cái tên vô cùng phù hợp *Sự ngạt thở* lên giá và kể cho tôi nghe về nguồn gốc của nó, về nhà soạn nhạc khi ấy đang trú ẩn trong một căn nhà tranh lạnh lẽo ở Majorca, mùa đông khắc nghiệt đến mức mỗi sáng người ta lại thấy xác những chú chim sẻ rơi cứng đờ từ trên cành cây nơi chúng đậu qua đêm, về những xung đột không dứt với người tình lúc bấy giờ, nhà văn George Sand, về sức khỏe ngày một suy kiệt như chiếc áo sờn rách, với những triệu chứng đầu tiên của căn bệnh lao phổi sau này đã cướp đi mạng sống của ông... Rồi, trong lúc tìm kiếm một bản thu của Concerto cho tay trái của Ravel, cô giải thích rằng bản nhạc này đã không tồn tại nếu không có Paul Wittgenstein, một nghệ sĩ piano tài năng và giàu có, anh trai của nhà triết học nổi tiếng, người đã mất cánh tay phải trong Thế chiến thứ nhất. Không chịu khuất phục trước tuyệt vọng và quyết tâm theo đuổi sự nghiệp âm nhạc rực rỡ, ông đã phối lại các bản nhạc để có thể chơi chỉ bằng tay trái, và đặt hàng các tác phẩm mới viết riêng cho tay trái từ những nhà soạn nhạc vĩ đại nhất thời bấy giờ : Benjamin Britten, Paul Hindemith, Erich Wolfgang Korngold, Richard Strauss, Sergei Prokofiev... và Maurice Ravel, người đã sáng tác bản Concerto mà sau này Wittgenstein trình diễn với quá nhiều thay đổi và đơn giản hóa (có lẽ để

phù hợp với khả năng của mình) đến mức hai người đã cắt đứt quan hệ vĩnh viễn - tác giả của bản Boléro cảm thấy mình bị phản bội. Dù có những khiếm khuyết, Wittgenstein đã góp phần tạo nên một kho tàng nhạc mục dành cho những nghệ sĩ piano bị mất tay phải, mang lại lợi ích cho nhiều nhạc công khác, từ người Nhật Minoru Murakami bị liệt sau cơn đột quỵ giữa buổi hòa nhạc, đến người Đức Karl Wachter không thể chơi đàn vì một vết cắt tưởng chừng nhỏ nhưng lại nghiêm trọng nặng.

Anna yêu những câu chuyện đẹp và biết cách truyền tải chúng. Và cũng như cô có khả năng chơi nhạc Bach một cách xuất sắc dù nhạc của Ravel mới là thứ khiến cô xúc động, Anna dành sự ngưỡng mộ vô bờ cho Samson François, người mà cô luôn nghe bản Gaspard de la nuit với niềm hứng thú không bao giờ vơi, nhưng Glenn Gould mới là người cô gắn bó sâu sắc, dù sự gắn bó này không thực sự liên quan đến phong cách chơi đàn của ông. Cô có thể nói hàng giờ về người đàn ông, sau thời thơ ấu của một thần đồng, đã rời khỏi sân khấu công chúng ở tuổi 32, khi đang ở đỉnh cao vinh quang, để tập trung vào các bản thu trong phòng studio với những nghi thức bất di bất dịch, chòng khản tằm (trước khi chơi, ông ngâm tay trong nước ấm suốt 20 phút), năm loại thuốc, hai chai nước lớn, hệ thống sưởi

được điều chỉnh chính xác đến từng milimet (Gould yêu cầu nhiệt độ phòng phải luôn không đổi), và chiếc ghế yêu thích luôn đồng hành cùng ông kể từ khi cha ông làm cho nó từ một chiếc ghế xếp được cắt ngắn chân - tiếng kêu cọt két của chiếc ghế, có thể nghe thấy trong mọi bản thu, đã trở thành dấu ấn âm nhạc của ông, cũng như thói quen ngân nga khi chơi đàn. Glenn Gould chỉ giao tiếp qua điện thoại, ăn mãi một món mỗi ngày và mặc nhiều lớp quần áo ngay cả trong mùa hè, thêm vào đó là áo khoác, mũ, khăn quàng và găng tay. Glenn Gould, cuộc đời ông như gấp đôi lại, như một tờ giấy, từ khoảnh khắc ông quyết định từ bỏ các buổi hòa nhạc công chúng... Một chi tiết đã khiến Anna ấn tượng trong khu rừng kỳ dị nơi ông sinh sống : ông đã thực hiện những bộ phim tài liệu phát thanh về Bắc Cực, những bản fugue không cấu thành từ các giai điệu mà từ giọng nói con người, được cắt dán từ những cuộc phỏng vấn thực địa với hiệu ứng đối âm như trong một bản nhạc. Những bản fugue ấy như tấm gương phản chiếu chính ông, khát khao biến mất khỏi thế giới. Ông tập hợp chúng dưới nhan đề *Bộ ba cô đơn*, và coi đó là tác phẩm tự truyện nhất, thân mật nhất, bởi chúng thể hiện khát vọng sống xa cách mọi người và mọi thứ hơn bất cứ tác phẩm nào khác.

Có lẽ với Anna, Việt Nam cũng giống như Bắc Cực với Gould, một đất nước của những khuôn mặt không tên và những cái tên không khuôn mặt, một vùng đất bí ẩn và quyến rũ mà cô gắn bó sâu sắc dù chưa từng đặt chân đến, nơi cô nhận ra mình bởi nó không phải là hiện thực mà là một ý niệm, một giấc mơ cô hướng đến dù biết sẽ không bao giờ chạm tới, và nó đã mang lại cho âm nhạc của cô một sức mạnh kỳ lạ, sự hòa quyện giữa vẻ đẹp và nỗi đau. Mỗi khi nghe đến từ «Việt Nam», Anna lại hình dung về bãi biển Nha Trang và mặt biển lấp lánh dưới ánh mặt trời, thác nước Fairy nơi mẹ cô thích đi dã ngoại hồi nhỏ, cha cô học đi xe đạp trên những con đường đầy bụi của Sài Gòn, chân trần vì không có tiền mua dép, dòng sông Hương với những lăng tẩm hoàng gia, và cây đàn piano trong ánh sáng mờ ảo của ngôi nhà dưới bóng cây bạch quả. Những hình ảnh mờ ảo nhưng rực rỡ ấy luôn hiện hữu khi cô ngồi trước phím đàn, lưng thẳng, lặp đi lặp lại mười, mười lăm, hai mươi lần cùng một đoạn nhạc dưới ánh mắt của ông ngoại.

Cũng như cuộc sống với cha mẹ tôi từng tưởng là vĩnh viễn, tôi đã không nghĩ rằng những ngày bên Anna rồi cũng sẽ kết thúc - lúc đó tôi chưa hiểu quy luật rằng những người ta yêu quý nhất lại thường là những người ra đi đầu tiên. Chúng tôi sắp tròn mười hai tuổi khi cha

mẹ Anna quyết định chuyển nhà, không chỉ đến một thành phố khác, mà còn đến một lục địa khác, châu Mỹ, nơi có một vị trí công việc đang chờ mẹ cô. Bạn tôi thông báo tin này vào ngày cuối cùng trước kỳ nghỉ, khi chúng tôi đang ăn bữa xế quen thuộc tại nhà cô. Tôi choáng váng đến mức không thể thốt nên lời, thậm chí không thể phát ra bất kỳ âm thanh nào. Đầu óc tôi trống rỗng, như vừa bị một cú sốc điện mạnh. Tôi đã rất khó khăn để chuẩn bị tinh thần cho hai tháng xa cách tưởng như dài vô tận, và giờ đây, Anna, bằng giọng nói nhẹ nhàng của mình, đã khiến tôi tan nát...

«Tôi muốn cho bạn xem một thứ», cô nói rồi đứng dậy khỏi ghế. Cô tiến đến bàn thờ tổ tiên và tôi leo đèo theo sau như một kẻ mộng du trong khi cô kéo tấm vách trượt sang một bên, lộ ra năm bức ảnh chân dung những người đàn ông và phụ nữ mặc áo dài gấm, đội khăn đóng để lộ trán. «Về phía mẹ tôi, tất cả, trừ ông ngoại, đều còn sống. Đó là lý do không có bất kỳ bức chân dung nào khác ở phía này của bàn thờ. Bà ngoại vẫn sống ở đó, trong trang trại, cùng với cậu tôi, người chăm sóc phần còn lại của đồn điền, dì tôi, người có một cửa hàng vải, và tất cả các anh chị em họ của tôi. Về phía cha tôi thì khác, bà nội, người mà cậu biết đấy, là người duy nhất còn sống... Đây là cha mẹ bà, cha mẹ chồng và chồng của bà.» Một ánh phản quang, có vẻ

như, đã ngăn tôi nhìn thấy người cuối cùng, và tôi lùi lại để nhận ra rằng không có hiệu ứng quang học nào cả. Khung ảnh thực sự trống rỗng - đường viền vàng bao quanh một khoảng trắng, chỉ thoáng chút dấu vết, và phải thật chăm chú quan sát mới thấy được những đường nét mờ xám, nơi không thể nhận ra bất kỳ đường nét nào của một khuôn mặt.

Không còn gì sót lại từ người ông nội của Anna, một nông dân nghèo thuê sức lao động cho bất kỳ ai cần, đã tích cóp được một chút tài sản nhờ làm lụng vất vả : ông sở hữu những cánh đồng lúa màu mỡ, một ngôi nhà, một khu chuồng gia súc, vài con vật nuôi, một con trâu với bộ lông bóng mượt và cổ khỏe khoắn. Từng bước một, ông vươn lên trở thành một trong những người khá giả nhất trong ngôi làng phía Bắc, nơi ông sống cùng vợ và hai con trai. Thành công và sự khôn ngoan đầy ắp của ông đã giành được sự kính trọng của hàng xóm, những người thường tìm đến ông để xin ý kiến về các vấn đề thường ngày. Bà Thi, người từng là tình yêu thời thơ ấu rồi trở thành vợ ông, khi ấy là một phụ nữ trẻ với mái tóc đen và đôi mắt sáng, tiếng cười lớn, làm việc chăm chỉ, và chăm sóc đứa con út với sự bảo vệ khắc nghiệt, bởi cậu bé có thể chất yếu ớt, hoàn toàn thiếu sức bền, trái ngược với người anh cả mười bảy tuổi trông như một người đàn ông thực thụ - đến mức

cậu quyết định nhập ngũ chống lại người Pháp. Cậu hy sinh trong một cuộc tấn công chớp nhoáng, chưa đầy một tháng sau đó : cậu đã đảm nhận việc di tản cả một cộng đồng vào một chuỗi hang động để bảo vệ họ khỏi bom đạn. Cậu nhờ một đồng đội dẫn đường cho mọi người trong khi bản thân đi cuối đoàn để hỗ trợ người già và những người khó di chuyển. Khi gần như tất cả đã vào được hang, một quả bom mảnh phát nổ gần cửa hang. Dùng thân mình làm lá chắn để bảo vệ nơi trú ẩn, cậu bị xuyên thủng từ trước ra sau và gục xuống, lưng và gáy cắm đầy mảnh đạn.

Cha cậu cũng theo cậu xuống mộ không lâu sau : tang lễ vừa kết thúc thì chế độ mới triển khai một cuộc cải cách ruộng đất quy mô lớn theo mô hình Trung Quốc - với những hậu quả tàn khốc tương tự. Bị buộc tội là địa chủ lớn, kẻ bóc lột nhân dân, tay sai của chủ nghĩa tư bản, ông nội của Anna bị đánh đập và tra tấn bởi những người của đảng muốn làm gương, rồi bị xử tử trước mặt những người hàng xóm từng dành cho ông bao tình cảm chỉ vài tháng trước đó, giờ không chút do dự kết án ông... Cái chết anh hùng của con trai ông không đủ để cứu ông, cũng như sự vô tội - hay đúng hơn là sự không hay biết - của ông về những tội danh bị gán ghép. Ông để lại một người vợ góa và đứa con tuyệt vọng, trắng tay, và kỷ vật duy nhất là một tấm ảnh mà thời

gian và sự hư hỏng, qua nhiều lần di chuyển trong điều kiện ngày càng khó khăn, đã biến thành một khung hình trống rỗng. Bị tước đoạt nhà cửa và đất đai, bà Thi và con trai rơi vào cảnh nghèo khó, rồi cùng cực. Không ai dám giúp đỡ họ vì sợ bị coi là phản động ; ngay cả việc xin một nắm gạo để khỏi chết đói cũng trở nên vô cùng khó khăn. Sau bao khổ cực, may mắn thay, họ đã trốn thoát và tìm được nơi ẩn náu nhờ họ hàng ở Sài Gòn. Làm việc cật lực, bà Thi dành dụm được ít tiền, vay mượn thêm để mở một tiệm may. Bà gặp được chút thành công và, ngay khi tích cóp đủ tiền, bà thuê một người môi giới để cùng con trai lên một chiếc thuyền tồi tàn trong đêm, hy vọng sẽ đưa họ đến một nơi nào đó để bắt đầu lại từ đầu.

Khi đã lên thuyền, bà dành nhiều thời gian nhìn chăm chăm vào bờ biển mờ ảo trong bóng tối - một cái bóng trong bóng tối, đen trên nền đen. Bà khó lòng rời mắt khỏi mảnh đất mà bà đang rời xa, từng là của bà và giờ không còn nữa ; dù đã trả cho người môi giới số tiền dành dụm khó nhọc chỉ để được rời đi, bà vẫn cảm thấy mình đang bỏ lại cả một phần đời, một phần bản thân đã mất đi vĩnh viễn, như những tảng băng dưới tác động của nóng lên toàn cầu đột ngột tách khỏi băng hà để trôi vô định rồi tan chảy và biến mất - như thể chúng chưa từng tồn tại. Bà Thi và con trai suýt không sống sót qua

chuyến hải trình. Hành trình dài gấp đôi dự kiến nhanh chóng cạn kiệt nguồn nước và lương thực dự trữ. Họ buộc phải vứt bỏ mọi thứ mang theo khi một cơn bão suýt làm thuyền lật úp, và không ngày nào trôi qua mà họ không lo sợ bị cướp biển tấn công, những kẻ rình rập để cướp bóc người tị nạn, lần lượt giết hại và hãm hiếp những người đàn ông, phụ nữ và trẻ em không vũ khí, suy yếu vì đói khát và sốt rét, trở thành con mồi lý tưởng.

Đúng vậy, cả hành trình chỉ là một cực hình, một cuộc phiêu lưu bất tận giữa biển lửa và muối mênh mông, nơi thời gian và không gian như giãn nở vô tận. Nhưng đôi khi cũng có những khoảnh khắc lạ lùng yên bình, vào những giờ nhất định khi trời và biển hòa làm một, khiến bà Thi và con trai đôi lúc tự hỏi liệu họ đang lơnh dênh trên trời hay dưới biển, bởi họ thực sự ở giữa chốn hư vô, với biển cả mênh mông và cảm giác đang đi mà không biết xuất phát từ đâu hay đích đến là nơi nào, mắc kẹt trong vùng giới hạn bí ẩn nơi họ có thể tan biến. Đó là những lúc mệt mỏi đến mức xóa tan mọi lo âu, khi sự kiệt sức, nổi chán chường vì chẳng thấy gì giữa biển nước lấp lánh ánh mặt trời đẩy con người vào trạng thái gần như thực vật, trong hoàn cảnh khắc nghiệt ấy, nó không khác biệt lắm với một dạng hạnh phúc... Bà Thi nghĩ về chồng mình và cảm thấy sức lực

dần tàn, ý chí như lau sậy trước gió ; tại sao phải chiến đấu, tại sao phải gồng mình gánh lấy cuộc sống khi bà có thể đơn giản là đoàn tụ với ông ? Sẽ nhẹ nhàng biết bao so với việc phải vật lộn mà không biết tương lai thế nào, và cố gắng trong hành trình dường như chẳng có điểm bắt đầu hay kết thúc, như thể con thuyền này đã rời khỏi không chỉ Việt Nam mà cả thế giới người sống, như thể tất cả họ giờ đây đang ở một chiều không gian trung gian, phòng chờ của cái chết có lẽ đã quen thuộc với chồng bà, kẻ bị kết án lang thang vĩnh viễn vì không được chôn cất đàng hoàng...

Trong những khoảnh khắc kiệt sức khi suy nghĩ của bà lênh đênh như mảnh gỗ trôi, bà Thi gần như buông xuôi, và đã buông xuôi nếu không vì con trai, mạng sống và tương lai của con ; bà đã buông tay để đoàn tụ với người đàn ông mình yêu và đưa con trai đã khuất, hạnh phúc vì cuối cùng được bình yên. Nhưng vì phải chăm sóc cha của Anna, bảo vệ cậu khỏi muối và nắng thiêu đốt da thịt, ép cậu ăn chút gạo và uống ít nước để cầm cự thêm ngày nào, tỏ ra kiên định để tiếp thêm can đảm cho cậu, bà đã không bỏ cuộc. Nếu không có cậu, bà đã gục ngã và mọi thứ sẽ chấm dứt. Nhưng cậu ở đó, cần bà, và bà biết chồng bà cũng không muốn bà từ bỏ, nên bà tiếp tục. May mắn hơn nhiều người khác, cuối cùng họ cũng thoát nạn : một tàu hàng Pháp cứu họ và

đưa họ đến nơi an toàn, trở thành quê hương mới...

Cha của Anna, khi ấy là một thiếu niên, đã thích nghi đáng kinh ngạc - sống sót qua thử thách như vậy khiến con người ta có thể làm được mọi thứ. Cậu học tiếng Pháp trong sáu tháng, bắt kịp việc học, giành học bổng, vào trường kỹ sư. Một nghề cậu không đam mê, nhưng có ưu điểm là dễ thành thạo, ổn định, và đảm bảo cuộc sống đủ đầy cho bản thân và mẹ. Thời gian này, cậu gặp mẹ của Anna qua bạn chung, và họ kết hôn. Quá khứ, như khung hình trắng đặt trên bàn thờ tổ tiên, dường như chẳng còn gì. Ngôi làng phía Bắc nơi ông nội Anna từng sống cả đời bị xóa sổ trong một trận bom. Nhà cửa, ruộng lúa và gia súc trở về với bùn đất, và hoàn cảnh cướp đi của bà Thi cả chiếc nhẫn cưới, bị người môi giới ép trả thêm tiền. Nếu ông nội ngoại của Anna là biểu tượng của ảo ảnh thoáng hiện rồi tan biến, thì ông nội nội chỉ là cái bóng của bóng hình, một nạn nhân trong hàng ngàn nạn nhân khác của Lịch sử, bị ném vào hồ quên lãng một cử chỉ bất cần, không để lại cho anh lấy một dòng ghi chú cuối trang. Lạc lõng đâu đó trong những nếp gấp của thời gian, anh gần như đã bị xóa sổ khỏi thế giới - bị nuốt chửng bởi sự im lặng bao trùm lên tất cả những người như anh, những người đã chết mà không ai biết vì sao. Không còn một dấu vết, không một chứng tích nào về sự tồn tại của anh - ngoại

trừ trong ký ức của một bà lão với búi tóc được cố định bằng chiếc trâm ngọc bích.

Bà Thi, người thường xuyên tưởng nhớ người đàn ông bà từng yêu bằng những lời cầu nguyện và lễ vật, chưa bao giờ quên người chồng của mình, cũng như mẹ của Anna chưa bao giờ quên cha cô hay ngôi nhà với cây bạch quả. Và cũng như thế, bạn tôi khẳng định rằng cô ấy và tôi sẽ không bao giờ quên nhau. Tôi quá quan trọng với cô ấy, và dù thời gian và khoảng cách có chia cách chúng tôi thế nào, ký ức về những gì chúng tôi từng có với nhau sẽ mãi sống động. Rồi cô ấy nói thêm, sự chia ly này sẽ không kéo dài mãi ; chúng tôi sẽ viết thư cho nhau, cha mẹ cô ấy sẽ trở về, và cô ấy cùng họ; chúng tôi sẽ gặp lại nhau. Chỉ là vấn đề vài tháng, hay có lẽ vài tuần nữa... Tôi vẫn im lặng, cổ họng nghẹn lại vì đau buồn. Cô ấy nắm lấy tay tôi, và tôi cảm nhận được những ngón tay nhẹ như hơi thở, hơi ấm từ lòng bàn tay lan tỏa lên cánh tay, rồi đến vai và ngực tôi. Trái tim tôi bắt đầu đập mạnh hơn. Ngày càng nhanh. «Tôi hứa với bạn», cô ấy lặp lại. Tôi quay sang nhìn cô ấy, máu dồn lên thái dương. Nhưng cô ấy không nhìn tôi: khuôn mặt cô ấy vẫn ngẩng lên, hướng về hình bóng vắng mặt của người ông. Sự im lặng của cô ấy hòa vào im lặng của tôi, như nhân đôi nó lên. Và ngày dần tối đi trong khi chúng tôi vẫn im lặng, tay trong tay.

«Annagate» : Một Vụ Bê Bối Toàn Cầu

Bởi Julian Bell, *Vanity Fair*, tháng 12 năm 2008

Câu chuyện dường như quá đẹp để là thật : vào cuối đời, gần hai thập kỷ sau buổi biểu diễn công khai cuối cùng, nữ nghệ sĩ piano gốc Việt Anna Song được các nhạc sĩ và nhà phê bình tái khám phá, khẳng định rằng cách trình diễn của bà ngang bằng, thậm chí vượt trội so với các nghệ sĩ bậc thầy của thế kỷ XX. Khi bà qua đời vào tháng 6 năm ngoái ở tuổi 49 vì ung thư, giới truyền thông dậy sóng và người hâm mộ tràn ngập lời ca ngợi trên báo chí, đài phát thanh và truyền hình, cuối cùng cũng vinh danh một nghệ sĩ bị tước đoạt sự công nhận xứng đáng từ lâu : trên tờ Le Monde de la musique ngày 17 tháng 7 năm 2008, nhà phê bình Julien Sember đã thốt lên về «một trong những nghệ sĩ vĩ đại nhất mà nước Pháp từng sản sinh».

Julien Sember và nhiều người khác, dường như đã dễ dàng chấp nhận lời giải thích cho việc ngôi sao mới của họ thiếu danh tiếng trong giới chuyên môn : một cuộc chiến dài với bệnh tật buộc bà phải kết thúc sự nghiệp biểu diễn để dồn hết sức lực vào việc thu âm các tác phẩm kinh điển cho piano dưới sự bảo trợ của một hãng đĩa nhỏ, Piano Solo, do chồng bà Paul Desroches

điều hành. Hơn một trăm CD chất lượng xuất sắc là kết quả của nỗ lực phi thường này, và khi Anna Song qua đời, giá trị của chúng tăng vọt, trong khi danh tiếng của bà lan rộng khắp thế giới...

Câu chuyện dường như quá đẹp để là thật, tôi đã nói vậy. Và thực tế, di sản của Anna Song giờ đây bị hoen ố bởi cáo buộc gian lận nghiêm trọng : nhiều bản thu âm làm nên danh tiếng của bà không phải do bà trình diễn. Bà không hẳn là một kẻ giả mạo - bà không thu âm bản Sonata số 2 của Chopin rồi mạo danh là bản thu âm thất lạc của Vladimir Horowitz - mà là một kẻ đạo nhạc : tạp chí Téléràma của Pháp đã chứng minh, với bằng chứng rõ ràng, rằng nhiều bản trình diễn của Anna Song chỉ là bản sao được chỉnh sửa điện tử - nhịp độ khi chậm, khi nhanh - từ các bản thu âm của cùng tác phẩm bởi các nghệ sĩ piano khác. «Kể từ khi chúng tôi công bố bài báo, chúng tôi nhận được tin nhắn từ khắp nơi trên thế giới bày tỏ nghi ngờ về các đĩa nhạc khác được cho là của Anna Song, Jean Verne cho biết. Cuộc điều tra mới chỉ bắt đầu và có lẽ sẽ kéo dài, vì công nghệ số ngày nay rất tinh vi, cho phép kéo dài hoặc nén các tệp âm thanh mà không làm thay đổi âm sắc...»

Trong bài viết, Verne tiết lộ rằng kỹ sư âm thanh Clément Rozel, người so sánh bản thu âm *Biến tấu Diabelli* của Beethoven với một phiên bản trước đó của nghệ sĩ người Ý Mario Cojazzi, phát hiện rằng sóng âm giống hệt nhau ở 29 trong số 33 track, bốn track còn lại thuộc về một nghệ sĩ piano người Mỹ, Deirdre Olafson. Rozel, người điều hành một công ty nhỏ Prisma Classica ở Đông Nam nước Pháp, đã tạo một trang web (www.prismaclassica.com/SongHoax.html) nơi mọi người có thể nghe các bản nhạc Anna Song tự nhận là của mình cùng với bản gốc của các nghệ sĩ bị bà sao chép. Trong đó có ba bản thu âm *Etudes* của Godowsky dựa trên Chopin, thực chất là của Carlo Grante, Marc-André Hamelin và Ian Hobson.

Những tiết lộ này khiến những người từng tôn sùng Anna Song bàng hoàng. Nhà phê bình Gérard Manzel, một trong những người ủng hộ đầu tiên của nữ nghệ sĩ, khi chúng tôi liên lạc vào thứ Sáu tuần trước thừa nhận rằng, dù là một trong số ít người trong giới âm nhạc gặp mặt trực tiếp Anna Song, ông chưa từng tham dự bất kỳ buổi thu âm nào của bà và chưa bao giờ thấy bà chơi đàn. Ông không hề nghi ngờ rằng Anna Song có thể đã nói dối ông trong suốt cuộc phỏng vấn và biết đâu chừng chưa từng bước chân vào phòng thu mà bà mô tả đầy nhiệt huyết. «Tại sao tôi phải nghi ngờ? Bà

ấy đã có sự nghiệp biểu diễn, chơi ở những phòng hòa nhạc danh tiếng và thu hai đĩa nhạc trước khi giải nghệ - chúng đã ngừng phát hành, nhưng vẫn được ghi nhận trong danh mục của hãng sản xuất...»

Hiện vẫn chưa rõ mức độ ảnh hưởng đến di sản thu âm của Anna Song : không loại trừ khả năng bà bắt đầu thu âm trước khi sức khỏe suy yếu, và việc thay thế bằng các phiên bản của đồng nghiệp chỉ xảy ra sau đó, khi bệnh tật khiến bà kiệt quệ... Hoặc có lẽ ngay từ đầu đây là một âm mưu đánh lừa giới phê bình, những người chưa bao giờ chú ý đến bà. Chồng bà, Paul Desroches, là người duy nhất có thể làm sáng tỏ vụ việc. Nhưng ông đã biệt tích nhiều tuần, không trả lời điện thoại hay email. Jean Verne cho biết đã nói chuyện với ông ngay trước khi đăng bài : «Ông ấy rất lịch sự, nhưng không giấu được sự bối rối. Ông ấy không trả lời được các câu hỏi của tôi. Theo tôi, ông ấy đang bị dồn vào chân tường. Vụ bê bối này thật khủng khiếp - một cái tát vào cả giới chuyên môn. Điều đáng ngạc nhiên là, nếu mọi thứ trở nên khả thi nhờ công nghệ điện tử, thì cũng chính công nghệ tiên tiến hơn đã vạch trần nó. Máy móc thành công nơi tai người thất bại, và không có iTunes, chúng ta vẫn đang say sưa với các đĩa nhạc của Anna Song. Thật là một bài học !...»

Thông thường, các nghệ sĩ piano bị Anna Song đánh cắp bản thu không phải là những người nổi tiếng nhất (dù họ xứng đáng được nhận những bài đánh giá xuất sắc mà nữ nghệ sĩ dương cầm đã nhận được nhờ danh tiếng của họ). Những bản mazurka của Chopin là do Eugen Indjic biểu diễn, các tác phẩm của Messiaen thuộc về Paul S. Kim, những bản prelude của Rachmaninov là của John Browning, các bản étude «rực rỡ» của Chopin là của Yuki Matsuzawa, và những biến tấu «tinh tế» Goldberg Variations là của Roger Muraro. Danh sách này tiếp tục dài ra khi các phân tích (hiện đã lên tới 25 bài) được thực hiện : bên cạnh Clément Rozel, nhiều viện nghiên cứu khác cũng tham gia vào công việc này. Cho đến nay, chưa có bản thu âm gốc nào của Anna Song được phát hiện.

Nếu một số yếu tố đã khiến việc vạch trần trò lừa đảo bị trì hoãn (phần lớn các tác phẩm mà nữ nghệ sĩ chọn đã được thu âm hàng trăm lần trước đó, và nhiều nghệ sĩ mà cô đánh cắp tác phẩm lại ít được biết đến), thì những yếu tố khác lẽ ra phải gây ra tác dụng ngược lại. Làm sao giải thích được việc các bản concerto không hề gọi lên chút nghi ngờ nào ? Bìa đĩa CD ghi rằng dàn nhạc hợp tác với Anna Song là «National Philharmonique-Symphonique» bí ẩn, được chỉ huy bởi một người tên Dimitri Makarov. Mỗi khi bị chất vấn về điều này, Paul

Desroches biện minh rằng đây là một dàn nhạc gồm những người Ba Lan di cư và Dimitri Makarov là bút danh của một người đàn ông từng bị đày ải tại Gulag, nay chỉ muốn theo đuổi nghệ thuật trong ẩn danh... Đó cũng là lý do - theo lời Paul Desroches - khiến không thể liên lạc được với Dimitri Makarov hay bất kỳ thành viên nào của dàn nhạc.

Ban đầu, giới phê bình đã chấp nhận những tuyên cha này mà không chút nghi ngờ : trong một bài báo ca ngợi bản concerto số 3 của Rachmaninov do Anna Song biểu diễn, một nhà phê bình của tạp chí Musika so sánh cô với các phiên bản của Byron Janis và Martha Argerich, nhận xét rằng nữ nghệ sĩ «nhận được sự hỗ trợ tuyệt vời» từ dàn nhạc và người chỉ huy, và «việc họ là ai không quan trọng, miễn là phần trình diễn của họ mạnh mẽ và chính xác». Nhưng thực ra, biết được danh tính thật của họ sẽ tốt hơn, vì hóa ra đó đơn giản là Dàn nhạc Philharmonic London dưới sự chỉ huy của Esa-Pekka Salonen ! Còn so sánh giữa Song với Janis và Argerich cũng không hề viễn vông : nghệ sĩ thực sự đằng sau không ai khác chính là thiên tài Yefim Bronfman. Tương tự, bản concerto số 2 của Brahms mà Anna Song trình diễn thực chất là phiên bản «được chỉnh sửa và tăng tốc» của Vladimir Ashkenazy cùng Dàn nhạc Philharmonic Vienna, dưới sự chỉ huy của

Bernard Haitink...

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng dù các nhà phê bình bị Anna Song lừa dối, nhưng đánh giá nghệ thuật của họ không hề sai lầm : tài năng của những nghệ sĩ dương cầm bị đánh cắp vẫn là thật (và việc «ai đó» chọn họ cũng cho thấy gu âm nhạc rất tinh tế). Khi Mark Kopanowski nói về «sự pha trộn giữa nỗi buồn và ánh sáng» trong các bản waltz của Chopin hay «dòng chảy mạnh mẽ» trong sonata của Mozart, ông hoàn toàn đúng. David Martin, người điều hành trang web www.musiqueculte.com, chỉ ra rằng Gérard Manzel đã cho điểm tương tự các bản nhạc được cho là của Anna Song và các bản gốc khi ông có dịp đánh giá chúng vài năm trước. Và không thể trách một nhà báo không thể nhận ra, một cách mù quáng, rằng mình đã nghe bản nhạc này dưới một cái tên và bìa đĩa khác, nhất khi có hàng trăm phiên bản của cùng một prelude. Vậy là các nhà phê bình không sai về chất lượng nghệ thuật, mà chỉ sai về danh tính người biểu diễn. Một điều tưởng chừng không thể tin nổi đến mức chẳng ai nghĩ tới...

Những vụ lừa đảo nghệ thuật đã tồn tại suốt chiều dài lịch sử sáng tạo. Họa sĩ Han Van Meegeren đã tạo ra khoảng 15 bức tranh giả Vermeer vào những năm 1930-1940, đánh lừa các bảo tàng danh tiếng nhất

thế giới, thậm chí cả chuyên gia của Hermann Göring trong Thế chiến II. Chính vụ bán tranh khiến ông bị bắt vì tội cộng tác với địch, ông ta thừa nhận chính mình là tác giả của những bức tranh cuối cùng vốn được cho là của danh họa người Hà Lan. Để chứng minh lời khai trước những vị thẩm phán đầy hoài nghi, ông buộc phải vẽ ngay một bức trước mặt họ... Cuối thế kỷ 18, William Henry Ireland cũng làm giả các tác phẩm của Shakespeare, lừa được công chúng trong nhiều năm dù mới chỉ là một thanh niên. Ông không chỉ giả mạo chữ ký và phong cách của tác giả «Romeo và Juliet», mà còn tuyên cha đã phát hiện ra bản thảo gốc của các vở kịch với những biến thể chưa từng công bố, đặc biệt là hai vở bi kịch chưa từng được biết đến, Vortigern và Henry II ! Hiện tượng làm giả và đạo nhạc cũng không phải chuyện mới : một trong những người bảo trợ của Mozart, Bá tước Franz von Walsegg, suýt nữa đã chiếm đoạt bản Requiem nổi tiếng của ông - ông ta định tự nhận mình là tác giả sau khi cho biểu diễn để tưởng nhớ người vợ trẻ đã qua đời. Handel thường xuyên tái sử dụng tác phẩm của chính mình và đồng nghiệp, khiến ông nhiều lần bị kiện. Trong làng nhạc pop, nơi lợi nhuận khổng lồ, cũng từng xảy ra những vụ bê bối như năm 1990, khi nhóm Milli Vanilli phải trả lại giải Grammy sau khi thừa nhận họ chưa từng hát bất kỳ ca

khúc nào trong album đoạt giải. Nhưng trong thế giới cổ điển, nơi ít lợi nhuận và kín đáo hơn, chưa từng có vụ lừa đảo nào quy mô như «Anna-gate».

Khi Anna rời đi, tôi cảm thấy trống rỗng. Nhờ cô ấy, tôi đã tìm thấy một mái nhà thứ hai, một sự ổn định giúp tôi định vị bản thân trong thế giới này ; rồi mọi thứ sụp đổ trong chớp mắt, như một cây cầu bị gãy. Anna mang theo cảm xúc, khát khao và năng lượng mà cô ấy đã truyền cho tôi chỉ bằng sự hiện diện của mình. Khi cô ấy biến mất, chẳng còn ai ngồi cạnh tôi trong lớp hay trên ghế đá sân trường, chẳng còn ai cùng tôi ngắm đàn cừu, chia sẻ bữa xế với bánh socola hay chè chuối nước cốt dừa, hay cho tôi nghe nhạc trong khi kể về Mozart, người sáng tác không ngừng vì thiên tài nhưng cũng vì nợ nần, về tình yêu của Debussy dành cho con gái Chouchou, người ông viết Children's Corner, hay về chứng vẹo cột sống của Clara Haskil khiến bà phải đeo áo nẹp và có dáng lưng còng như cụ già dù mới trung niên, nhưng căn bệnh ấy dường như biến mất mỗi khi bà chạm vào phím đàn, bị khuất phục bởi khí thể nghệ thuật.

Tôi không phải là người duy nhất cảm thấy một nỗi xa lạ và mất phương hướng. Những bức thư của Anna cũng phản ánh điều đó, dù ở mức độ nhẹ hơn, khi cô kể về cuộc sống mới của gia đình ở California, gần khuôn viên trường đại học nơi mẹ cô được nhận vào làm. Họ sống trong một khu ngoại ô yên tĩnh ven rìa sa mạc, dưới bầu trời xanh ngắt không gợn mây, mặt trời chói chang

không đôi, và được hưởng mọi tiện nghi tiêu biểu của *lối sống kiểu Mỹ*, từ chiếc tủ lạnh có thể sản xuất hàng ký đá viên chỉ với một nút bấm đến khu vườn xanh mướt, hoàn hảo cho những bữa tiệc nướng cùng bạn bè. Những định kiến hóa ra đều đúng : mọi thứ ở đây đều to hơn - màn hình TV, xe hơi, nhà cửa, rạp chiếu phim - hoặc nhiều hơn - sự lựa chọn trong siêu thị, khẩu phần ăn ở nhà hàng, ánh đèn đường. Anna không chắc mình yêu thích sự phô trương ồ ạt ấy. Và rồi thời tiết thì đẹp, luôn đẹp, đẹp đến mức, cô thừa nhận, thành ra nhàm chán... Gia đình cô dường như thích nghi tốt hơn : cha mẹ say mê một thú tiêu khiển mới là golf, còn bà ngoại, người tận hưởng cái nắng ấm mà bà từng thiếu thốn ở Pháp, chẳng còn lo lắng mỗi khi gió lạnh về. Vì không có trường trung học Pháp nào gần đó, Anna được gửi vào một ngôi trường đặc biệt dành cho trẻ em mới nhập cư chưa thành thạo tiếng Anh.

Mọi chuyện đã khá hơn hẳn khi cô bắt đầu học với một người thầy dương cầm mới, một bậc thầy nổi tiếng đã yêu cầu cô thử giọng kín với bản *Invention* của Bach, *Arabesque* số 1 của Debussy, và đề cầu may, cô chơi luôn bản nhạc Ravel mà tôi yêu thích, bản mà tôi đã nghe cô trình diễn ngay trước khi chúng tôi gặp nhau : *Điệu pavane cho một công chúa đã khuất*. Lần này, khi chơi bản nhạc ấy, cô không nghĩ về ông nội mà nghĩ về

tôi, về chúng tôi, như thể tôi đang ngồi bên cạnh, khích lệ cô bằng sự im lặng và chăm chú sâu sắc của mình, cách tôi vẫn thường làm khi chúng tôi còn bên nhau... Người thầy khen ngợi cách cô diễn giải tác phẩm và nhận cô làm học trò, còn cha mẹ Anna, thấy quyết tâm theo đuổi âm nhạc của cô, đã sắp xếp thời khóa biểu để cô có thể dành hầu hết thời gian cho việc luyện tập.

Những kỳ nghỉ từ đó được dành trọn cho cô : Anna tham gia các lớp học chuyên sâu kéo dài hai tuần, bảy giờ mỗi ngày, được tổ chức tại một không gian rộng lớn do trường Juilliard danh tiếng, nơi thầy của Anna từng giảng dạy và cô hy vọng sẽ được theo học trong vài năm tới, cho mượn. Phòng chính có hai cây đàn piano được đặt sao cho mỗi nghệ sĩ có thể nhìn rõ đôi tay của người kia. Người thầy ngồi ở một cây và học trò ở cây còn lại, điều này không chỉ giúp thầy đưa ra những giải thích và lời khuyên thông thường mà còn có thể minh họa «trực tiếp» cách chơi những đoạn khó, lặp lại vô số lần những câu nhạc chưa ổn. Thêm vào phương pháp dạy đặc biệt này, toàn bộ buổi học được ghi âm. Cuối mỗi buổi, Anna mang về một cuộn băng và có thể tự luyện tập trong một phòng khác, chỉ với một cú nhấp chuột là nghe lại lời nhận xét và sửa sai từ thầy. Cô quay lại vào ngày hôm sau, và chu kỳ tiếp tục cho đến khi bản nhạc được chơi một cách hoàn hảo. Nhờ phương pháp này,

Anna đã củng cố kỹ thuật, mở rộng tầm nhìn trong cách chơi, và đạt được những tiến bộ vượt bậc chỉ trong thời gian ngắn.

Thầy của cô đã đề nghị cô biểu diễn tại các liên hoan âm nhạc, trong những phòng nhỏ khắp nơi, và các tờ báo địa phương nhanh chóng bày tỏ sự ngưỡng mộ trước tài năng sớm nở và phong cách thanh lịch của Anna, ca ngợi cách chơi «ấm áp và rục rờ» của cô đã «thấp sáng tác phẩm của bậc thầy xứ Bonn» - bản sonata *Appassionata* của Beethoven - và cách cô kết hợp một cách tuyệt vời «nỗi buồn tinh tế với nhịp điệu sắc sảo». Họ nhấn mạnh sự linh hoạt và điêu luyện của cô trong bản *Wanderer Fantasie* của Schubert, nơi «niềm vui u sầu len lỏi đầy mê hoặc vào những giai điệu», và tán dương cách diễn giải «đầy nhẹ nhàng và tươi mới» bản *Pastorale* của Francis Poulenc hay «sự trong trẻo» và «sự hòa âm luôn nhất quán» trong bản *Barcarolle* của Fauré. Những bài báo ca ngợi liên tục xuất hiện, đỉnh điểm là một bài viết tán dương lối chơi «đầy cảm xúc, vừa nhẹ nhàng vừa sâu lắng, hoàn toàn gửi gắm vào phím đàn» của Anna, trái ngược với «những kỹ thuật viên piano, thường có lối chơi cứng nhắc và rập khuôn». Nhà phê bình kết luận một cách đầy thi vị : «Đây là một nghệ sĩ trẻ, không đi theo lối mòn của những kẻ đánh máy vô hồn và kìm hãm dây đàn, mà thay vào đó, cô

bay bổng, nhấn nhá, đặt từng nốt nhạc, và biến sự ồn ào thành im lặng trong bản nhạc.» Tôi không chắc, và Anna cũng vậy, liệu chúng tôi có hiểu hết ý của ông ta không, nhưng chắc chắn đó là một lời khen...

Mỗi bức thư của Anna đều kết thúc bằng lời hỏi thăm bà Thi gửi đến bà nội tôi, mà tôi luôn chuyển lại một cách trung thành, khiến bà vô cùng vui mừng. Bà nhớ người bạn của mình, những lần dạo chơi, trao đổi món ăn ngon, và những buổi chiều uống trà cùng nhau. Những lá thư tôi gửi cho Anna, giống như cuộc sống của tôi khi xa cô, dường như nhạt nhòa so với những gì cô viết, có lẽ vì chúng chẳng có tin tức gì đáng kể : tôi vẫn tiếp tục một cuộc sống bình lặng, với nhịp điệu quen thuộc của trường học, những bữa ăn cùng bà nội, nghe đi nghe lại những đĩa nhạc Anna tặng trước khi đi, và chúng không ngừng gợi nhớ về cô. Kể từ khi cô rời đi, tôi đã có thêm vài người bạn, hoặc ít nhất là những người cùng lớp, một nhóm con trai chấp nhận tôi vào nhóm mà không ai thực sự chú ý nhiều đến tôi. Chúng tôi chơi bóng đá vào các chiều thứ Bảy, đánh máy, đi xem phim, thỉnh thoảng tiến nhau về để kéo dài cuộc trò chuyện... Chẳng có gì, theo tôi, là thú vị đối với Anna. Trong những năm đó, ngày, tuần, tháng dường như chỉ lặp đi lặp lại với những thay đổi quá nhỏ bé đến mức không đáng để nhắc đến. Và mỗi sáng thức dậy,

tôi lại nghĩ về Anna, người cũng biết thế nào là lặp lại vô tận những hành động - chỉ khác là trong trường hợp của cô, đó là những bản nhạc được luyện tập đến mức hoàn hảo, khiến cô quên đi sự nhàm chán của cuộc sống thường ngày (trong khi tôi lại bị chìm đắm trong đó), chứ không phải những trò giải trí vô nghĩa chẳng để lại dấu vết gì, ngay cả trong tôi, dù lẽ ra chúng phải là trung tâm của những mối quan tâm thời đó.

Kể từ khi chia xa, tôi cảm thấy mình như đứng ngoài mọi thứ, như thể không thể tồn tại trọn vẹn nếu thiếu Anna. Tôi rơi vào một trạng thái ngủ đông, nơi tôi chịu đựng cuộc sống hơn là kiểm soát nó, và thay vì kể cho bạn mình nghe về những gì xảy ra, tôi thích khuyến khích cô miêu tả môi trường xung quanh, tiến độ học tập và dự án, những bản nhạc cô đã thêm vào danh mục biểu diễn, cùng sự động viên từ cha mẹ và bà nội. Tôi không ngừng nhắc lại với cô rằng tôi tin vào cô, vào tài năng của cô, vào âm nhạc của cô đã khiến tôi say mê ngay từ đầu và tôi hy vọng một ngày nào đó, tất cả mọi người sẽ có cơ hội được thưởng thức. Nói chung, tôi không hạnh phúc cũng không buồn, mà chỉ như đang lơ lửng. Đêm nằm trên giường, mắt nhìn lên trần nhà, tôi nghĩ về Anna bên cây đàn piano, một mình trong ngôi nhà cha mẹ cô mua ở California, một ngôi nhà giống hệt những ngôi nhà khác trên con phố, xếp hàng thẳng

tập với đầy đủ tiện nghi (và sự đơn điệu) của cuộc sống hiện đại. Tôi tưởng tượng Anna luyện tập trong phòng khách nhìn ra vườn, với những cửa kính lớn để ánh sáng tràn vào và tô điểm cho đường nét của cô. Bàn thờ tổ tiên phía sau lưng, cô chơi đàn không chỉ với hình ảnh những bức chân dung ẩn sau cánh cửa trượt và lịch sử dè dặt của gia đình, mà còn với câu chuyện của chúng tôi, tình bạn đã nở hoa giữa những câu chuyện cô kể cho tôi nghe, và tôi tin rằng, như một cái cây vươn lên trời cao với tán lá xum xuê, một ngày nào đó nó sẽ vượt lên trên tất cả và đẩy chúng vào bóng tối. Chúng tôi sẽ tiếp tục nhớ về nhau, nhưng quan trọng hơn là tiếp tục sống, và sống bên nhau, cùng nhau.

Tôi hình dung con đường mà những lá thư của chúng tôi đã đi qua để đến được với nhau sau bao tháng ngày, và những chuyến đi về này khiến tôi nhớ đến một truyền thuyết Việt Nam mà Anna từng kể, về hai người yêu nhau bị Ngọc Hoàng tách rời vì đã lơ là bổn phận, nhưng được phép gặp nhau mỗi năm một lần, khi tất cả chim trên đời hiến một chiếc lông để tạo thành cây cầu nối trời và đất, giúp họ đoàn tụ trong một ngày. Tôi cảm thấy mỗi lá thư chúng tôi gửi cho nhau, Anna và tôi, là một chiếc lông chim ; chúng chồng chất lên nhau, xây dựng một cây cầu nối giữa hai chúng tôi, ngày càng vững chãi theo thời gian. Tháng ngày trôi qua, không

phải sự chia ly kéo dài, mà là cuộc đoàn tụ đang đến gần, ít nhất tôi cố gắng tin như vậy để không tuyệt vọng vì xa cô, và nghĩ rằng khác với cặp đôi trong truyền thuyết, không gì trên đời có thể khiến tôi rời xa cô một khi chúng tôi đã gặp lại.

Nhưng, trong khi tôi cố gắng giữ gìn mối quan hệ mà chúng tôi đã xây dựng, Anna, sau ba năm trao đổi thư từ, bắt đầu xa cách, trôi dạt như một con thuyền bị đứt dây neo từng chiếc một. Mỗi lần tôi hỏi liệu cô có định về thăm vào kỳ nghỉ tới không, cô đều trả lời là không. Cô tiếc vì không thể gặp tôi, nhưng thích dành thời gian nghỉ để tham gia các lớp học chuyên sâu và «khóa học hè» mà cô kể lại với niềm say mê. Dần dần, thư của cô gửi đến thưa thớt hơn, không còn hàng tuần nữa mà cách mười ngày, rồi nửa tháng, thậm chí hàng tháng. Khi cô thông báo được nhận vào trường Juilliard, tôi đã đến mức canh chừng hộp thư với sự chú ý đến ám ảnh. Sáng nào tôi cũng đứng bên cửa sổ phòng đợi bác đưa thư, và nếu thư đến muộn, tôi sẵn sàng giả vờ ốm để được ở nhà, chỉ với hy vọng nhận được một trong những phong thư mỏng manh màu xanh nhạt, viền đỏ và có hình chiếc máy bay, loại thư mà Anna dùng theo yêu cầu của bà nội, người luôn lo lắng rằng việc trao đổi thư từ quá nhiều sẽ làm hao hụt tài chính gia đình. Đó là lý do cô ấy viết những lá thư của cô ấy trên loại

giấy mỏng manh đến tột cùng ; sự trong suốt và mong manh của nó gọi lên trong tôi hình ảnh một mạng nhện bị ép dẹt và nén lại để tạo thành một loại giấy cói mới...

Mối liên hệ giữa chúng tôi cũng chẳng bền chặt hơn: sẵn sàng sờn rách và thậm chí đứt đoạn chỉ với một va chạm nhỏ. Nhưng phải đến khi Anna ngừng mọi liên lạc trong ba tháng, giữ im lặng tuyệt đối trong khi tôi gửi đi hết lá thư này đến lá thư khác, tôi mới chấp nhận nhận ra điều đó. Những bức thư đầy lo âu của tôi chất đống phía bên kia Đại Tây Dương mà tôi chẳng biết liệu chúng có được mở ra hay không, thế mà tôi vẫn cố chấp gửi tiếp. Sự sốt ruột ban đầu đã nhường chỗ cho nghi vấn, rồi đến lo lắng ; nỗi lo ấy biến thành sự bất lực khi tôi cuối cùng cũng nhận được lá thư mong đợi bấy lâu. Xé con dấu chứng tỏ nó được gửi từ Mỹ, tôi thấy một mẩu giấy ngăn được đánh máy. Trước giờ Anna vẫn luôn viết tay, và những dòng chữ in rõ ràng, lạnh lùng này như một gáo nước lạnh dội vào tôi. Nội dung nhạt nhẽo chỉ càng làm tôi thêm thất vọng : Anna vội vàng xin lỗi vì sự im lặng và giải thích rằng cô ấy quá bận, thậm chí bận đến mức không thể thường xuyên viết thư cho tôi như mong muốn. Cô ấy hy vọng tôi hiểu, xin tôi tha thứ, và hứa sẽ sớm viết thư dài hơn.

Cô ấy chẳng bao giờ giữ lời hứa ấy, và lẽ ra tôi đã phải biết điều đó ngay khi đọc xong vài dòng chữ không đòi hỏi hồi âm. Sự ngắn gọn, lời lẽ tử tế vội vã, khác xa những tâm tư ngày đầu, đã xác nhận điều tôi mơ hồ cảm nhận nhưng từ chối thừa nhận : thời gian của những cuộc trò chuyện, những câu chuyện về Việt Nam, những bài học piano, những công thức nấu ăn cùng bà nội Anna và những buổi dạy nhạc ngẫu hứng trong phòng mẹ cô ấy giờ đã chấm dứt. Dù đã hứa, với Anna, tôi giờ chỉ là một bóng hình, tuy là bạn nhưng xa cách. Tôi buồn, thậm chí đau lòng, nhưng thực ra tôi không nên ngạc nhiên. Sự thờ ơ của tôi kể từ khi cô ấy rời đi, hình ảnh một chàng trai tốt bụng, chung thủy nhưng nhạt nhòa, hẳn đã khiến cô gái đầy đam mê như Anna chán ngán. Anna đã trưởng thành, đang bước theo giấc mơ, trong khi tôi chẳng có ước mơ nào khác ngoài việc đồng hành cùng cô ấy, như một cái bóng lặng lẽ bước trên chiếc đồng hồ mặt trời cuộc đời cô ấy, và bảo vệ cô ấy, nếu cần, khỏi ánh hào quang rực rỡ nhưng quá mức đang chờ đợi... Trước giờ, tôi thường xua đuổi những suy nghĩ này đi, như thể tôi có thể xóa bỏ hiện thực bằng cách không đối mặt với nó ; giờ đây, chúng ập đến dồn dập khi tôi đọc mẫu thư của Anna, thứ mà tôi không thể coi là gì khác ngoài một lời tạm biệt.

Với sự tể nhị vốn có, bà nội tôi không bình luận gì về việc những lá thư giữa tôi và người bạn ấy thừa dần rồi chấm dứt, hay nỗi buồn từ đó đè nặng lên từng bước đi của tôi. Bà đã chứng kiến tôi trải qua mọi giai đoạn khi mất đi một người thân : từ lo lắng đến hoảng sợ, phủ nhận, giận dữ, tuyệt vọng, rồi chấp nhận. Tôi đi hết mọi cung bậc, với những bước nhảy, vòng quanh, và ngập ngừng. Và khi tôi cố gượng dậy, kìm nén nỗi đau để từ bỏ, tôi vẫn giữ bên mình những dòng cuối cùng của Anna. Không biết có phải để nhắc nhở bản thân rằng tôi cũng phải chấp nhận điều này : quên Anna vì cô ấy đã quên tôi. Hay ngược lại, để giữ lại một chút gì đó của cô ấy, một dấu vết, ba dấu chấm lửng giữa chúng tôi thay vì không có gì. Rồi đến một buổi tối, sáu năm sau lời nói của Anna trước bàn thờ tổ tiên, tôi đi ngang qua ngôi nhà từng thuộc về gia đình Thi, vẫn bỏ không kể từ khi họ rời đi. Bà nội nói với tôi rằng nó sắp có người mới đến ở, và tin ấy khiến tôi bối rối đến mức lần đầu tiên sau bao lâu, tôi lại đi trên con đường từ nhà mình đến nhà Anna, con đường mà giờ đây tôi tránh né cẩn thận như ngày xưa từng háo hức bước qua.

Đứng giữa lối đi vắng, tôi lấy lá thư từ túi ra và mở nó. «Hiểu» và «tha thứ» : những từ ấy lướt qua tôi như một chuyến tàu hay xe buýt mà tôi không thể lên. Tôi nhắm mắt lại một lúc. Rồi ngẩng đầu lên, nhìn vào khu

vườn nơi chúng tôi từng chơi đùa thuở nhỏ, và ngôi nhà không còn vang lên những bản nhạc lạ mà hay nữa; tất cả chìm trong bóng tối, trống rỗng và lạnh lẽo đến đau lòng. Một cơn sóng đau buồn trào lên trong ngực tôi rồi tan biến vào thinh không bao trùm con phố như một biển nước. Thế rồi, tôi vò nát lá thư và thì thầm với Anna rằng tôi hiểu cô ấy không cần tôi nữa, và tôi tha thứ cho cô ấy.

Cuộc đời tôi vẫn tiếp diễn. Tôi đã yêu và mất cha mẹ, rồi đến Anna, nhưng cuối cùng tôi cũng đứng vững được. Một chu kỳ khép lại, để lại tôi trong sự cam chịu. Sau vài lần trốn tránh bạn bè, tôi thoát khỏi im lặng, gặp gỡ họ lại ; nhịp sống quen thuộc của trường học, căn-tin, bài tập, những trận bóng đá và bi-da lại cuốn tôi đi, và tôi trôi theo dòng chảy dài lê thê mà chẳng còn tự vấn. Tôi cố gắng tìm lại bình yên. Tôi từng có một bí mật, tình cảm dành cho người bạn ấy, chưa bao giờ thổ lộ vì sợ bị chế nhạo, vì không thể định hình, và cũng vì muốn giữ nó cho riêng mình. Một bí mật mong manh, được dệt từ chất liệu của những giấc mơ. Giờ tôi không còn nó nữa. Nó tan biến vào không khí, và chẳng ai, ngoại trừ bà nội, nhận ra. Chỉ là, tôi ngừng nghe những bản nhạc cổ điển từng phát liên tục trong phòng : sau vài lần định vứt đi, tôi xếp chúng vào hộp và mang xuống tầng hầm. Khi trở lên, tôi tắt đèn, đóng cửa, và

hy vọng rằng cùng lúc đó, câu chuyện giữa Anna và tôi cũng khép lại.

Vài năm trôi qua. Những lần đầu (điều thuốc đầu tiên, cơn say đầu tiên, nụ hôn đầu tiên, bộ phim đầu tiên, đêm đầu tiên bên một cô gái...) trở thành lần thứ hai, thứ ba, thứ tư. Sau khi tốt nghiệp, tôi đến Paris học tiếp với sự ủng hộ của bà nội, người luôn cho rằng tôi cần học cách sống tự lập, hoặc ít nhất là «không phải ở cùng một bà già yếu ớt» như bà nói với nụ cười. Tôi sẽ về thăm bà vào cuối tuần và sống ở thủ đô những ngày còn lại. Nhờ tài sản thừa kế từ cha mẹ, tôi thuê một căn hộ nhỏ trên phố Toullier, quận 5. Cuộc sống vẫn bình thường. Tôi không phàn nàn. Tôi làm một công việc tạm thời (viết bài cho một công ty quản lý tạp chí nội bộ) và thường xuyên lao vào các dự án đủ loại (từ thành lập công ty nhập khẩu đồng hồ báo thức đến mở hãng thu âm) dù chúng thất bại ngay sau khi bắt đầu, nhưng có ưu điểm lớn là kéo tôi khỏi cuộc sống đơn điệu đến ngột ngạt. Dù có quyết tâm, tôi vẫn là một kẻ mơ mộng, điều khiến một số phụ nữ thấy thú vị - lúc đầu, nhưng rồi họ chán sự đãng trí của tôi, cảm thấy mình vô hình trong mắt tôi, cố uốn nắn tôi theo ý họ, và cuối cùng bỏ đi. Tôi mất hết người này đến người khác, không quá đau buồn, và chỉ trong vài tuần là ổn. Tôi yêu sự cô đơn; tôi thích không phải điều chỉnh lịch trình của mình

theo ai khác, và không bị ép trả lời những câu hỏi nhảm chán hay những mong muốn tôi không hiểu - vả lại, tôi chưa đủ già hay lo lắng để bận tâm về việc không thể gần bó.

Dù đã cố gắng, hình ảnh Anna, thứ tôi cố chôn sâu, lại trôi dậy mạnh mẽ hơn sau một thời gian lắng xuống. Tôi tưởng mình đã thoát, nhưng tình cảm dành cho cô ấy chỉ biến đổi, ngấm chảy nhưng không kém phần mãnh liệt. Tôi cưỡng lại ý định viết thư hay liên lạc lại vì biết cô ấy không muốn, nhưng như một trò chơi ám ảnh, tôi vẫn duy trì mối liên hệ theo cách riêng : một bộ sưu tập hình thành từ việc nghe đi nghe lại những bản fugue, partita, toccata, valse, mazurka, sonate, fantaisie, nocturne, prelude, rhapsodie, impromptu, v.v. Tôi lũng súc trong vô số bản thu của cùng một bản nhạc, tìm kiếm phiên bản gọi nhớ nhất về phong cách chơi, cảm xúc và cách diễn giải của Anna. Phiên bản có thể lay động tôi như cô ấy đã từng làm, sâu sắc đến mức chỉ cần nghe một lần là không thể quên. Tôi «mua sắm» từ những nghệ sĩ nổi tiếng nhất đến những người ẩn mình trong góc khuất, bởi đôi khi những lối đi ít người qua lại lại mang đến nhiều điều thú vị hơn những con đường mòn. Từ sonate của Mozart qua bàn tay Alfred Brendel đến concerto của Prokofiev do Martha Argerich trình diễn, hay toàn tập Chopin và Ravel của Samson François,

tôi đã ghép từng mảnh nhỏ để tạo nên một bức chân dung âm nhạc của Anna, chỉ mình tôi nhận ra. Thay vì làm một bản tổng hợp những bài hát yêu thích cho bạn gái hiện tại, tôi xây dựng một hình chiếu âm thanh của người tôi yêu... Công việc này mang lại cho tôi một niềm vui khó tả : có lẽ nhiệm vụ tôi đặt ra là phi lý, nhưng không hề vô ích, bởi chỉ trong vài giây, với vài nốt nhạc, tôi lại tìm thấy Anna sống động gần như thể cô ấy hiện hữu bên cạnh tôi.

Hình ảnh thể xác của Anna cũng ám ảnh tôi vào những lúc bất ngờ nhất. Loại bỏ mọi dấu vết hữu hình của tình bạn chúng tôi không xóa được cô ấy khỏi tâm trí tôi, cũng như cất những đĩa nhạc cô tặng xuống tầng hầm không xóa được ký ức về âm nhạc của cô. Tôi tưởng như thấy cô ở ga tàu điện ngầm, trong một cuộc biểu tình, đắm chìm trước một bức tranh ở bảo tàng Orangerie, hay đi trước tôi ở góc phố. Cô già đi cùng tôi, không còn là cô bé, mà là thiếu nữ, rồi người phụ nữ trưởng thành... Vì hình ảnh của cô trong tôi ngày càng mờ nhạt, những bóng dáng khiến tôi đột nhiên nghĩ, tim đập nhanh, rằng có lẽ đó là cô ấy, ngày càng nhiều. Sự hiện diện ma mị này trở nên quen thuộc, thoáng hiện trong dáng đi, nét mặt, bóng hình, cử chỉ của một người qua đường không phải và sẽ không bao giờ là Anna. Tôi cảm thấy ít đau đớn hơn là hy vọng, hứng khởi, và chưa

bao giờ tự hỏi liệu mình có đang mất trí : tôi không thấy những ảo ảnh này «kém thật» hơn chiếc bàn tôi ăn sáng hay ánh nắng trên gáy mỗi mùa hè khi dạo bên bờ sông Seine. Chúng ta sống trong môi trường hữu hình cũng như trong trí tưởng tượng, giấc mơ, và khát khao : tại sao tôi phải buồn vì những ảo giác thoáng qua, tại sao không chấp nhận chúng như một phần của tôi, cuộc đời tôi, thực tại của tôi ?

Hành trình này có thể tiếp tục vô tận, và cuộc sống tôi ngày càng chìm vào bóng tối khi dần tách khỏi thế giới xung quanh, nếu không có một sự kiện kéo tôi trở lại mặt đất : một buổi tối mùa thu, tôi nhận được tin bà nội qua đời.

Một Chút Chatterton Và Rất Nhiều Tiền

Bởi Jean-Louis Villers, Libération, 21/12/2008

Những nghệ sĩ dương cầm như Izumi Tateno, Karl Wachter, Laszlo Simon, Alexei Karpov, Giovanni Bellucci, Deirdre Olafson hay Mario Cojazzi có điểm chung gì ? Tuổi tác, phong cách, sự nghiệp, hay tiết mục biểu diễn ? Một điều gây sốc hơn : tất cả đều vô tình mang danh Anna Song, nhân vật trung tâm của một trong những vụ lừa đảo chấn động nhất lịch sử âm nhạc. Qua đời ở tuổi 49 vì ung thư, nghệ sĩ dương cầm này bị bệnh khiến cô gần như biệt lập suốt hai thập kỷ, được « tái phát hiện » nhờ những bản thu đặc biệt từ phòng thu do hãng Piano Solo, thành lập bởi chồng cô, Paul Desroches, phát hành. Thế nhưng, phần lớn, thậm chí toàn bộ, trong 102 đĩa nhạc được giới chuyên môn tôn vinh, gây nên cơn sốt « Songmania », lại không phải do cô trình diễn.

Nhờ nghiên cứu của Clément Rozel, giám đốc một công ty hậu kỳ âm nhạc, (xem chi tiết trên www.prismaclassica.com/SongHoax.html), giờ đây đã xác nhận ít nhất 3/4 tác phẩm được cho là của Anna Song thực chất là phiên bản chỉnh sửa kỹ thuật số từ hàng trăm bản thu sẵn của nghệ sĩ khác. Sự việc bùng nổ khi

một fan của Anna Song phát hiện tên Mario Cojazzi hiện lên thay cho nghệ sĩ yêu thích khi nghe Variations Diabelli của Beethoven trên iPod.

Người ta có thể nghĩ rằng tính năng nhận dạng đĩa CD tự động khi đưa vào máy tính đã lộ ra sự thật từ lâu. Nhưng các phần mềm phát MP3 như iTunes xác định đĩa CD theo một quy trình đặc biệt. Thông qua Internet, chúng gửi đến các cơ sở dữ liệu một «dấu vân số» của đĩa CD, được tính toán dựa trên số lượng bài hát và độ dài từng bài. Những dấu vân này cho phép cơ sở dữ liệu tìm ra đĩa CD tương ứng, sau đó trả về tên đĩa, tên bài hát, nghệ sĩ trình bày, ... - trừ khi đĩa CD đó chưa được đăng ký. Một vài sai lệch nhỏ không cản trở quá trình nhận dạng này : ngay cả khi bài thứ 32 trong đĩa CD của Song ngắn hơn bảy giây so với đĩa CD của Cojazzi, những điểm tương đồng trên toàn bộ đĩa vẫn khiến nó bị xác định nhầm là của nghệ sĩ dương cầm người Ý.

Nếu Paul Desroches, chồng Anna Song, cũng là quản lý, nhà sản xuất và cố vấn của nghệ sĩ, người có khả năng làm sáng tỏ vụ lừa dối khó tin này, vẫn không thể liên lạc được, thì tờ Libération đã tìm ra manh mối của nhân vật duy nhất không chỉ tham gia vào âm mưu mà còn công khai thừa nhận sự hợp tác : kỹ sư âm thanh Colin Chatterton. Trang web của ông ta từ lâu đã trưng

bày giữa những dự án chứng minh năng lực chuyên môn dòng chữ : «chỉnh sửa và master kỹ thuật số các tác phẩm piano Anna Song được phân phối bởi Piano Solo». Một thành công không thể chối cãi, nếu xét theo hàng ngàn thính giả và nhà phê bình say mê «chất lượng âm thanh xuất sắc» (Mark Kopanowski) của những CD này... Thế nhưng, thiết bị của Chatterton trông chẳng có gì ấn tượng : phòng thu nằm ngay dưới căn hộ của ông ở ngoại ô Paris, với hai màn hình máy tính và bàn mixer đặt trên chiếc bàn gỗ Formica, dường như không đủ tầm cho một chiến dịch tinh vi như «Annagate» mà mọi người vẫn tưởng tượng. Chatterton, 60 tuổi, mặc áo choàng ngủ và đi dép lê, nhận thấy vẻ ngạc nhiên của chúng tôi liền nhận xét với giọng mỉa mai : «Đây không phải Abbey Road ¹, nhưng nó vẫn chạy tốt đấy chứ.»

Chatterton kể rằng lần đầu gặp Paul Desroches là vào năm 2000, và khẳng định chưa từng nghĩ mình sẽ trở thành đồng phạm trong một vụ lừa đảo quy mô quốc tế. «Paul cần một phòng thu có hệ thống khử nhiễu Dolby A,» ông giải thích. «Tôi không có, nhưng anh ta bảo có thể xoay xở. Paul mang thêm thiết bị kỹ thuật để bổ sung cho những gì tôi có, và thế là chúng tôi bắt

¹ Phòng thu huyền thoại nơi The Beatles từng làm việc. (Chú thích của biên tập)

đầu chỉnh sửa, sao chép các file âm thanh cùng nhau. Chúng được trích từ những đĩa nhạc chứa bản thu của Anna - Paul đã sàng lọc trước, chọn ra những phiên bản hoàn hảo nhất để tiết kiệm thời gian nghe lại và so sánh. Phần việc của tôi là ghép các bản nhạc và làm chúng mượt mà thành một tổng thể thống nhất - tôi loại bỏ tạp âm, tái tạo không gian âm thanh, cân bằng các đoạn nhạc. Những bản thu này được ghi ở nhiều buổi khác nhau, nên tôi phải điều chỉnh tông, âm lượng và nhiều thứ khác để tạo cảm giác tất cả đều được chơi cùng một nơi, cùng một thời điểm. Giống như phủ lớp kem lên bánh vậy, hiểu chứ ?»

Vị kỹ sư âm thanh vẫn tỏ ra hoài nghi trước những cáo buộc nhắm vào Anna Song và chồng cô hiện nay: «Tôi vẫn chưa bị thuyết phục bởi những tin đồn. Tôi không phủ nhận hoàn toàn các bằng chứng được đưa ra, nhưng tôi nghĩ chúng ta cần thêm thời gian và khoảng cách để đánh giá. Tôi không phải chuyên gia về nhạc cổ điển, nên rất khó để xác nhận hay bác bỏ những phát hiện của các bên. Tất cả những gì tôi có thể nói là tôi đã hành động với thiện ý, và hoàn toàn không ý thức được mình đang tham gia vào một hành vi không trung thực. Tôi chỉ là một kỹ sư nhỏ, còn Paul Desroches là khách hàng thuê phòng thu của tôi. Tôi không có lý do gì để nghi ngờ về nguồn gốc những file

âm thanh anh ta giao cho tôi, và tôi sẽ vô cùng sốc nếu cáo buộc đạo nhạc được chứng minh là đúng. Nhưng với cá nhân tôi, vụ việc vẫn còn bỏ ngỏ. Tôi khó có thể tưởng tượng được Paul và Anna lại cố ý đánh cắp tác phẩm của những nghệ sĩ dương cầm khác...»

Những người ủng hộ nhiệt thành của cặp đôi, đồng quan điểm với Chatterton, đã nhiều lần yêu cầu Desroches giải thích. Khi scandal bùng nổ, anh ta thậm chí còn tuyên cha rằng sẽ sớm «cung cấp phân tích từ chuyên gia của mình» để bác bỏ những lời chỉ trích ; tuyên cha này đã không nhận được sự hưởng ứng từ giới chuyên môn cũng như cộng đồng mạng ngày càng đông đảo bàn luận về vụ việc. Tại sao Paul Desroches không đơn giản là cung cấp các bản ghi âm gốc trước khi được chỉnh sửa, lời khẳng định từ các nhạc công rằng họ đã chơi dưới sự chỉ huy của Dimitri Makarov và cùng Anna Song, hay bằng chứng về việc sắp xếp cho chuyển lưu diễn của cả một dàn nhạc giao hưởng từ Ba Lan, hoặc giấy phép lao động bắt buộc cấp cho các nghệ sĩ biểu diễn tại Pháp ? Bất kỳ tài liệu nào trong số này đều có thể củng cố lời khẳng định của anh ta. Nhưng cho đến nay, chúng vẫn không xuất hiện, trong khi sự im lặng của Paul Desroches - đặc biệt khi bằng chứng về thao tác điện tử đã quá rõ ràng - dường như là một lời thú nhận ngầm. Colin Chatterton có lẽ

là một trong số ít người cuối cùng còn muốn cho Paul Desroches và Anna Song hưởng sự nghỉ ngơi có lợi.

Có lẽ ông ấy đã không tỏ ra khoan dung như vậy nếu không có mối quan hệ cá nhân với giám đốc của Piano solo. «Anh ấy luôn nói rõ với tôi rằng họ không thuộc về giới thượng lưu, cả anh ấy lẫn Anna, rằng anh ấy là người tự học, và cô ấy chưa bao giờ được công nhận xứng đáng. Cô ấy không học ở Paris mà ở Mỹ, và đã làm rất tốt, nhưng các mạng lưới học thuật không đánh giá cao họ, họ không phải là một phần của gia đình đó. Tinh thần độc lập của họ đã khiến họ phải trả giá đắt, nhưng họ luôn từ chối từ bỏ nó...»

Trong một bài phỏng vấn chân dung dành cho Gérard Manzel trên www.musiqueculte.com ba năm trước khi qua đời, Anna Song, người thường xuyên bị các nhà phê bình coi thường, đã không chút do dự khi được yêu cầu chỉ ra người giỏi nhất trong số họ : cô ấy đã không ngần ngại, với chút mỉa mai, đề cập đến chồng mình. «Tôi không biết ai khác, cô ấy nói thêm, có kiến thức âm nhạc sâu rộng như anh ấy. Anh ấy biết rõ từng ngày tháng, phiên bản, tên nghệ sĩ, thuộc lòng từng chi tiết nhỏ trong mỗi bản nhạc, từ những bản valse của Chopin đến concerto của Rachmaninov, qua Bach, Brahms, Schubert, Liszt, Ravel, Debussy... Về cơ bản,

anh ấy luôn biết điều gì là tốt nhất cho tôi, cả trong cuộc sống lẫn âm nhạc. Tôi tin vào tai nghe của anh ấy hơn cả tai của mình.» Colin Chatterton, về phần mình, đã bày tỏ sự ngưỡng mộ không chỉ với kiến thức uyên bác của Paul Desroches, điều mà ông xác nhận, mà còn với tình yêu anh dành cho vợ : «Tôi chưa bao giờ gặp ai quan tâm đến hạnh phúc và sự an lành của người khác đến thế.»

Có phải đó là lý do khiến Desroches hành động như vậy ? Câu hỏi thực sự ở trung tâm của tranh cãi này có lẽ không phải là những thao tác điện tử hay phi điện tử mà anh ta đã thực hiện, mà là động cơ của anh ta. Giả thuyết nhân văn nhất, và mang lại nhiều lý do biện minh nhất cho hành động của nhà sản xuất - mang lại danh tiếng và sự nghiệp mà người vợ yêu quý của anh ta, theo anh, đã bị tước đoạt một cách bất công - không thuyết phục được chuyên gia Clément Rozel, người cho rằng đây chỉ là vấn đề tiền bạc. Một đĩa CD chỉ tốn chưa đến hai euro để sản xuất nhưng có thể thu về gấp mười lần. Với mỗi đĩa CD được sản xuất tối thiểu một nghìn bản và Piano solo đã bán ra một trăm lẻ hai đĩa CD của Anna Song trong những năm gần đây, lợi nhuận có thể dễ dàng vượt quá một triệu euro... Những lý lẽ tình cảm chỉ là bức màn che đậy cho một vụ lừa đảo siêu lợi nhuận.

Trời mưa vào ngày tang lễ. Những hạt mưa nhỏ li ti lăn dài trên má tôi khi chiếc quan tài chứa thi thể bà nội tôi, người đã qua đời trong giấc ngủ vì suy tim, được hạ xuống. Bà rời khỏi thế giới này như cách bà đã sống: lặng lẽ. Bà đã bị bệnh tim nhiều năm, nhưng luôn nói với tôi một cách thoáng qua ; đến phút cuối, bà vẫn coi nhẹ bệnh tật, khẳng định rằng nó không ngăn bà sống một cuộc đời bình thường - có lẽ bà chưa bao giờ coi tôi là ai khác ngoài đứa trẻ mồ côi cần được bảo vệ khỏi sự tàn nhẫn của thế giới... Mỗi lần trở về thăm bà, tôi luôn có cảm giác như thời gian không hề tác động đến ngôi nhà hay con người bà. Bà vẫn là người phụ nữ lớn tuổi chu đáo, với búi tóc trắng và mùi hoa nhài, luôn nhắc tôi rằng áo tôi thiếu một cúc hay thắt lưng tôi thiếu một khuy, đảm bảo tôi ăn hết phần ăn, lo lắng vì tôi không có kế hoạch sự nghiệp, thậm chí còn không có mối quan hệ nghiêm túc. Câu trả lời của tôi chỉ là một nụ cười, tôi bảo bà đừng lo, bà thở dài, và chúng tôi dừng lại ở đó. Tôi hạnh phúc khi được ở bên bà, giúp bà nhổ cỏ dại trong vườn, đọc báo trong phòng khách trong khi bà say sưa với tiểu thuyết trinh thám, phụ bà làm mứt dâu và thạch táo ; có một điều gì đó an ủi kỳ lạ trong những thói quen không thay đổi này. Tôi cũng vui sướng khi trở về căn phòng cũ, nơi chỉ thiếu những chiếc đĩa Anna đã tặng tôi, từng chiếm gần hết giá sách

của tôi một thời. Ngay cả khoảng trống đó cũng không làm tôi khó chịu : nó chỉ nhắc nhở về vị trí mà bóng ma của Anna, sự hiện diện-vắng mặt của cô, vẫn chiếm giữ trong cuộc đời tôi.

Suốt buổi lễ, tôi nghĩ về những khoảnh khắc chia sẻ mà cái chết của bà nội dường như kết án biến mất lần nữa, chìm vào quên lãng như những giọt nước mắt của tôi trong cơn mưa. Chìm đắm trong ký ức, tầm nhìn mờ đi vì mưa phùn, tôi khó phân biệt được khuôn mặt của những người tham dự, khá thừa thớt, đến để bày tỏ lòng thành lần cuối với người đã nuôi nấng tôi. Hầu hết mọi người đều quen thuộc với tôi ; tôi đã gặp họ khi còn nhỏ hoặc thiếu niên, và dáng vẻ hay khuôn mặt của họ đều quen thuộc, ngoại trừ một người phụ nữ đứng cách tôi khoảng mười mét, mặc chiếc áo choàng dài màu đen có mũ và đeo găng tay da cùng màu. Khi cô ấy tiến lại gần và ngẩng mặt nhìn tôi, tôi bị ấn tượng không phải bởi vẻ đẹp hay sự thanh lịch, dù rất rõ ràng, mà bởi ý chí tỏa ra từ cô ấy. Đôi mắt đen của cô ánh lên vẻ sắc sảo, tương phản với cử chỉ mềm mại và nụ cười như tranh vẽ. Như thường lệ, tôi nghĩ về Anna và, theo một thói quen tự động, tôi tìm kiếm trong khuôn mặt người lạ ấy hình ảnh người tôi đã mất, giờ đây, ký ức ấy xa vời đến nỗi đôi khi tôi tự hỏi liệu nó có phải chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng giống như người bạn vô hình mà những

cậu bé hay tự tạo ra, chúng tin chắc vào sự tồn tại của người bạn ấy đến mức có thể kể cho bố mẹ nghe hàng giờ liền, miêu tả ngoại hình, thái độ, sở thích, tâm trạng mà không bao giờ cạn lời hay khả năng sáng tạo. Tôi vô tình nhận thấy những điểm tương đồng, những dấu hiệu có thể là Anna cuối cùng đã trở lại trong đường nét thanh tú, gò má cao, làn da trắng sáng của người phụ nữ trước mặt. Không thể chịu đựng thêm một nỗi thất vọng vào lúc này, tôi nhắm mắt lại để xua đi ảo giác, có lẽ là lần thứ hai mươi kể từ khi mất Anna. Nhưng thay vì biến mất, hình bóng ấy lại tiến về phía tôi với bước chân kiên quyết, hoàn toàn có thật, rồi chẳng mấy chốc, cô ấy ôm lấy tôi và thì thầm lời xin lỗi vì tất cả. Mũ trùm của cô ấy được kéo ra sau trong khi tôi siết chặt cô ấy, mũi chạm vào mái tóc đen, má tôi áp vào má cô ấy, vẫn không thể tin rằng đó thực sự là Anna.

Tôi gặp rất nhiều khó khăn để tuân thủ các nghi thức và trò chuyện lịch sự với từng vị khách trong buổi tiếp tân sau lễ tang. Anna kiên nhẫn chờ đợi cho đến khi mọi người ra về. Cô ấy ở lại với tôi, sau khi dọn dẹp bát đĩa và sắp xếp mọi thứ, chúng tôi cùng uống trà trong phòng khách, ngồi cạnh nhau trên ghế sofa. Trời nhá nhem tối, và chúng tôi gần như trở lại vị trí nơi đã chia tay nhau, cách đây mười lăm năm. Thật kỳ lạ, như thể chúng tôi đang tồn tại trong một chiều không gian

khác ; tôi có cảm giác rằng thế giới sẽ sớm quay trở lại nhịp điệu bình thường, và tôi sẽ tỉnh giấc trong căn hộ của mình ở phố Toullier, một lần nữa xua đuổi hình ảnh người bạn ghé thăm giấc ngủ của tôi. Nhưng không, cô ấy vẫn ở đó, vẫn luôn ở đó. Trước mặt tôi. Tôi đã chạm vào khuỷu tay cô ấy, hít thở hương thơm, cảm nhận hơi ấm từ làn da, và cô ấy không phải là ảo giác. Cô ấy đã cởi áo khoác và găng tay, lộ ra chiếc váy lụa màu xanh đậm gọi là midnight blue, một chiếc áo len đen bằng cashmere, đôi bốt khiến dáng người càng thêm thon dài. Tôi đã rất khó để nhìn thẳng vào cô ấy cho đến lúc này, nhưng giờ khi chỉ còn hai chúng tôi, tôi ngắm nhìn khuôn mặt hình trái xoan, đôi mắt hạnh nhân màu mơ, nụ cười đầy duyên dáng của cô ấy với lòng xúc động. Chúng tôi im lặng một lúc, rồi theo yêu cầu của tôi, Anna kể lại tất cả những gì đã xảy ra với cô ấy kể từ khi chúng tôi xa nhau, và trước hết là nguyên nhân dẫn đến sự chia ly - bởi vì, trái với những gì tôi từng nghĩ, cô ấy chưa bao giờ quên tôi, cũng không đẩy tôi xuống hàng thứ yếu trong cuộc đời mình.

Khi cô ấy thông báo tin vui về việc được nhận vào Học viện Juilliard, cô ấy đã vật lộn với một căn bệnh bí ẩn từ nhiều tuần trước đó. Trong lúc luyện tập bản nhạc Ondine của Ravel với cường độ tám giờ mỗi ngày, một chấn thương ở ngón tay cái phải khiến cô ấy phải nghỉ

ngoi vài ngày ; khi trở lại, cô ấy nhận thấy ngón đeo nhẫn và ngón út bên phải có xu hướng co lại vào lòng bàn tay mỗi khi chơi đàn. Kỳ lạ là hiện tượng này chỉ xảy ra khi cô ấy ở trên phím đàn ; trong các tình huống khác, bàn tay hoạt động hoàn toàn bình thường. Ban đầu không dám nói với ai, cô ấy quyết tâm vượt qua trở ngại bằng cách luyện tập nhiều hơn bao giờ hết, hy vọng rằng «nó sẽ qua đi». Nhưng điều đó đã không xảy ra : càng cố gắng, cơn co thắt càng trở nên tồi tệ hơn, kèm theo tình trạng tê liệt hai ngón tay. Cô ấy đã đi khám bác sĩ, người chẩn đoán dây thần kinh bị viêm và yêu cầu ngừng chơi đàn trong ba tháng. Việc nghỉ ngơi hoàn toàn cũng không hiệu quả hơn việc luyện tập quá sức : sau ba tháng, bàn tay cô ấy không lấy lại được sự linh hoạt hay cảm giác, trở nên cứng đờ mỗi khi cô ấy chơi bất kỳ bản nhạc nào. Anna đã xin hoãn nhập học tại Juilliard với lý do sức khỏe tạm thời, sau đó, với sự giúp đỡ của cha mẹ, cô ấy bắt đầu hành trình tìm kiếm giải pháp, liên tục gặp các chuyên gia nổi tiếng nhất. Nhưng các cuộc kiểm tra đều vô ích, chẩn đoán sai lệch và phương pháp điều trị không hiệu quả. Không ai biết cô ấy mắc bệnh gì. Khi kiệt sức, cô ấy chia sẻ chi tiết hơn về sự tuyệt vọng của mình với ban quản lý Juilliard, những người đã mất kiên nhẫn, và trường học «lấy làm tiếc» phải hủy bỏ việc nhập học của cô ấy, đẩy cô ấy

vào nỗi tuyệt vọng.

Thời điểm đó, thay vì kể cho tôi nghe về những bất hạnh này, Anna đã chọn cách im lặng và giữ khoảng cách. Thậm chí cắt đứt mọi liên lạc. Suốt những năm đó, không có ngày nào trôi qua mà cô ấy không nghĩ đến việc viết thư hoặc gọi điện cho tôi, nhưng mỗi lần cô ấy lại từ bỏ : việc tiết lộ lý do cho sự im lặng của mình vượt quá sức chịu đựng của cô ấy. Cô ấy nghĩ rằng làm tôi tổn thương còn hơn là làm tôi thất vọng. Rằng tôi sẽ nghĩ cô ấy hời hợt, bất cần và ích kỷ thay vì không thể giữ lời hứa mà cô ấy đã tự hứa với bản thân, với cả hai chúng tôi - trở thành một nghệ sĩ piano thiên tài được công nhận, điều mà giờ đây cô ấy chắc chắn sẽ không bao giờ đạt được. Đối với cô ấy, chỉ có một điều đau đớn hơn việc bị coi là một nghệ sĩ thất bại («thất bại, cô ấy nhắc lại, bởi có gì vô nghĩa và đáng thương hơn một nghệ sĩ piano không thể chơi nổi một bản scale, chứ đừng nói đến một bản nhạc ?») : đó là ý nghĩ tôi sẽ từ chối cô ấy vì cô ấy đã thất bại. Tình bạn của chúng tôi gắn liền với âm nhạc và những giấc mơ vinh quang mà cô ấy đã chia sẻ, cô ấy đã lấy đi bao nhiêu năng lượng, hy vọng, sự tự tin từ niềm tin mà tôi dành cho cô ấy, đến nỗi cô ấy sợ rằng giờ đây mình không còn gì hấp dẫn trong mắt tôi khi một phần của cô ấy, có lẽ là phần quan trọng nhất, đã chết. Khuyết tật của cô ấy khiến mọi thứ

từng làm nên con người cô ấy trở nên vô nghĩa. Như một tấm màn bị xé toạc, cô ấy nhận ra mình đã lừa dối tôi và chính mình suốt thời gian qua khi nói về các bản nhạc, nhà soạn nhạc, buổi hòa nhạc, sự nghiệp. Không còn là nghệ sĩ piano, cô ấy chẳng là gì cả.

Cô ấy đã ở bờ vực trầm cảm, và chỉ cần nhìn thấy cây đàn Bösendorfer cũng trở thành cực hình, khi cha mẹ cô ấy đề nghị đưa cô ấy đến Việt Nam một tháng để thay đổi không khí. Bà nội cô ấy, người tự nhận đã quá già và mệt mỏi cho chuyến đi, sẽ ở lại California dưới ánh nắng vĩnh cửu mà không hối tiếc. Đây không phải lần đầu cha mẹ Anna trở về quê hương - đặc biệt là Liên Thi, thường xuyên thăm gia đình, hầu hết vẫn sống tại trang trại ở Nha Trang. Nhưng Anna chưa từng có cơ hội đi cùng trước đây, dù cô ấy luôn mong muốn. Những năm gần đây, cô ấy quá bận rộn với việc luyện piano ; khi còn nhỏ, cha mẹ cô ấy cho rằng chuyến đi quá khắc nghiệt cho một đứa trẻ quen với tiện nghi phương Tây.

Đất nước khi ấy thiếu thôn đủ thứ, và dù họ có khả năng tài chính nhờ chênh lệch mức sống giữa Pháp và Việt Nam để ở những khách sạn sang trọng, những nơi này đã không được tu sửa từ nửa thế kỷ trước ; dịch vụ không tồn tại, hệ thống ống nước hỏng, mái nhà dột,

và chuột chạy khắp hành lang. Đường phố trông trơn như các cửa hàng, vì không có gì để bán hay mua ; các điểm tham quan du lịch chủ yếu là những bảo tàng vắng lặng và đại lộ với những tòa nhà nứt nẻ. Chỉ có phong cảnh là vẫn như xưa - rừng rậm đồng bằng sông Cửu Long, núi non và ruộng bậc thang Sapa, vịnh Hạ Long với những hòn đảo đen nổi trên biển ngọc. Trang trại ở Nha Trang, nơi mẹ Anna lớn lên và là chỗ họ ở mỗi khi đến vùng này, không có điện hay nước máy : người ta phải múc nước từ giếng và lọc từng giọt qua miếng vải cotton để nấu ăn hoặc uống. Hoặc dùng trực tiếp để tắm rửa, không bao giờ nghĩ đến việc đun nóng.

Kể từ thời kỳ thiếu thốn và khan hiếm triền miên đó, mọi thứ đã thay đổi nhanh chóng nhờ chính sách Đổi Mới - cải cách kinh tế của Việt Nam - và sự mở cửa với nền kinh tế thị trường. Khách sạn và cửa hàng mọc lên như nấm, đất nước, dù không từ bỏ vỏ bọc cộng sản, đã chuyển sang nhịp sống tư bản thực tế. Anna và cha mẹ đáp xuống một Sài Gòn ngọt ngào và hỗn loạn, nơi giao thông không bao giờ được kiểm soát âm ỉ xung quanh nhà thờ Đức Bà và những tòa nhà kiểu Roman mới vươn cao trên thành phố, xuyên qua khu phố Tàu ở Chợ Lớn và chợ Bình Tây với những mái ngói hình hoa sen, men theo đền Thiên Hậu nơi hàng chục vòng nhang treo tỏa khói nghi ngút. Là trung tâm thần kinh

điều hành giao thương của cả Việt Nam, thành phố này sôi động không ngừng : những chiếc xe đạp từng hiện diện khắp nơi giờ đã nhường chỗ cho xe máy mà người dân bắt đầu nổ máy từ năm giờ sáng và những chiếc taxi len lỏi khắp phố với hy vọng chở được khách Mỹ, Pháp hay Nhật sẵn sàng trả giá gấp đôi, thậm chí gấp bốn lần tùy hãng xe. Các tập đoàn lớn xây dựng những tòa nhà chọc trời đầu tiên và yêu cầu nhân viên phải thông thạo tiếng Anh, trong khi chuẩn bị khai trương những trung tâm thương mại khổng lồ với nền gạch trắng và cửa kính, niêm yết giá ngang bằng Paris hay New York...

Anna cùng cha mẹ sau đó đã đến đồng bằng sông Cửu Long, di chuyển bằng thuyền máy trên dòng nước đục ngầu của con sông mang tên «Chín Rồng», một mạng lưới kênh rạch chằng chịt với những ngôi nhà sàn, chợ nổi, vườn cây trái tận hưởng sự màu mỡ của vùng đất phù sa. Từ đó, họ hướng về địa đạo Củ Chi, một hệ thống đường hầm rộng lớn đóng vai trò then chốt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ : 200 km đường hầm rộng 65 cm và cao 90 cm đã tạo thành một thành phố ngầm dưới lòng đất, với phòng họp, nhà ăn, kho vũ khí, trạm y tế. Mê cung này với lối vào khi được ngụy trang, khi thì bày, và quá chật hẹp để binh lính địch có thể chui qua, vừa là nơi trú ẩn vừa là điểm xuất phát cho những cuộc tấn công vào tận trong các căn cứ Mỹ. Pháo đài

bất khả xâm phạm - và ngọt ngào nhất - này đã bị đóng cửa suốt nửa thế kỷ trước khi biến thành một nơi vừa là địa chỉ tưởng niệm vừa mang dáng dấp công viên giải trí. Du khách được mời xem một bộ phim tuyên truyền về anh hùng cách mạng, dạo bước qua những mô hình bằng bìa cứng và hình nhân nhựa mặc bộ quân phục quá mới và không vừa vặn, rồi thử chui vào một đoạn hầm được mở rộng để trải nghiệm phần nào cuộc sống của những chiến sĩ năm xưa - bị chôn vùi trong không gian chật hẹp như một ngôi mộ, chỉ đủ để thở, nhưng kiên quyết không đầu hàng trước sức mạnh hủy diệt gấp nghìn lần.

Thành phố Đà Lạt, nằm ở độ cao 1.500 mét trên cao nguyên, mang đến một sự tương phản gây bối rối. Khí hậu ôn hòa, phong cảnh đẹp với hồ nước và thác đổ đã biến «thành phố của mùa xuân vĩnh cửu» thành điểm nghỉ dưỡng của nhiều người Pháp thời thuộc địa. Giờ đây, nơi này là điểm đến yêu thích của các cặp đôi Việt mới cưới, thích dạo bộ qua những rừng thông và vườn hoa đầy thủy tiên, phong lan, cẩm tú cầu, fuchsia, ngắm nhìn những biệt thự kiểu Savoy, nhà Normandy hay ga xe lửa lấy cảm hứng từ Deauville. Một sự kỳ lạ đảo ngược khiến Anna khó chịu, bởi nàng cảm thấy vẻ đẹp của Đà Lạt quá giả tạo - như một bông hoa hồng hình dáng và màu sắc hoàn hảo, nhưng lại không có hương

thơm.

Điểm dừng tiếp theo, Hội An, cũng không chiếm được cảm tình của Anna dù có cây cầu chùa với tượng điêu khắc và nét kiến trúc độc đáo của thành phố là sự pha trộn giữa phong cách Trung Hoa, Pháp và Nhật Bản. Sự chuyển mình từ một thành phố gần như bị bỏ hoang trở thành viên ngọc của nước Việt Nam mới diễn ra quá nhanh chóng. Dân số ở đây tăng gấp ba chỉ trong hai năm, với các hoạt động kinh doanh chủ yếu là may đo quần áo (bạn có thể đặt cả tủ quần áo và nhận vào ngày hôm sau tại bất kỳ cửa hàng nào trong số hàng chục cửa hiệu chiếm trọn nhiều con phố) và buôn bán tranh vẽ : các phòng trưng bày cũng lên đến hàng chục, từ những bức phác họa truyền thống bằng mực đen trên giấy dó đến tranh sơn dầu của các họa sĩ được đào tạo tại Trường Mỹ thuật Huế, những người sao chép phong cách các danh họa phương Tây. Thị trấn nhỏ vốn mang vẻ duyên dáng tinh tế giờ đã biến thành một điểm thu hút khách du lịch thô thiển, giống như khu di tích Châm Mỹ Sơn cách đó vài cây số đã đánh mất đi vẻ huyền bí : trước kia, để đến được đây, du khách phải đi theo con đường đất nhỏ giữa rừng rậm, nơi những tàn tích tuyệt đẹp của vương quốc đã biến mất bất ngờ hiện ra ; giờ đây, một con đường trải nhựa đã được xây dựng, và người ta dựng lên những quầy hàng lưu niệm ngay sát

những ngôi đền bằng đất đỏ và đá đồng, với loa phát nhạc dân gian vang âm ỉ...

Huế, cố đô hoàng gia, ngược lại, vẫn giữ được nét duyên của một thời đã qua. Bước vào trong thành quách với tường thành và hào nước dài hàng chục cây số, Anna đi ngang qua chín khẩu thần công linh thiêng, biểu tượng phòng thủ tượng trưng cho bốn mùa và ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ), trước khi đi qua Ngọ Môn, nơi các chi tiết kiến trúc được sắp xếp để tạo thành hình năm con phượng hoàng. Gian trung tâm, với những đường viền trang trí bằng hình rồng chạm khắc, được lợp bằng ngói lưu ly màu vàng rực, dấu hiệu cho thấy đây là lối vào dành riêng cho hoàng đế, người có thể từ đây tiến vào điện Thái Hòa với những cột gỗ sơn son thếp vàng từng chứng kiến những nghi lễ trọng đại nhất, từ tiếp đón sứ thần ngoại quốc đến lễ chọn thái tử. Sau khi ngắm nhìn những chiếc bình đồng cao hai mét khắc ghi những sự kiện lớn trong triều đại nhà Nguyễn, Anna bước vào Tử Cấm Thành, rồi đến Cung Diên Thọ, một thành phố trong lòng thành phố dành riêng cho hoàng đế và các phi tần, nơi giờ đây gần như chẳng còn gì sót lại - chỉ còn nhà hát, thư viện và vài cung điện. Ba phần tư những công trình nguy nga do nhà Nguyễn xây dựng ở Huế đã bị phá hủy, đầu tiên là bởi người Pháp, sau đó là người Mỹ, những cuộc ném bom của họ trong chiến

tranh đã san bằng cả nền móng những gì mà sự tàn phá, cướp bóc và hỏa hoạn của người Pháp cuối thế kỷ XIX còn chừa lại.

Cho đến lúc này, và đây là cảm giác ám ảnh Anna kể từ khi đặt chân lên đất Việt, cô vẫn không thể thoát khỏi cảm giác mình đang trượt trên bề mặt láng bóng và lấp lánh của một tấm bür thiếp, dù thỉnh thoảng cô cũng thoáng thấy mặt trái của nó qua những câu chuyện của cha mẹ, những người cố gắng dùng ký ức để tô điểm cho các địa danh họ ghé thăm bằng sắc màu cá nhân. Những nơi này vẫn nằm trong một lộ trình được vạch sẵn, có trật tự từng bước, khiến Anna cảm thấy khó gần gũi với đất nước mà cô đã đi qua suốt hai tuần hơn là khi cô chỉ biết đến nó qua lời kể và từng thủ thỉ với tôi, hồi còn bé, câu chuyện về ông nội mình. Hồi đó, Anna tin rằng mỗi nốt nhạc cô chơi là một mắt xích kết nối cô với ngôi nhà có cây bạch quả, và Việt Nam trong mắt cô là vùng đất huyền thoại chỉ hiện hữu trong giấc mơ, như một câu hỏi cô từng hỏi mẹ vào mùa hè năm chín tuổi, khi cô nhận được một vỏ ốc xinh đẹp với đường viền óng ánh trên bãi biển Normandy. Trước lời khen của Liên Thi, Anna ban đầu im lặng. Rồi cô lặng lẽ lướt ngón tay trên những đường vân của báu vật nhỏ, như thể đang cố giải mã một thông điệp bí mật bị nước biển xóa mờ, thì thầm : «Mẹ ơi, ở Việt Nam có vỏ ốc đẹp thế

này không ?» Đứa bé năm ấy đã không thể diễn tả rõ hơn sự mê hoặc - đồng thời là sự xa lạ - của cô với vùng đất mà bóng hình luôn ám ảnh mỗi khi cô chạm tay vào phím đàn. Mẹ cô cười, bảo rằng «ở đó» có những vỏ ốc đẹp hơn nhiều, sặc sỡ và lấp lánh, và hứa sẽ mang về cho cô trong chuyến đi tới... Bà chưa bao giờ làm thế, và niềm khát khao của Anna càng thêm mãnh liệt.

Nhưng khi Anna cuối cùng cũng đến được «nơi ấy», cô lại cảm thấy bối rối. Cô không thể dung hòa hình ảnh đất nước trong gia thoại gia đình và giấc mơ của mình với thực tại rời rạc, đầy màu sắc nhưng giả tạo mà chuyến đi này mang lại - chúng thuộc về hai thế giới song song. Khi bắt đầu hành trình, cô đi theo lộ trình dành cho những người lần đầu đến Việt Nam. Góc gác và khả năng ngôn ngữ khiến cô trở thành một du khách đặc biệt, một «Việt kiều» theo cách gọi của người Việt trong nước, để chỉ những người thuộc cộng đồng hải ngoại, và nhân đó, con cháu họ cũng vậy. Họ chỉ quên mất rằng Anna, khác với cha mẹ hay bà nội, chưa từng rời đi : cô sinh ra ở một nơi khác, và không thể tự dối lòng mà nói về chuyện trở về quê hương. Họ không còn cảm thấy mình thuộc về nơi này, nhưng cô thì chưa từng, và sẽ không bao giờ.

Tại Huế, mọi chuyện lại khác, đặc biệt trong chuyến du thuyền trên sông Hương, khi họ dừng chân thăm lăng tẩm hoàng đế, những công trình được bao bọc bởi hồ nước, đồi núi và cây cảnh, dựng lên để lưu danh những người từng trị vì Việt Nam. Vẻ đẹp mong manh vĩnh cửu ấy, trớ trêu thay, lại mang sắc thái u buồn vì sự tĩnh lặng xung quanh, đá bào mòn theo năm tháng, tượng đài nứt vỡ và đồ đồng xỉn đen, khiến người ta thấm thía tính phù du của vạn vật, nhất là những thứ tưởng chừng trường tồn. Lâu Lưu Khiêm bên hồ sen tỏa ra cảm giác hoang phế đến xót xa. Khó ai tưởng tượng được rằng hoàng đế Tự Đức từng ngồi đây sáng tác thơ ca một thế kỷ trước, rồi ngâm nga trước các cung tần mỹ nữ. Những năm cuối đời, tương truyền, ông bày tỏ nỗi hối hận vì đã chìm cuộc nổi dậy của những người thợ xây lăng mộ cuối cùng của mình trong máu, cùng nỗi tuyệt vọng vì chẳng mang lại cho đất nước vinh quang, quyền lực, thậm chí một người thừa kế đủ tài để gột rửa vết nhục... Những khúc ca ấy đã tan theo bụi gió, nhưng Tự Đức kịp cho khắc nỗi niềm và lỗi lầm lên bia đá kể lại số phận mình, khiến lăng ông được mệnh danh là «lăng Khiêm Cung».

Trái lại, lăng Minh Mạng là nguy nga bậc nhất, phản ánh sự chuyên chế và tầm vóc của vị hoàng đế. Minh Mạng cai trị đất nước bằng bàn tay sắt : ông cho xây

dựng vô số công trình trong và ngoài kinh thành, mở rộng điện Thái Hòa và cửa Ngọ Môn đến mức thái quá, đồng thời mở mang bờ cõi, không ngần ngại sáp nhập toàn bộ Campuchia mà không màng đến phản ứng của Xiêm La. Công chính lăng ông gồm ba lối vào với hai mươi tư mái cong lộng lẫy dẫn đến sân tế chia bốn cấp, được canh giữ bởi tượng lính, quan văn võ, voi đá ngựa đá, tiếp nối bởi một cổng khác dẫn đến điện Hiếu Đức - nơi đặt bài vị hoàng đế và hoàng hậu - trước khi một cổng cuối khép không gian tế tự. Ba cầu đá bắc qua hồ Trường Minh dẫn đến lầu Minh Lâu với hàng cột cao vút, phía sau là hai khu vườn tạo thành chữ «Thọ» nhìn từ trên cao. Rồi hồ bán nguyệt ôm lấy gò đất chôn thi hài, nối liền bởi cầu Trí Đức và Chính Đức, tiếp đến là bậc thang đá gồm đúng ba trăm ba mươi ba bậc... Minh Mạng sống một đời huy hoàng, cứng rắn, chói lọi, và ông muốn lăng mộ phản ánh điều đó qua quy mô, kiến trúc, sự xa hoa của cha cục lẫn trang trí. Thế nhưng, nếu Tự Đức thất bại khi sống, chỉ còn lại nỗi tiếc nuối vì không đạt được kỳ vọng, thì Minh Mạng thất bại khi chết : công trình tâm huyết của ông vừa khởi công thì bệnh tật đã quật ngã ông, buộc ông để lại cho con trai Thiệu Trị nhiệm vụ hoàn thành, rất lâu sau khi ông mất.

Anna chợt nghĩ về ông ngoại và ngôi nhà ông dành bao năm xây dựng rồi chỉ vài giờ phá hủy - đó mới thực sự là lăng mộ của ông, chứ không phải đài tưởng niệm bằng đá cẩm thạch trắng nơi cô và mẹ sẽ đốt nhang ngày hôm sau khi đến Nha Trang, quê ngoại Liên Thi. Anh chị em của bà cùng tất cả con cháu đã long trọng đón họ trước khi cùng ra nghia trang, nơi mọi thứ đã chuẩn bị sẵn cho buổi lễ. Hơi choáng ngợp trước màn giới thiệu tên tuổi và khuôn mặt (cô đếm được khoảng mười hai người thân, chưa kể vợ chồng con cái họ), Anna gật đầu chào hỏi qua loa, hàm đau nhức vì những nụ cười gượng. Một cảm giác ngưng đọng dày vò cô ; ngoại hình giống họ chỉ càng nhấn mạnh khoảng cách chỉ vì cô sinh ra ở Pháp chứ không phải Việt Nam. Khác họ, cô không biết đến cảnh sống chung ba thế hệ dưới một mái nhà, sống không điện nước, nhận nửa tiền lương chậm sáu tháng từ chính phủ, hay buôn bán thuốc Tây để khỏi chết đói. Cô cũng chưa từng sợ bị tố cáo, bỏ tù, xử tử vì tội danh hư cấu, hay ném trái nõi chán chường của những ngày không tiền, không hy vọng, không tương lai. Không chỉ được hưởng an toàn tình cảm và tài chính ngay từ khi chào đời, tự do lựa chọn và bày tỏ, cô còn là con gái của người di mà họ mang ơn sự sống ngày xưa và thành công hôm nay - Liên Thi đã chu cấp cho mỗi cháu trai cháu gái khoản tiền để khỏi

ngiệp, từ cửa hàng kim khí, trại ấp trứng đến buôn bán đồ điện tử.

Dù được đón tiếp nồng hậu, Anna vẫn không thoát khỏi bứt rứt. Họ hàng chỉ có thể xem cô là con của di Mỹ (từ nước Mỹ), và cô khó lòng xem những cử chỉ vui mừng, kính trọng của họ là đương nhiên. Yêu một người mình mang ơn, nhất là ơn tiền bạc, đã là thử thách ; huống chi là con của họ ? Vì vậy, sự tử tế và quan tâm Anna nhận được khiến cô vừa cảm động vừa bối rối. Cô tranh thủ trốn ra bãi biển cách khách sạn họ ở năm mươi mét, giờ đã có nhiều khách sạn. Ngày xưa, mẹ cô kể, bãi biển chẳng có gì ngoài cát : may ra thuê được cái phao hơi làm nệm hay mua cóc đậu phộng. Giờ đây, du lịch phát triển, bờ biển ngập khách du lịch và những gánh hàng rong bán vòng tay sắc sỡ, dịch vụ massage, làm móng trên cát, hải sản nướng, chè gừng hay dừa. Anna cố hòa mình vào đám đông, chìm đắm trong mùi mồ hôi, muối biển, thức ăn, âm thanh hỗn độn và màu sắc rực rỡ, để quên đi việc gia đình này không thực sự là của cô và sẽ không bao giờ thay đổi. Thà rằng cô được trở lại với sự xa cách ban đầu, lớp vỏ khiến cô cảm thấy mình như diễn viên trên sân khấu, đã rạn nứt từ Huế và giờ bong tróc, sắp lột bỏ - không phải để hòa nhập với gia đình và quê hương, mà để lộ ra rằng cô không thuộc về nơi nào, dù bao điều bề ngoài khiến

người ta nghĩ khác.

Khi cô muốn đến nơi từng là nhà ông ngoại để tưởng niệm trên đồng đồ nát, người ta bảo không thể vì chẳng còn gì. Chính quyền đã thu hồi đất, xây một hội trường cho các cuộc họp chính trị của chi bộ địa phương, và đổ bê tông phủ lên nền móng cũ. Giấc mơ của ông nội không còn một mảnh đá hay xà gỗ, không cổng lớn, thậm chí không cây bạch quả từng là một phần huyền thoại về ngôi nhà đã mất : nó bị đốn nhỏ tận gốc vì cản trở kế hoạch của kiến trúc sư, kẻ muốn xóa sạch dấu vết quá khứ để xây công trình hoàn toàn mới trên mảnh đất được «dọn dẹp» bài bản trước khi bị bê tông hóa. Như vậy, một trong những khát khao sâu thẳm nhất của Anna - được nhìn thấy hình ảnh ám ảnh từ thuở nhỏ, thứ tiếp thêm dũng khí để cô theo đuổi sự nghiệp nghệ sĩ - đã tan thành mây khói. Chỉ cần vài mảnh vỡ, dấu vết nền nhà, hay vài chiếc lá bạch quả cũng đủ ; nhưng dường như đó là điều quá xa xỉ. Cũng tốt thôi : không phải đối diện với hiện thực, cô sẽ giữ nguyên hình ảnh do trí tưởng tượng tạo ra, không còn sợ thất vọng, và liệu rốt cuộc thì lớp vỏ đúc bởi chính quyền cộng sản, thay vì hủy diệt câu chuyện cổ tích, lại không phải đã bảo vệ nó khỏi những tổn thương đôi khi tàn phá của hiện thực...

Với những cảm xúc lẫn lộn đó, cô bắt đầu những chuyến thăm từ biệt anh chị em họ. «Đây là một phần trong nghi thức hiếu khách của người Việt, mẹ cô giải thích với Anna. Chúng ta nợ nhau thời gian và sự quan tâm, và với chúng ta, sai lầm tệ nhất có thể mắc phải là không đến thăm nhà của từng người trong số họ, không trừ một ai.» Kể từ khi họ dựng lên công việc làm ăn, tất cả đã rời khỏi nông trại nơi họ từng sống chen chúc bao năm qua, để xây cho mình những ngôi nhà riêng ở Nha Trang. Họ không vì thế mà phân tán : họ mua một chục mảnh đất liền kề dọc theo một trong những con đường chính của thành phố và bắt đầu xây những ngôi nhà giống nhau, những khối hộp chữ nhật trắng tinh, cao vút với ban công. Với một tiếng thở dài cam chịu, Anna chuẩn bị bước qua mười ngưỡng cửa, nhắp mười tách trà, và ném một chục loại trái cây - có lẽ là thú vui duy nhất cô có được giữa những lời cảm ơn vì sự tiếp đón và lòng tốt của mỗi người. Cô sẽ nhấm nháp một miếng măng cầu, một miếng thanh long, một nắm vải, những múi măng cụt nhỏ xíu và đậm đà, và điều đó sẽ giúp cô quên đi những lời nói nhạt nhẽo mà cô buộc phải thốt ra suốt cả buổi chiều...

Cô không ngờ rằng sự nhàm chán sẽ nhường chỗ cho sự mê hoặc. Mỗi ngôi nhà cô bước vào ngày hôm đó đều là một bản sao gần như hoàn hảo của những ngôi

nhà khác, không chỉ bên ngoài mà cả bên trong. Đúng là, màu sắc tổng thể có thay đổi, nghiêng về màu nâu vàng, xanh nhạt, vàng nhạt hoặc cam ; nhưng mỗi ngôi nhà, được xây bằng cùng một loại vật liệu, đều có cách chia trí phòng giống nhau - tầng trệt là cửa hàng, đi sâu vào sẽ gặp một cầu thang dẫn lên các tầng sinh hoạt - với phòng khách giống nhau, nền gạch giống nhau giúp giữ mát giữa những bức tường gạch, cách sắp xếp đồ đạc trong phòng khách giống nhau, bao gồm một bộ ghế dài bằng gỗ sẫm, bóng loáng và chạm khắc, những chiếc ghế phù hợp, gối tựa, một bàn trà trên đó đặt khay, tách, ấm trà và đĩa trái cây. Và rồi, ngay trước mặt, treo trên bức tường trống, là một bức ảnh. Bức ảnh mà Anna luôn thấy trong phòng khách nhà mình, nơi cô chơi đàn với tất cả sự kiên nhẫn, dù ở Pháp hay California : hình ông nội cô đứng trước ngôi nhà có cây bạch quả, hình ảnh của một thời đại huy hoàng đã qua, tương phản kỳ lạ với phần còn lại của không gian trong mỗi ngôi nhà nơi nó được treo - những ngôi nhà hiện đại và vô hồn nơi các anh chị em họ của cô vừa chuyển đến, biểu tượng cho sự khá giả mới có, với sự tiện nghi đơn giản thể hiện tính thực dụng và sự thịnh vượng không phải do thừa kế mà do chính họ làm ra.

Suốt cả buổi chiều, từ nhà này sang nhà khác, Anna nhìn chăm chăm vào bức ảnh, biểu tượng cho khát vọng của những người anh em họ mà cô từng nghĩ là xa cách với mình, muốn ghi tên mình vào huyền thoại gia đình, bằng cách ghi nhớ người, hay đúng hơn là người đàn ông, đã đi trước họ. «Ngôi nhà trong ngôi nhà...», Anna nghĩ, và đột nhiên cô tự hỏi liệu mình có đã sai lầm hoàn toàn không, không chỉ trong chuyến đi này mà từ trước đến nay. Có lẽ tôi đã sai khi nghĩ rằng đất nước này là giả tạo vì nó không giống với hình ảnh tôi từng tưởng tượng - có lẽ chính tôi mới là người giả tạo. Có lẽ tôi đã sống trong ảo tưởng suốt thời gian dài chơi piano và nghĩ về ông nội ; có lẽ tôi đã sống một câu chuyện không phải của mình mà là của họ. Có lẽ bức ảnh này không phải là dấu hiệu cho thấy chúng tôi cùng một gia đình, mà là dấu hiệu của tất cả những gì khiến chúng tôi khác biệt trong gia đình đó. Họ đã xây dựng một hiện thực vững chắc, như ông ngoại. Còn tôi, tôi đã dựng lên một ảo ảnh trên cát, thứ gì đó không thể hiện hữu, không thể nhìn thấy, chạm vào hay chụp lại. Thứ gì đó giờ đây chẳng là gì khi tôi thậm chí không thể mở nắm tay ra trước một phím đàn...

Suốt cả buổi chiều, không một người anh em họ nào của Anna dường như nhận ra, trong khi mọi người trao đổi những lời xã giao thông thường, khuôn mặt cô co

lại, bóng lên vì những giọt nước mắt không chịu rơi.

Cô đã trải qua phần còn lại của chuyến đi trong một trạng thái vắng bóng và không nhớ gì về vịnh Hạ Long, Hà Nội hay Sa Pa. Không thể tập trung vào những gì xảy ra xung quanh, cô đã mù trước vẻ đẹp của khu phố Ba Mươi Sáu Phố, Văn Miếu, hồ Tây và những con đường dạo bộ lãng mạn. Từ chùa Hương soi bóng trên sông Yên đến những ngôi làng người H'Mông giữa núi đồi và ruộng bậc thang Sa Pa, nơi thời gian như ngừng trôi. Bởi với Anna, thời gian cũng đã ngừng lại : dù ở đâu, cô chỉ nghĩ về bức ảnh được gặp lại mười lần, treo ở cùng một vị trí trong mười ngôi nhà giống nhau, mười ngôi nhà mới toanh mà người ta cố gắng thổi vào một linh hồn, chỉ một mà thôi. Trong chuyến đi này, hình ảnh ông ngoại trước ngôi nhà của ông đã không còn là ẩn dụ và cũng là đối tượng của cuộc tìm kiếm mà Anna mang trong mình, mà trở thành tấm gương phản chiếu sự lạc lối của cô ; một bàn tay từ nơi nào đó đã kéo tấm màn lên, hé lộ hậu trường mà cô chưa từng một giây nghi ngờ sự tồn tại. Anna đã tự kể cho mình một câu chuyện đẹp, như những đứa trẻ tin vào truyền thuyết được đọc trước khi ngủ, và câu chuyện đó phù hợp đến mức cô chưa bao giờ tìm hiểu sâu hơn. Trên chuyến bay trở về, cô nhìn bàn tay tê liệt của mình lâu, nghĩ rằng có lẽ nó là cách từ chối một di sản không thực sự thuộc về

mình, phản kháng lại con đường mà cô đã chọn, nhưng chọn vì những lý do sai lầm...

Tình yêu âm nhạc của cô vẫn chân thành và sâu sắc. Khi trở về California, Anna không cắt đứt với thế giới đó : cô dạy ở một nhạc viện nhỏ và giống như Paul Wittgenstein, nghệ sĩ piano bị cụt tay trong Thế chiến thứ nhất, tìm ra cách đánh ngón tốt nhất cho các bản nhạc bằng cách chơi «trong đầu» vì không thể thử trên phím đàn, Anna không gặp khó khăn gì trong việc dạy các học trò trẻ và lớn tuổi, dù bản thân cô không thể chơi một bản nhạc nào. «Khi còn nhỏ, ta không thể đoán trước được những ngã rẽ cuộc đời sẽ đưa mình đi đâu. Em có nghĩ vậy không ? Em luôn tưởng tượng cuộc đời mình là một đường thẳng hướng đến một điểm đến duy nhất : một phòng hòa nhạc. Và giờ em ở đây. Kỳ lạ thật...» Nhưng cũng không kỳ lạ hơn bước nhảy đôi của hai số phận chúng ta, sự gần gũi thời thơ ấu, sự xa cách khi bước vào tuổi thiếu niên, và cuộc đoàn tụ hôm nay, mà em không thể biết là do định mệnh hay ngẫu nhiên - và thực ra em cũng không quan tâm, miễn là Anna ở đây.

Cô đang ở Pháp khi đọc tin bà nội tôi qua đời trên báo, và sau vài do dự, cô quyết định đi dự tang lễ ; cô đã bắn khoản liệu việc xuất hiện không báo trước sau

mười lăm năm xa cách có khiến tôi bồi rối - cô sợ tôi đã quên cô. Tôi trả lời rằng tôi đã cố, nhưng không thành. Câu nói khiến cô bật cười. Một nụ cười rạng rỡ khiến tôi nhớ lại tất cả những gì tôi từng cảm nhận vì cô bé đứng cạnh tôi trước chuồng cừu, khiến tôi sốt sắng chỉ bằng cách nắm tay tôi...

«Và anh, anh đã làm gì suốt thời gian đó?» Anna đột ngột hỏi, cắt ngang dòng hồi tưởng của tôi vừa bùng sáng nhờ sự hiện diện của cô. Không nhiều, tôi trả lời. Quá ít, đến mức không đáng để nhắc đến. Rồi tôi quay sang cô, cô mỉm cười, hơi ngạc nhiên, tôi nghiêng người về phía cô, và đôi môi cô mềm mại, ấm áp và dịu dàng như tôi từng tưởng tượng khi còn là một cậu bé tuyệt vọng vì sự im lặng của người mình yêu, tin rằng cô đã quyết định bước tiếp cuộc đời bên kia đại dương và xóa sạch quá khứ, rằng tôi sẽ không bao giờ gặp lại cô.

Kẻ Lừa Đảo Đây Mê Hoặc : Paul Desroches, Người Đàn Ông Đằng Sau Vụ Bê Bối Annagate

Bởi Joseph Maillet, Le Monde, ngày 12 tháng 1 năm 2009

Đã ba tháng kể từ khi «Annagate», như một số đồng nghiệp Anglo-Saxon đặt tên, gây ra một cơn chấn động trong giới âm nhạc cổ điển vốn thường rất kín đáo : bằng chứng không thể chối cãi đã cho thấy 102 đĩa CD được cho là thu âm bởi nghệ sĩ dương cầm Anna Song (qua đời tháng 6 năm 2008) đều là giả mạo. Tất cả đều là một phần của một chiến dịch đạo nhạc quy mô lớn, đánh cắp công sức và biểu diễn của 87 nghệ sĩ dương cầm khác ². Nghịch lý thay, vụ bê bối cuối cùng lại mang lại lợi ích hơn là tổn hại cho một số nghệ sĩ, khi tác phẩm của họ bỗng được đặt dưới ánh đèn sân khấu nhờ vụ việc này, nó đóng vai trò như một tấm bảng quảng cáo đồng thời là sự bảo chứng nghệ thuật : trở thành nạn nhân của Anna Song giờ đây đã trở thành một «nhãn hiệu» thời thượng, một trong những hệ quả

2 Để biết danh tính những nghệ sĩ thực sự đứng sau các bản nhạc được cho là của Anna Song, xin truy cập trang web www.derriereannasong.com – nơi liệt kê đầy đủ và giải thích chi tiết các tác phẩm đã bị «mượn không phép».

trở trêu nhất của vụ lừa đảo kỳ lạ này.

Dù sự thật đã được làm rõ, một số góc khuất vẫn còn tồn tại : không ai biết mức độ đồng lõa của Anna Song, cũng như lý do khiến Paul Desroches hành động như vậy. Khó có thể tin rằng nữ nghệ sĩ không hề hay biết về những gì đang diễn ra (những cuộc phỏng vấn cô đã thực hiện trước khi qua đời hoàn toàn khớp với những tuyên cha của chồng mình). Câu hỏi thứ hai càng phức tạp hơn khi Paul Desroches không những không trả lời email hay điện thoại, mà dường như đã vội vã rời khỏi nhà : hàng xóm khẳng định đã không gặp anh ta nhiều tuần nay.

Theo August Tafel, giám đốc của BAC Records (hãng đĩa từng sản xuất bản gốc CD Variations Diabelli của Beethoven bởi Mario Cojazzi - bản «giả» đầu tiên được phát hiện), Paul Desroches chỉ đang cố gắng tri ân người vợ sắp lìa đời trong tuyệt vọng. «Đây là một scandal kinh hoàng, làm hoen ố danh tiếng của giới báo chí và toàn bộ giới âm nhạc, đồng thời làm suy giảm niềm tin của công chúng vào họ. Paul Desroches đã gian lận, lừa dối tất cả chúng ta, và chà đạp lên đạo đức nghệ thuật. Nhưng hành động của anh ta mang một ý nghĩa khác khi đặt trong bối cảnh bi kịch của một người đàn ông và người phụ nữ yêu nhau, mà cây

đàn piano là cả cuộc đời họ.» Vì vậy, Tafel không có ý định kiện Paul Desroches, đồng thời bác bỏ giả thuyết về động cơ vụ lợi : «Piano solo, với nguồn lực hạn chế và phạm vi phân phối nhỏ, gần như không mang lại lợi nhuận. Dù quy mô lừa đảo lớn, lợi ích tài chính gần như bằng không, trái ngược với những suy đoán giật gân của giới truyền thông. Tôi rất ngạc nhiên nếu Anna Song bán được hơn mười nghìn đĩa.»

Tuy nhiên, một cuộc điều tra sâu hơn về quá khứ của Paul Desroches cho thấy mọi chuyện không đơn giản và lãng mạn như giám đốc BAC Records nghĩ, dù động cơ tài chính dường như không phải là nguyên nhân. Chồng của Anna Song có một quá khứ dày đặc những trò bịp bợm và không ngần ngại sử dụng những thủ đoạn đáng ngờ để thăng tiến trong ngành công nghiệp âm nhạc... Năm 1979, sáu năm trước khi kết hôn, Desroches làm việc tự do trong lĩnh vực truyền thông. Anh ta hợp tác với Roger Fargent, chủ một nhà máy sản xuất đĩa nhạc, để thành lập công ty Musiqua-lité, nơi anh phụ trách chính sách nghệ thuật. Ngay năm sau, anh thu âm bản Concerto en sol của Ravel với nghệ sĩ dương cầm người Hungary, Giórgy Kovacs, tại Budapest. Musiqua-lité phá sản vào đầu những năm 1980 khi Roger Fargent rời Pháp sang Mỹ (nơi ông ta có một số phận bi kịch : mắc chứng hoang tưởng và trầm cảm, Fargent kết thân

với một trai bao rồi bị cảnh sát phát hiện xác người này trong một chiếc rương bị cắt xén, và cuối cùng tự sát năm 1986 sau khi bắn chết bà chủ nhà...).

Trong khi đó, Paul Desroches thành lập một hãng đĩa mới, *Lyricaly* (lấy cảm hứng từ bức tranh nổi tiếng của Kandinsky), với một bản *Concerto en sol* của Ravel được trình bày bởi một nghệ sĩ tên Marc Hansen (dương cầm) và dàn nhạc *Stanford Philharmonic* giả mạo dưới sự chỉ huy của Carl Rugenfeld. Tất cả đều là tên giả : bản thu thực chất là phiên bản đầu tiên trong nhiều lần đạo nhạc từ bản của Kovacs, sau này tiếp tục xuất hiện dưới các cái tên Sergi Garcia, Paul Anis, Harry Golden, Johannes von Babr... *Lyricaly* phân phối các nghệ sĩ dưới nhiều bút danh khác nhau, một thủ đoạn kém vinh quang nhưng ngày càng phổ biến. Đồng thời, rõ ràng Desroches không có năng khiếu kinh doanh : công ty nhanh chóng suy yếu, và anh ta chuyển sang một lĩnh vực chẳng liên quan đến âm nhạc (nhập khẩu radio-đồng hồ báo thức !), cũng thất bại, trước khi thành lập *CFR Records* không lâu sau khi kết hôn với Anna Song.

Chính trong bối cảnh này, Giórgy Kovacs lại xuất hiện : sau 15 năm giảng dạy piano, ông quyết định trở lại sân khấu. Chúng ta đang ở vào giữa những năm 1990, các bài phê bình đều ca ngợi hết lời và khán giả

vô cùng phấn khích. Trước thành công này, hãng đĩa Phénix đã ký hợp đồng với nghệ sĩ piano người Bongo và cho đến khi Kovacs qua đời năm năm sau đó, họ đã phát hành năm album được báo chí và công chúng đón nhận nồng nhiệt. Sau nhiều năm chờ đợi, Giórgy Kovacs bước vào hàng ngũ những nghệ sĩ piano «huyền thoại». Paul Desroches nhân cơ hội này đã tái phát hành các bản thu âm của Kovacs dưới danh nghĩa công ty mới nhất của ông, Piano Solo, đồng thời không ngần ngại tôn vinh tên tuổi của nghệ sĩ tài hoa này. Ông đã liên hệ với những nhà phê bình có ảnh hưởng nhất thời bấy giờ... và một thời gian sau, gửi đến họ những đĩa nhạc ký tên bởi một nghệ sĩ tên là Anna Song, kèm theo lời nhắn mong nhận được ý kiến đánh giá.

«Vụ bê bối Annagate» chỉ là phần nổi của tảng băng chìm : đây không phải lần đầu tiên Paul Desroches phát hành đĩa nhạc bằng cách khai thác hình ảnh của một nghệ sĩ bị lãng quên. Tuy nhiên, có một điểm khác biệt lớn : những bản nhạc của Giórgy Kovacs, không giống như của Anna Song, đều là hàng thật. Paul Desroches, người bắt đầu sự nghiệp sản xuất bằng cách nhân bản danh tính của một nghệ sĩ piano duy nhất, đã kết thúc bằng cách mượn tác phẩm của hàng chục nghệ sĩ biểu diễn, khi nổi tiếng, khi vô danh, nhưng luôn cực kỳ tài năng, để nuôi dưỡng huyền thoại mà ông xây dựng xung

quanh người nhạc sĩ yêu thích của mình - vợ ông. Sau đó, ông lan tỏa huyền thoại đó với sự điều luyện xứng tầm những nhà truyền thông giỏi nhất - hoặc những ảo thuật gia vĩ đại. Rõ ràng, một khuynh hướng mạnh mẽ với sự bịp bợm và niềm vui lừa gạt thế gian dường như chính là động cơ đằng sau hành động của giám đốc Piano Solo, thậm chí có lẽ còn hơn cả tình yêu tuyệt vọng dành cho người vợ đang hấp hối.

Anna đã ở bên tôi suốt đêm đó. Vào lúc bình minh, cô chìm vào giấc ngủ trong vòng tay tôi, đầu tựa vào vai. Tôi vô cùng hạnh phúc khi cảm nhận được cô nép mình bên tôi, hơi ấm của cô hòa vào hơi ấm của tôi, hơi thở cô lướt nhẹ trên cổ, cánh tay đặt lên ngực tôi. Làn da cô mềm mại đến lạ thường, mịn màng hơn cả đoá hoa hồng vừa nở, và tôi không ngừng đưa tay vuốt ve hông, lưng và gáy cô, dõi theo những đường cong cơ thể trong một cái ôm dài và chậm rãi, nơi mọi lo âu và phiền muộn từng đè nặng lên tôi dường như tan biến hết. Trong niềm hân hoan, một ý nghĩ xúc động về bà nội lướt qua tôi, nghĩ rằng chính bà ngày xưa đã dẫn tôi đến với Anna để tôi bớt cô đơn ở ngôi trường mới, và giờ đây lại đưa cô trở về để tôi bớt cô đơn trong cuộc đời. Ngay cả khi qua đời, bà vẫn âm thầm chăm sóc tôi, như thể muốn bù đắp nỗi đau mất mát bằng món quà tuyệt vời nhất : sự trở lại của Anna, không phải dưới dạng một bóng ma thoát ần thoát hiện ở góc phố rồi biến mất khi tôi cố chạm tới, mà là một người phụ nữ bằng xương bằng thịt mà giờ đây tôi ôm chặt như cơ hội hạnh phúc duy nhất tôi từng có, và tôi hy vọng cô sẽ ở bên tôi suốt phần đời còn lại.

Khi tỉnh dậy, Anna thì thầm «chào buổi sáng» với tôi bằng đôi mắt đen thăm thẳm, đen hơn cả mặt hồ mùa đông, nhưng là mặt hồ với ngọn lửa vàng mờ cháy rực

dưới đáy, ngọn lửa mà nước hay gió cũng không thể dập tắt vì nó thuộc về riêng cô, bắt nguồn từ chính cá tính của cô. Tôi đặt một nụ hôn lên môi cô, và cô mỉm cười trước khi ngồi dậy và đảo mắt khắp căn phòng, vừa thích thú vừa bối rối nhận ra rằng hầu như không có gì thay đổi so với nơi cô từng biết khi còn bé ; cứ như một bức ảnh được bảo quản dưới lớp kính. Tôi trấn an cô rằng tôi đã qua tuổi thiếu niên từ lâu : thực tế tôi sống trong một căn hộ ở Paris, và chưa bao giờ có thời gian để thay đổi cách bài trí căn phòng cũ của mình, cũng như chưa bao giờ cảm thấy cần thiết phải thay đổi không gian này khi tôi chỉ quay lại đây một đêm, mỗi hai hoặc ba tuần một lần. Tôi không hề khó chịu khi được sống lại quá khứ, nhớ về con người mình đã từng - dù sao thì, chính trên chiếc giường này, nơi chúng tôi đang nằm, tôi đã đọc những lá thư của Anna và nghe những bản nhạc cô tặng - cũng là nơi tôi đã mơ về ngày chúng tôi gặp lại nhau.

Anna hỏi liệu thực tế có như tôi tưởng tượng không, và tôi dễ dàng trả lời rằng tôi đã ngừng tin vào việc chúng tôi sẽ gặp lại nhau từ lâu đến nỗi mọi kịch bản tôi nghĩ đến đã trộn lẫn vào nhau thành một mớ hỗn độn khó tin. Dù sao thì, giờ Anna đã ở đây, mọi thứ tôi từng nghĩ trong đầu chẳng còn quan trọng nữa. Tôi không còn muốn hay cần «tưởng tượng» những gì đang chờ

đợi chúng tôi, vì tôi sẽ được trải nghiệm nó - trừ khi cô ấy nói rằng đêm qua là một sai lầm, rằng cô ấy đã có chồng và hai con hoặc quyết định chuyển đến Bắc Cực sống... Và trong trường hợp đó, tôi đã cảnh báo cô ấy rằng tôi sẽ không dễ dàng bỏ cuộc : tôi chẳng còn nghĩa vụ hay ràng buộc nào kể từ khi bà tôi qua đời, vì vậy tôi hoàn toàn có thể theo cô ấy đến tận Mặt Trăng nếu cần.

Nhưng Anna không hề muốn sống ở một vùng đất xa xôi và khắc nghiệt, cũng không có chồng hay con riêng. Vì vậy, đêm đó đã đánh dấu sự khởi đầu, hay đúng hơn là sự tiếp nối câu chuyện của chúng tôi. Cảm giác thân thuộc, sự gắn kết sâu sắc mà chúng tôi có ngay từ lần gặp lại đầu tiên vẫn không hề phai nhạt. Mọi thứ giữa chúng tôi diễn ra tự nhiên, như đã từng tự nhiên khi chúng tôi còn là những đứa trẻ, khi tôi và cô ấy trốn trong phòng của Liên Thi, nghe những bản nhạc yêu thích của Anna, và cảm thấy như chỉ có hai đứa, cùng âm nhạc, là quan trọng nhất trên đời. Tôi sẵn sàng theo cô ấy đến California nếu cô ấy muốn, nhưng cô ấy lại chọn quay về Pháp ; nơi đó gợi cho cô ấy nhiều kỷ niệm đẹp hơn nước Mỹ, nơi chôn giấu hầu hết những ảo tưởng của cô. Vì vậy, cô ấy bắt đầu các thủ tục để trở về và tìm việc làm gia sư hoặc giảng dạy tại các nhạc viện địa phương, vì danh tiếng ngăn ngủi cô ấy có được ở Mỹ trước khi bị liệt đã không lan tới quê nhà.

Chúng tôi yêu nhau và dự định sẽ sống cùng nhau đến già, như trong những câu chuyện cổ tích, nhưng mọi thứ không hề đơn giản và tươi sáng như vậy. Sau những tuần đầu, những tháng đầu tràn đầy hạnh phúc, tôi nhận ra rằng tình yêu của tôi không bao giờ đủ để giúp Anna quên đi những gì căn bệnh đã lấy mất của cô. Cô ấy không hề than vãn, đó không phải tính cách của cô, nhưng cử chỉ của cô nói lên tất cả : cô ấy đã mua một cây đàn piano dựng trong căn hộ trên phố Toullier và mỗi ngày, khi thức dậy, cô ấy lại kiểm tra tay mình, với hy vọng rằng vì căn bệnh xuất hiện đột ngột một cách bí ẩn, nó cũng có thể biến mất như thế... Dù đã trải qua nhiều lần khám vô ích, những ca phẫu thuật không thành công, những phương pháp điều trị nặng nề nhưng không phù hợp, cô ấy vẫn giữ niềm tin rằng một ngày nào đó mình sẽ lấy lại được khả năng chơi đàn như xưa. Tất cả những gì còn lại với cô ấy chỉ là niềm tin mong manh nhưng không thể dập tắt ấy, thứ dần dần thiêu đốt cô mà cô không đủ sức để từ bỏ.

Mỗi ngày, cô ấy ngồi trước phím đàn, cố gắng chơi vài nốt nhạc từ *Rêverie* hay *Ballade* của Debussy, hoặc một bản chuyển soạn từ giao hưởng của Beethoven bởi Liszt, trước khi dừng lại bởi một chuỗi âm thanh chói tai, như tiếng lưỡi dao rơi xuống. Không gì khiến tôi đau lòng hơn việc nghe những mảnh nhạc rời rạc

ấy, những mảnh vỡ được cứu từ một vụ đắm tàu, minh chứng cho sự phong phú và đẹp đẽ của những bản nhạc cô từng chơi, giờ đây chỉ còn là một mớ hỗn độn những nốt nhạc mà cô liên tục vấp phải, lặp đi lặp lại, tuyệt vọng vì không thể tạo ra dù chỉ một giai điệu nhỏ. Tim tôi thất lại khi thấy vai Anna sụp xuống trong giây lát vì thất vọng, rồi lại thẳng lên trong một nỗ lực vượt qua trước khi bắt đầu ngày mới như không có chuyện gì xảy ra, trong im lặng. Không một lời bình luận nào về thất bại vừa trải qua - một thất bại càng kinh khủng hơn vì cô ấy không phải chịu trách nhiệm cho nó và chỉ có thể coi đó là một sự trừng phạt bí ẩn dành cho sự kiên trì và tài năng của mình, thứ đã bị lấy đi một cách vô cớ như khi nó được ban tặng.

Tôi muốn khuyên cô ấy chấp nhận sự thật, dù nó có khắc nghiệt đến đâu - từ bỏ những hứa hẹn mà căn bệnh đã ngăn cản cô thực hiện. Cô ấy sẽ không có được vinh quang như từng mơ ước, cũng không có sự nghiệp đáng lẽ phải thuộc về mình ; cô ấy sẽ không thể làm rạng danh gia đình, ông bà hay cha mẹ như đã từng hình dung ; cô ấy sẽ không trở thành nghệ sĩ tài năng mà mình suýt nữa đã đạt được. Nhưng cô ấy có tôi ; chúng tôi có nhau. Tôi từng ngưỡng mộ âm nhạc của cô ấy, thứ chắc chắn đã góp phần vào sự say mê tôi dành cho cô khi còn nhỏ. Nhưng chính con người cô ấy là người

tôi yêu. Người tôi ôm vào lòng mỗi đêm và bị cuốn hút bởi sự dịu dàng, tốt bụng, những khoảnh khắc u sầu phủ lên khuôn mặt cô một lớp ánh sáng nhạt, khiến làn da cô trông như một viên ngọc mờ, nổi bật lên đôi mắt đen với hàng mi dài. Người mà sự kiên định, từ chối đầu hàng số phận khiến tôi càng thêm khâm phục, dù tôi luôn cố thuyết phục cô ấy buông bỏ và ngừng kiệt sức vì một mục tiêu không tưởng...

Chúng tôi kết hôn được gần một năm thì mẹ Anna nhắc đến một bác sĩ tên là Wallace, người đã nghiên cứu về căn bệnh kỳ lạ khiến cô ấy không thể theo đuổi đam mê. Ba tuần sau, Anna lên máy bay đến gặp ông ta. Cô ấy không dám hy vọng quá nhiều, nhưng hiểu rõ mẹ mình nên biết rằng bà sẽ không giới thiệu một chuyên gia mới nếu không có ít nhất một cơ hội thoát khỏi bế tắc. Bác sĩ Wallace là người tiên phong trong việc điều trị các bệnh nhân có triệu chứng giống Anna, và cô ấy đã biết rằng mình không phải là nạn nhân duy nhất của thứ mà người ta gọi là «chứng loạn trương lực cơ» hay «chứng co thắt của nhạc công», tương tự như «chứng co thắt của người viết». Một thuật ngữ không hoàn toàn chính xác vì những nghệ sĩ violin, piano hay kèn gập phải tình trạng này không hề cảm thấy đau đớn. Họ chỉ đơn giản là không thể kiểm soát được một số cơ nhỏ đóng vai trò quan trọng khi chơi nhạc cụ, những cơ này

co thắt một cách không tự chủ.

Việc đặt tên cho chứng bệnh của mình đã là một sự giải tỏa đối với Anna. Đó là bước đầu tiên, và không hề nhỏ, bởi vì người ta không thể chữa trị thứ mình không biết... Tuy nhiên, bác sĩ Wallace không hứa hẹn về phép màu, như ông đã giải thích với Anna - người đang cố gắng kiềm chế sự phản kích khi biết rằng căn bệnh của mình đã được xác định, phân loại và ghi nhận, không phải là một bệnh tưởng tượng hay tâm lý. Dù đã gặp hàng chục trường hợp tương tự, vị bác sĩ - người không muốn cho cô ấy hy vọng hão - nhấn mạnh rằng ông vẫn chưa tìm ra nguyên nhân gốc rễ của chứng loạn trương lực cơ này. Tất cả các nghiên cứu ông thực hiện hoặc đọc qua chỉ ra rằng nó bắt nguồn từ não bộ chứ không phải yếu tố tâm lý hay tâm thần, dù lo lắng và căng thẳng vốn có trong công việc của một nghệ sĩ biểu diễn có thể ảnh hưởng đến sự khởi phát của hội chứng, hoặc có lẽ, thực sự là do yếu tố di truyền kết hợp với việc lặp đi lặp lại những động tác giống nhau một cách ám ảnh, điều mà bất kỳ nhạc công nào cũng phải làm hàng ngày.

Vì chưa đủ tiến triển để xác định nguyên nhân của vấn đề, bác sĩ Wallace không có cách chữa trị, nhưng bác sĩ đã tìm ra một phương pháp có thể cải thiện đáng kể tình trạng của bệnh nhân : tiêm một lượng cực nhỏ

độc tố botulinum vào các cơ bị co cứng để làm mềm chúng, giúp người nghệ sĩ lấy lại được phần nào khả năng điều khiển ngón tay. Mặc dù một nửa bàn tay của Anna cứng như đá, nhưng không phải là cô không thể chơi piano lại được nếu kết hợp phương pháp này với các liệu pháp hỗ trợ khác - như kỹ thuật massage giúp tăng cường hiệu quả thư giãn của độc tố. Bác sĩ đã giải thích với Anna rằng, ngay cả khi cô lấy lại được toàn bộ khả năng, hiệu quả cũng không vĩnh viễn : cô sẽ phải tiêm lại khi các dây thần kinh tái sinh và cơ thể đào thải hết độc tố, tức là khoảng ba đến bốn tháng một lần. Hơn nữa, theo thời gian, hiệu quả điều trị có thể suy yếu - quá trình hồi phục đòi hỏi một quá trình luyện tập lâu dài, khó khăn và không có gì đảm bảo thành công.

Tôi sẽ không bao giờ quên lần đầu tiên nghe Anna chơi piano trong căn hộ của chúng tôi : cô đã không nói gì với tôi, hoặc gần như không nói gì - cô đã thất vọng quá nhiều lần nên không muốn chia sẻ hy vọng này - và khi bản *Khúc pavane tiến vương nữ đã khuất* vang lên trong phòng, chậm rãi, thận trọng, nhưng rõ ràng là tiếng nhạc của Anna, rồi dần dần trở nên mạnh mẽ hơn, tôi đã suýt tin vào phép màu mà bác sĩ Wallace đã dặn cô đừng bao giờ nghĩ đến... Tôi bước lại gần cô, ánh mắt dán vào bàn tay mà tôi từng thấy co quắp đến mức

như bị biến dạng bởi một chứng thấp khớp kỳ lạ và kinh dị. Giờ đây, bàn tay ấy đang chơi đàn với một sự tinh tế chứa đầy nỗi lo lắng nhưng cũng tràn ngập niềm hạnh phúc khi Anna được chạm vào phím đàn một lần nữa. Khi cô đánh những hợp âm cuối cùng của Pavane, sau một loạt nốt móc kép chảy như suối, phía trên vang lên một giai điệu cao vút và trong trẻo mà ngón út của cô đã đánh dấu từng nốt với sự điều luyện hoàn hảo như tôi từng biết hai mươi năm trước, tôi gần như bật khóc. Anna quay sang tôi, nở một nụ cười rạng rỡ nhất trên môi và trong ánh mắt, và tôi, không thể thốt nên lời, đã ôm cô vào lòng và siết chặt.

Nhưng tôi biết rằng sự đảo ngược tình thế này, dù ấn tượng, là chưa đủ. Sẽ khó khăn hơn nhiều để Anna chinh phục lại công chúng và danh tiếng mà cô từng gần như đạt được khi còn là thần đồng, so với độ tuổi hiện tại, khi cô chưa từng học tại bất kỳ học viện danh tiếng nào trong hay ngoài nước, chưa tham gia cuộc thi lớn nào, và trên thực tế đã bị cắt đứt khỏi những cơ hội gặp gỡ giúp xây dựng sự nghiệp của một nghệ sĩ chuyên nghiệp. Và còn một điều khác - nghiêm trọng hơn nhiều, điều tôi không thể thổ lộ với Anna nhưng ngày càng trở nên rõ ràng khi cô hồi phục khả năng chơi đàn. Cô chơi tốt, rất tốt, thậm chí cực kỳ điều luyện, nhưng những bản nhạc của cô không còn khiến tôi cảm nhận được khát vọng

vươn tới cái vô tận, không còn mang đến rung động có thể kéo ta khỏi hiện thực để đắm chìm vào một thế giới siêu phàm. Chúng không còn làm tôi xúc động như khi tôi mười tuổi. Kỹ thuật của Anna hoàn hảo, phím đàn chắc chắn, sắc thái tinh tế, diễn tấu không chệ vào đâu được ; nhưng tôi không thể thoát khỏi suy nghĩ rằng cô đã đánh mất một phẩm chất chỉ riêng cô có, thứ ân sủng kết hợp giữa vẻ đẹp và nỗi đau, từng mang đến chiều sâu cho những bản nhạc của cô mà không ai có được, và giờ đây đã biến mất hoàn toàn.

Liệu ân sủng ấy đã biến mất ở Việt Nam, khi Anna nhận ra khoảng cách giữa cô và gia đình, và cảm thấy, như cô đã nói với tôi nhiều lần, rằng mình đã «nhầm lẫn câu chuyện» ? Khi sợi dây mong manh như tơ nhện nối cô với ông nội và ngôi nhà dưới gốc bạch quả, giờ đã không còn một viên đá, bị cắt đứt ? Hay nó đã tắt lịm trong những năm dài đằng đẳng cô tự hỏi liệu mình có thể chơi một bản nhạc ngoài tưởng tượng ? Tôi không biết. Tôi sẽ không bao giờ biết. Cũng như Anna không biết chuyện gì đã xảy ra lần đầu tiên cô cảm thấy hai ngón tay co quắp không kiểm soát. Điều duy nhất tôi chắc chắn : tôi quyết không nói gì khiến cô rơi lại vào nỗi đau mà cuộc đoàn tụ của chúng tôi đã xoa dịu, mãi giữa như một góc nhọn không mong muốn, dù không thể xóa bỏ hoàn toàn. Khi nghe cô luyện tập từng bản

nhạc trong danh mục của mình, tôi nghĩ rằng cô đã chịu đựng quá nhiều, và tôi sẽ làm mọi thứ để bảo vệ cô khỏi tổn thương thêm. Lúc này, tôi chỉ cần ở bên cô và động viên như tôi vẫn luôn làm. Anna kiên trì trên con đường hồi phục, từng chút một lấy lại những gì đã mất vào bàn tay co cứng, và tôi không cần giả vờ hay che giấu điều gì : thấy cô lấy lại gần như toàn bộ khả năng là một điều kỳ diệu.

Nhưng tôi lo lắng cho tương lai : khi người tôi yêu phải bước lên sân khấu, đối mặt với giới phê bình, đồng nghiệp và khán giả. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu phản ứng của họ tiêu cực, hoặc tệ hơn, thờ ơ ? Anna luôn tin rằng căn bệnh là thứ duy nhất ngăn cô đạt được mục tiêu, và tôi không chắc cô có đủ sức mạnh để đối mặt với thất bại lần này mà không thể đổ lỗi cho chứng loạn trương lực cơ. Nếu buổi biểu diễn nhận được phản ứng trái chiều, tôi chỉ thấy hai khả năng. Hoặc cô cho rằng những người đánh giá mình sai và có ác ý, điều này sẽ khiến cô chìm vào cay đắng. Hoặc cô đồng ý với họ và chấp nhận rằng bản nhạc của mình nhạt nhòa, yếu ớt và vô vị, hoặc đã trở nên như vậy - kết quả cuối cùng vẫn thế : nhận thức này sẽ giết chết cô.

Trong lúc này, bà nội của Anna qua đời. Bà Thi chỉ sống thêm được bốn năm sau khi bà nội tôi mất. Anna lập tức dừng các buổi tập piano để giúp cha mẹ lo tang lễ và cùng họ đau buồn. Tôi vô cùng buồn khi nghĩ rằng hai người phụ nữ đã chứng kiến cuộc gặp gỡ của chúng tôi, theo dõi những trò chơi của chúng tôi trong tiếng cười ríu rít mỗi người một ngôn ngữ, và dành cho chúng tôi bao yêu thương, giờ đã không còn. Tôi nhớ lại những cử chỉ âu yếm, bước chân thong thả trên con đường về nhà sau giờ học, hay những công thức nấu ăn họ dạy chúng tôi, và lòng tôi thất lại, dù những kỷ niệm ấy cũng mang đến chút niềm vui. Anna cũng buồn, tất nhiên, nhưng cô đã nói với tôi trên đường về nhà sau tang lễ rằng cô tự an ủi bằng cách nghĩ rằng bà nội đã ra đi thanh thản.

Bà Thi đã trở về Việt Nam vài tháng trước, cùng cha của Anna. Đó là lần đầu tiên bà đặt chân lên quê hương sau nửa thế kỷ rời đi trong hoàn cảnh mà Anna từng kể cho tôi với sự giản dị chỉ càng làm nổi bật sự kinh hoàng - một mình với con trai, lên thuyền trong đêm tối, mang theo hình ảnh người chồng bị giết hại dã man, thậm chí không được chôn cất theo truyền thống vì thi thể đã bị vứt bỏ không biết ở đâu... Việc ông không có mồ yên mả đẹp đã ám ảnh bà suốt đời : với người Việt, không gì quan trọng hơn việc chôn cất người thân đã khuất cùng

những lời cầu nguyện và lễ vật để họ tiếp tục tồn tại ở thế giới bên kia. Suốt những năm sau khi chồng mất, bà nội Anna đã dần vật, nghĩ rằng người đàn ông bà yêu, không thể yên nghỉ, có lẽ đang lang thang như một linh hồn lạc lối ở biên giới giữa sự sống và cái chết.

Anna nghĩ rằng đó là lý do bà không tái hôn. Bà trung thành với một bóng ma khi mới ba mươi lăm tuổi đã góa bụa : không chỉ tình cảm của bà dành cho ông không phai mờ, mà còn được nuôi dưỡng bởi nỗi ân hận không bao giờ nguôi. Tất nhiên, bà chưa bao giờ kể với Anna hay cha mẹ cô về điều này ; bà chỉ âm thầm làm tròn bốn phận hàng ngày trong im lặng, giả vờ như không có chuyện gì. Anna hỏi tôi có nhớ không, bà luôn ăn mặc chỉnh chu thể nào với những chiếc cài tóc bằng ngọc bích và ngà voi, những chiếc khăn quàng, áo choàng len Kashmir, áo blouse thêu hoa. Với Anna, đó không chỉ là sự làm duyên ; bà nội đã rèn ngoại hình cô như cách bà sắp xếp thời gian biểu, với lịch trình đều đặn như khuông nhạc, đó là cách bà kiểm soát nỗi đau, chống lại ký ức về vụ nổ bạo lực đã cướp đi chồng, con trai và ngôi nhà của bà. Những trang phục thanh lịch ấy, cùng thói quen phân chia thời gian, là tấm màn che giấu nỗi đau, giúp bà sống chung với nó và chống lại nó. Đó là sự cân bằng mong manh như kén bướm ; thế nhưng bà đã gìn giữ nó năm này qua năm khác, thập kỷ này

qua thập kỷ khác, vì con trai và vì Anna, bởi bà nghĩ không nên đào xới quá khứ khi đã liềm mình để cho gia đình một tương lai. Và rồi, sau tất cả những khổ đau đã trải qua, bà chưa sẵn sàng trở lại và đối mặt với ký ức - bà cố gắng giữ chúng ở khoảng cách an toàn.

Dù vậy, bà luôn nhớ mình mắc nợ người chồng đã khuất. Vào buổi chiều cuộc đời, bà quyết định thực hiện chuyến đi mà bà từng kiên quyết từ chối vì sợ thất bại : bà trở về Việt Nam với hy vọng thầm kín là tìm được hài cốt người đàn ông mình yêu thương. Ý tưởng này tự nó đã là điên rồ : ở tuổi ngoài tám mươi, trở lại Việt Nam với mong muốn xác định vị trí thi thể bị bỏ lại trong rừng, khi hai cuộc chiến và hàng chục trận bom đã vùi lấp cánh đồng, ruộng lúa và ngôi làng nơi bà lớn lên dưới lớp bùn dày, là điều không tưởng. Thế nhưng cha Anna không cố thuyết phục bà Thi, giờ đã là một cụ già : bởi ông coi đây là hành trình cần thiết. Như đích đến đôi khi không quan trọng bằng hành trình, việc bà thực hiện chuyến đi này ý nghĩa hơn kết quả khó thành. Hai mẹ con đã bay đến Việt Nam và bắt đầu tìm kiếm. Kỳ lạ thay, họ không nhờ cảnh sát, thám tử tư hay nhà lưu trữ, mà tìm đến một... bà đồng được cho là có thể giao tiếp với người đã khuất, đặc biệt những người như ông nội Anna, kẻ ra đi không đúng thời. Với nhiều người Việt, nhất là thế hệ trước, việc nhờ thầy bói hay

nhà ngoại cảm là tự nhiên như người La Mã xưa không làm gì mà không hỏi ý kiến thầy bói, tôn kính lời sấm truyền của nữ tiên tri Sibyl, cầu nối giữa thần linh và con người...

Bà đồng sống ở một thị trấn nhỏ cách Hà Nội trăm cây số, danh tiếng đến mức phải xây hẳn nhà trọ để tiếp đón những người tìm đến, thường phải ở lại nhiều đêm. Gặp bà nửa giờ hay một giờ là không đủ ; phải trình bày lý do, rồi chờ đến khi bà cho gọi - chỉ khi linh hồn người đã khuất hiện về. Có khi phải chờ hàng ngày, thậm chí hàng tuần nếu may mắn. Nhiều gia đình từ miền xa xôi đã đi về nhiều lần vô ích, sẵn sàng ở lại cả tháng để chờ đợi... Bà nội Anna may mắn hơn : chỉ chờ một ngày. Ngay hôm sau, có người gõ cửa. Buổi gọi hồn diễn ra đơn giản, không màu mè. Căn phòng tối om với tấm màn, vài nén hương trên bàn thờ Phật đồng mắt nhắm, không ánh đèn mờ ảo hay khói tỏa mịt mù, bà đồng cũng không lẫn lộn, lên đồng hay giọng nói trầm đục... Bà bình thản lắng nghe linh hồn ông nội Anna thì thầm.

Theo lời bà đồng, ông vui mừng được nói chuyện với người vợ đã chia sẻ cuộc đời, người ông theo dõi từng bước từ khi bà chạy khỏi Sài Gòn, sang Pháp, rồi trở về. Ông tự hào về cách bà nuôi dạy con trai và những gì

nó đạt được, về gia đình nó lập bên kia đại dương. Bản thân ông đã trải qua ngày tháng khốn khổ khi không có mộ phần, lạc lối trong cõi u minh - lang thang trong sương mù, chịu đựng thứ gọi là lạnh, đói và nghèo, nếu những từ ấy còn ý nghĩa nơi ông đang ở. Nhờ họ hàng giúp đỡ, đặc biệt là đưa con trai cả đã chia sẻ phần lễ vật cúng giỗ, ông mới tiếp tục tồn tại và không rơi vào hư vô.

Ông miêu tả nơi mình bị chôn, do nhầm lẫn, hài cốt ông bị đem đi cùng một người khác có gia đình đến nhận. Không ai hay, thi thể ông nằm ở thành phố ***, cách đó hàng trăm cây số, trong nghĩa trang hoang lạnh, hàng thứ ba, bia mộ bị bỏ quên giữa những cây thập tự. Ông không cảm thấy thuộc về nơi này và chỉ mong được tìm thấy, chôn cất tử tế. Bà Thi hứa sẽ làm điều đó. Buổi gọi hồn kết thúc trong lời tạm biệt của hai vợ chồng. Ngay hôm đó, bà và con trai đến địa điểm chỉ dẫn, một nghĩa trang Cơ Đốc - đúng như lời phàn nàn về cây thập tự. Sau nhiều thủ tục - và vài phong bì - người ta mở mộ, bên trong, như dự đoán của bà Thi, là hai bộ hài cốt. Bà nhận ra chồng nhờ xương cằm dài và trán rộng, gồ cao.

Bà tổ chức một tang lễ giản dị, đúng như con người mình, không thái quá, cũng chẳng phô trương. Rồi bà trở về nhà cùng con trai, miên man nhớ lại lần đầu hai mẹ con rời Việt Nam. Ký ức ủa về, con thuyền chòng chành như sắp chìm, cơn đói khát hành hạ, những xung đột tàn bạo giữa các hành khách giành giật sự sống, rồi những vật dụng cuối cùng bị ném xuống biển. Và nhất là nỗi sợ, nỗi kinh hoàng hẳn đã nhấn chìm bà đến ngạt thở, nếu không có đứa trẻ cần chăm sóc bên cạnh. Một cậu bé với đôi mắt đen sâu thẳm đầy tư lự, thân hình mảnh khảnh nhưng ý chí sắt đá, quyết tâm gây dựng cuộc đời mới ở bên bờ xa lạ phía trước. Cậu sẵn sàng làm việc mười hai tiếng mỗi ngày, học đến khi những dòng chữ Pháp và phương trình toán nhảy múa trước mắt, làm tất cả những gì có thể để đảm bảo cho hai mẹ con, đặc biệt là mẹ cậu, một cuộc sống an ổn, xa những bão tố đã cướp đi người anh trai, người con, người cha và người chồng, cùng mảnh đất từng là niềm vui của họ. Đó không chỉ là thửa ruộng nhỏ cần cỗi lấm bùn, mà là minh chứng cho sự kiên trì, thành quả của những nỗ lực vì một tương lai tươi sáng hơn.

Bà Thi qua đời chưa đầy sáu tháng sau chuyến đi cuối cùng về Việt Nam, như thể chẳng còn điều gì giữ bà lại khi nghĩa vụ đã hoàn thành. Tôi nhẹ nhàng hỏi Anna liệu cô có tin vào câu chuyện ấy không. Anna

không trả lời ngay. Rồi cô thú nhận rằng mình không biết và cũng chẳng muốn biết, cha cô cũng vậy. Có một cách khoa học, đáng tin cậy để xác minh : xét nghiệm ADN. Nhưng cha cô chưa bao giờ nhắc đến khả năng này, và bản thân cô cũng tránh đề cập. Ngoài vài chi tiết kỳ lạ (hai bộ hài cốt trong cùng một ngôi mộ, một số thông tin từ bà đồng chỉ có bà Thi và chồng bà biết), rất có thể cuộc hành trình bà nội cô theo đuổi chỉ là trò lừa bịp, và bà đồng kia là kẻ chuyên lợi dụng nỗi đau của những gia đình tìm đến mình. Điều đó hoàn toàn có thể, thậm chí rất có khả năng. Nhưng chẳng quan trọng nữa : niềm tin rằng bà cuối cùng đã được ngôi mộ như chồng mong đợi đã xoa dịu nỗi đau bà mang suốt hơn năm mươi năm. Với Anna, một lời nói dối đem lại bình yên còn hơn sự thật hủy hoại tâm hồn. Cô chẳng mong gì hơn cho người đã nuôi dưỡng mình ngoài một cái chết thanh thản - bất kể phải trả giá nào - và vì điều đó đã thành hiện thực, mọi chuyện đều ổn thỏa.

Anna Song, Khi Một Sự Dối Trá Che Giấu Một Sự Dối Trá Khác

Bởi Alexandre Chevrillon, Le Nouvel Observateur,
ngày 16 tháng 3 năm 2009

Vụ bê bối Annagate, vốn đã gây xôn xao suốt những tháng gần đây, tiếp tục chứng kiến những diễn biến mới. Những tiết lộ và phản tiết lộ gần như diễn ra hàng tuần, và vụ việc ngày càng giống một trò chơi búp bê Nga, nơi sự thật và dối trá đan xen chặt chẽ đến mức đôi khi không thể phân biệt. Sự lừa dối đã được xây dựng ở nhiều tầng lớp, lần lượt lộ diện khi cuộc điều tra tiến triển. Tầng lớp lừa dối rõ ràng nhất liên quan đến di sản của Anna Song : 102 đĩa CD mà mọi người sẵn lòng cách đây sáu tháng thực chất là bản ghi âm ăn cắp từ 87 nghệ sĩ khác, được phát hành dưới tên nữ nghệ sĩ dương cầm đã qua đời vào tháng 6 năm ngoái. Chồng và cũng là quản lý của cô, Paul Desroches, với sự giúp đỡ của một kỹ sư âm thanh không hề hay biết, đã thao túng kỹ thuật số để biến mỗi bản nhạc thành một bản trình diễn gốc.

Nhưng âm mưu giả mạo của giám đốc hãng Piano solo không dừng lại ở đó : ngay cả sự nghiệp của Anna Song cũng đáng ngờ. Không một bậc thầy nổi tiếng nào

được cho là đã đào tạo cô còn sống khi các bài phỏng vấn và bài báo giới thiệu họ là người hướng dẫn cô được xuất bản : không thể biết liệu Marianne Meursault và Alexander Frisch có thực sự dạy cô không, liệu nhà soạn nhạc Graham Coupe có thực sự ngợi ca tài năng của cô không, hay liệu cô có thực sự biểu diễn cùng các nhạc trưởng lừng danh như Luigi Fiorentino, Marc Dent, Thomas Colson hay Alfred Ronzon - tất cả họ đều đã qua đời, không ai có thể xác nhận, và những cái tên do Paul Desroches cung cấp đã được đưa vào nguyên văn mà không ai đặt câu hỏi. Tương tự, những giai thoại về các buổi hòa nhạc và chuyến lưu diễn của Anna Song, mà Paul kể lại với nhiều hài hước và mỉa mai, hoặc với một nỗi buồn man mác, chưa bao giờ được đề cập đến thời gian hay địa điểm cụ thể. Nhằm vẽ nên một bức chân dung hết sức tôn vinh vợ mình, có lẽ chúng cũng chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng của Paul, khi không có bất kỳ bằng chứng nào khác hỗ trợ những câu chuyện này. Hiện tại, chúng ta chỉ chắc chắn một điều : Anna Song thực sự chưa bao giờ biểu diễn trước công chúng trong 15 năm cuối đời - hoặc nếu có, thì chỉ ở những nơi quá nhỏ bé đến mức không để lại dấu vết gì. Sự vắng mặt này đã trở thành mảnh đất màu mỡ cho mọi huyền thoại sau này được Paul Desroches nuôi dưỡng - và kiếm lời từ đó...

Không chỉ tung ra những thông tin đáng ngờ, Paul còn làm giả nhiều kênh và phương tiện truyền thông, thay thế hoàn toàn các nhà báo để kiểm soát thông tin. Có lẽ nhiều người còn nhớ bài phỏng vấn được thực hiện bởi nhà phê bình danh tiếng Robert Quirenne trên trang web www.mondeemmusique.com, một trong những nguồn uy tín góp phần xây dựng hình ảnh «thiên tài bị hiểu lầm» của Anna Song. Khi bài viết xuất hiện trên mạng vào năm 2008, sau khi được cho là đã xuất bản từ bảy năm trước trên một tạp chí nhỏ đã ngừng hoạt động, Quirenne đã qua đời một cách «rất thuận lợi». Ai dám chắc ông ấy là tác giả thực sự của bài phỏng vấn đó? Tương tự, nhà báo duy nhất khác tuyên cha đã gặp Anna Song, Gérard Manzel, gần đây thừa nhận rằng ông đã viết bài phỏng vấn và chân dung cô mà chưa từng gặp mặt. Anna cảm thấy không đủ sức khỏe để tiếp ông trong nhiều tuần, còn ông thì bị áp lực phải hoàn thành bài viết nhanh chóng. Phần lớn cuộc phỏng vấn được thực hiện qua email, thông qua Paul Desroches, người đã «tốt bụng» (hay khéo léo) gửi cho ông đủ loại tài liệu - đĩa CD, ảnh thời trẻ của Anna Song, cây đàn piano, phòng thu, nơi họ sống, cùng một danh sách chi tiết về tiết mục biểu diễn, các giáo viên, và những dấu mốc trong sự nghiệp của cô. Thiếu thời gian, Manzel đã tin tưởng Paul và sử dụng những tài

liệu này để viết bài.

Có vẻ như giám đốc hãng Piano solo không chỉ bịa đặt toàn bộ danh mục đĩa nhạc (cùng một dàn nhạc và nhạc trưởng tên Dimitri Makarov, được cho là bị ám ảnh bởi thời gian ở Gulag nên «từ chối» xuất hiện trước công chúng...) : mà ngay cả quá khứ và các mối quan hệ của Anna Song cũng không có cơ sở thực tế.

Đáng ngờ hơn, một nhân viên bệnh viện Cochín, nơi Anna Song được cho là điều trị ung thư suốt 20 năm, khẳng định không hề có bệnh nhân nào tên như vậy. Có thể cô dùng bí danh để tránh sự tò mò, nhưng nếu không phải vậy, thì lý do cô rời khỏi sân khấu, thậm chí nguyên nhân cái chết, lại là một bí ẩn khác - và biết đâu, lại là một trò lừa nữa trong vụ việc vốn đã quá dư thừa những điều dối trá... Rõ ràng, Paul Desroches sẵn sàng làm mọi thứ để vợ mình được truyền thông ca ngợi, và không ngần ngại xây dựng một chiến lược dựa trên dối trá nhằm tạo hình ảnh Anna Song đủ hấp dẫn để lôi kéo các tạp chí. Trước những bằng chứng này, nhiều nghệ sĩ và hãng đĩa đã nộp đơn kiện giám đốc Piano solo vì làm giả và ăn cắp bản quyền. Vụ án hứa hẹn sẽ còn gây chấn động...

Thành công, ít nhất là một phần, của những thủ đoạn của Desroches - hẳn đã lừa dối giới báo chí và công chúng trong nhiều tháng - nhấn mạnh một điều : việc đón nhận một tác phẩm nghệ thuật, dù là âm nhạc, hội họa hay văn học, luôn gắn liền với bối cảnh của nó. Liệu các nhà phê bình có dành sự quan tâm bên bỉ đến những màn trình diễn của Anna Song nếu người nghệ sĩ đăng sau những bản thu âm đó được giới thiệu chỉ là một người đàn ông trung niên khỏe mạnh, bình thường, thay vì một người phụ nữ tuyệt đẹp, bị kết án bởi căn bệnh nan y, và có một số phận bi thảm đến mức sự công nhận mà cô bắt đầu nhận được đã đến quá muộn để bù đắp cho những năm tháng bị lãng quên ? Về lý thuyết, điều này không nên tạo ra khác biệt, nhưng trong thực tế, người ta ngưỡng mộ và yêu mến một nghệ sĩ không chỉ vì những gì họ tạo ra mà còn vì con người họ - tính cách, câu chuyện cá nhân, quan điểm... Điều này rõ ràng với các diễn viên và cũng đúng với Anna Song : ngoài những bản nhạc được trình diễn xuất sắc, người hâm mộ còn bị cuốn hút bởi hành trình của cô, bởi bức tượng đồ sộ mà Paul Desroches đã dựng lên, và nó chắc chắn ảnh hưởng đến đánh giá của họ. Đây là một minh chứng cho thấy hiện tượng «ngôi sao hóa» đã lan rộng đến cả lĩnh vực âm nhạc cổ điển. Những nghệ sĩ tài năng nhất hiện nay, những người được truyền thông ca

ngợi không ngừng, đôi khi nợ thành công không phải vì tài năng mà nhờ vào yếu tố «hào nhoáng» giúp họ nổi bật : ngoại hình ấn tượng, đam mê sôi, tài năng song song trong bóng rổ hay quá khứ đầy bi kịch cũng có thể trở thành điểm cộng trong sự nghiệp của một nhạc công ngày nay.

Khi trở về Pháp, Anna chuẩn bị cho một trận chiến mới, và tôi quyết tâm giúp cô hết sức có thể. Cô sẽ cần nó, bởi dù bàn tay đã phục hồi phần lớn nhờ những mũi tiêm, dù cô đã sẵn sàng biểu diễn trước công chúng, việc tìm kiếm các hợp đồng không chỉ ở cấp quốc gia mà cả địa phương đã đòi hỏi nỗ lực khổng lồ từ tôi. Tôi tổ chức một số buổi hòa nhạc ở những phòng nhỏ và các lễ hội tại Paris, Lille, Nantes... Dù cảm thấy phong cách của Anna đã mất đi nét độc đáo, tôi hy vọng ít nhất cô sẽ được chú ý. Nhưng tôi thất vọng. Khán giả vỗ tay lịch sự rồi nhanh chóng quên lãng. Anna chơi hay, ai cũng công nhận điều đó, nhưng cô không có gì đặc biệt trong mắt họ. Phong cách, nghệ thuật của cô không gây ấn tượng, và vì không còn là thần đồng để người ta mãi ngợi ca, sự trở lại của cô chẳng khác gì một chiếc lá rơi trên mặt hồ - một gợn sóng nhỏ, vài vệt lăn tăn, rồi chẳng còn gì. Các nhà phê bình địa phương dành vài dòng ngắn ngủi cho Anna rồi lật trang : cô chưa kịp xây dựng đủ danh tiếng trước khi chứng dystonia ập đến để sự «hồi sinh» của cô làm chấn động công chúng.

Lúc này, tôi đã bán căn hộ ở phố Toullier và chuyển đến một biệt thự nhỏ trong công viên bạch dương, cách Paris chưa đầy nửa giờ - món quà cưới tôi tặng Anna. Cô gọi tôi điên nhưng vẫn vô cùng hạnh phúc. Tôi không thể trả lại cho cô ngôi nhà với cây bạch quả,

dù là ngôi nhà thật, đã tan thành tro bụi, hay ngôi nhà trong mơ đã tiếp thêm năng lượng bí ẩn cho âm nhạc của cô. Nhưng tôi có thể tặng cô một mái ấm mới cho một khởi đầu mới, trong cuộc sống của chúng tôi và sự nghiệp của cô... Tôi xây một phòng thu gần biệt thự và thuyết phục Anna ngừng lưu diễn để tập trung thu âm toàn bộ tác phẩm. Đó là cách ít áp lực hơn để tiếp tục sự nghiệp, tôi lập luận. Là một người cầu toàn, cô có thể thu lại bao nhiêu lần tùy thích và nghỉ ngơi khi cần, tránh làm «thức tỉnh» chứng dystonia. Anna cho rằng lý lẽ của tôi không thuyết phục, nhưng mệt mỏi vì khán giả ngày càng ít, nản lòng vì sự đón nhận hờ hững, cô đã nghe theo tôi.

Phòng thu khiến cô rất thích. Nó không rộng hay sáng sủa - một nơi dành cho công việc và tập trung - với những tấm gỗ trên tường tạo âm học tốt nhất, khiến nó trông như một cỗ quan tài lớn. Nhưng Anna ngay lập tức cảm thấy thoải mái. Cô thậm chí thích tập ở đây hơn trong biệt thự. Cô yêu sự đơn giản của căn phòng, những đường nét tinh khiết, trang trí tối giản, và việc nơi này chỉ dành cho âm nhạc - thu lại những nốt nhạc từ ngón tay cô. Tôi nghĩ cô coi đó là ẩn dụ cuộc đời mình, nơi cây đàn là xương sống, chi phối mọi suy nghĩ và hành động. Không có chỗ cho bất cứ thứ gì khác, ngoại trừ tôi. Và rồi tôi được chứng kiến Anna bắt đầu say sưa

chuẩn bị những bản nhạc cô yêu thích - *Gaspard de la nuit, Miroirs, Valses nobles et sentimentales, Sonatine, Le Tombeau de Couperin, Pavane...* Cô chưa bao giờ cảm thấy thuộc về nơi nào như căn phòng đóng kín này, nơi cô có thể dành hàng giờ một mình với cây đàn.

Trong lúc cô tập, tôi xem lại bộ sưu tập đĩa nhạc tích lũy từ những năm chúng tôi xa cách, khi tôi cố gắng tìm lại bóng dáng cô qua những bản thu của các nghệ sĩ nổi tiếng và vô danh. Một giai thoại ám ảnh tôi : khi Kirsten Flagstad, ở tuổi 60, thu âm *Tristan và Isolde* của Wagner dưới sự chỉ huy của Wilhelm Furtwängler, bà đã nhờ Elisabeth Schwarzkopf đứng sau và hộ giọng hai nốt Đô trong đoạn song ca đầu vì lo giọng mình không còn như xưa. Hai giọng hòa quyện hoàn hảo, không ai nhận ra sự thật nếu không được báo trước. Với dự án của tôi, tôi cần đi xa hơn hai nốt nhạc, xa đến mức không ai nghi ngờ về sự «ghép nối» giữa các bản thu. Và rồi tôi có thể gửi đến giới truyền thông những đĩa nhạc tuyệt vời nhất của Anna Song, những bản thu mà tôi tin chắc cô đã thực sự thực hiện, nếu hoàn cảnh không quá khắc nghiệt với cô suốt đời.

Song song, tôi biến cuộc đời cô thành huyền thoại. Việc này dễ hơn tôi tưởng. Tôi luôn yêu những câu chuyện - như những lời Anna kể về quê hương đã mất

(nếu nó từng thuộc về cô), hay những giai thoại về các bản sonata, valse mà cô kể giữa những lần nghe đĩa. Anna là một người kể chuyện điêu luyện, đã biến di sản vốn đã phi thường của mình thành một kiệt tác. Tôi từng ghen tị với quá khứ đó. Nó đầy bi kịch, nhưng đã đẩy cô tiến xa hơn, trong khi cuộc đời tôi xây trên khoảng trống - một sự vắng mặt nguyên thủy tôi chẳng bao giờ lấp đầy được. Dù bà nội cố gắng, ký ức về cha mẹ tôi dần tan thành tro bụi, nhất là khi tôi gặp Anna : quá khứ gia đình cô át hẳn quá khứ nhà tôi trong ký ức tôi. Họ đã vượt qua chiến tranh, nghèo đói, độc tài và lưu vong mà không gục ngã. Sự ngưỡng mộ của tôi dành cho họ vẫn nguyên vẹn như thuở bé, và với tấm gương đó, tôi đã cố gắng tạo ra một câu chuyện cho người tôi yêu.

Tôi giữ kín cho riêng mình những tâm sự của cô về Việt Nam, đồn điền ở Nha Trang, cuộc chạy trốn của bà Thi, hay khát khao tuyệt vọng trở thành nghệ sĩ dương cầm của mẹ cô. Đó là bí mật của riêng chúng tôi, là tuổi thơ chỉ hai đứa được chia sẻ, và tôi không muốn bất kỳ ai khác chạm vào. Phần còn lại, tôi chỉ dựa vào sự thật khách quan. Những khởi đầu của Anna, thần đồng được hứa hẹn một tương lai phi thường, hành trình sang Mỹ, được nhận vào Juilliard School, rồi căn bệnh liệt khiến cô gục ngã mà mãi nhiều năm sau mới biết tên, tất cả tạo thành bộ khung hoàn hảo cho sự thật tôi đang cố dựng

lên, càng gần với hiện thực càng tốt. Chỉ cần thêm vài dẫn chứng, đôi ba câu châm biếm thông minh, vài giai thoại chọn lọc, những bức ảnh Anna cùng danh mục biểu diễn lấp lánh, thế là tôi dễ dàng biến nữ nghệ sĩ dương cầm của mình thành một nữ anh hùng. Thú thật, tôi nhanh chóng đắm chìm vào trò chơi ấy. Việc thu thập, tô điểm, gạt bỏ những chi tiết không phù hợp với chân dung tôi vẽ về cô, hay ngược lại, thêm vào những yếu tố khiến bức tranh hoàn thiện, sống động hơn, nhấn mạnh khi thì tài năng, khi thì sức hút, lúc lại tính cách của Anna, dần trở nên tự nhiên như nụ hôn tôi đặt lên môi và mái tóc cô mỗi tối trước khi ngủ, mỗi sáng trước khi rời giường. Đến chính tôi cũng không phân biệt nổi đâu là thật đâu là giả: thực tại và ảo tưởng đã xen vào nhau, chồng lên thành những lớp mỏng xộp, không thể tách rời, thậm chí không thể nhận ra.

Kinh nghiệm nhỏ của tôi trong ngành sản xuất đĩa nhạc, dù không khiến tôi nghĩ đến những gì người ta gọi là lừa đảo hay gian lận, mà với tôi, đó là cách duy nhất để cứu Anna khỏi sự lãng quên bất còn, đã giúp tôi có đủ mối quan hệ cần thiết với giới truyền thông. Tôi dự định sẽ không gửi bất kỳ bản thông cáo báo chí nào, chỉ vài chiếc CD cùng danh thiếp. Sau đó, tùy vào phản ứng, tôi sẽ dần tiết lộ những chi tiết đủ để nuôi dưỡng huyền thoại chắc chắn sẽ hình thành xung quanh

Anna, một khi câu chuyện về cô và chất lượng những bản thu được lan truyền. Còn Anna, từng chút một, cô lấy lại thăng bằng khi dốc hết tâm sức vào công việc trong phòng thu, nơi cô dành trọn cả ngày. Cô chỉ dừng lại để ăn uống và hít thở không khí, khoảng ba tiếng một lần, bằng những bước đi thờ thần trong công viên. Cô tập trung đến mức gần như không để ý đến những gì xảy ra xung quanh, và tôi nghĩ, với chút may mắn và sự thận trọng, cô sẽ không nhận ra bất cứ điều gì. Điều quan trọng nhất là phải tách biệt những đĩa nhạc cô thu âm với những đĩa tôi đang xử lý, đồng thời kiểm soát cẩn thận mọi tiếp xúc với báo giới. Việc này khả thi bởi Anna chẳng hề muốn gặp họ: giờ đây, cô chỉ muốn chơi đàn, chơi mãi, chơi không ngừng. Khi khả năng ấy được trao trả lại, cô dành trọn vẹn bản thân cho nó, và cuối cùng, cô hạnh phúc hơn khi được thả mình vào âm nhạc giữa bốn bức tường phòng thu, hơn là đứng trên sân khấu nơi chẳng còn ai chờ đợi cô nữa.

Những bước đầu của dự án đã tốn nhiều thời gian hơn tôi tưởng tượng - tôi phải hành động một mình, thận trọng để không gợi lên sự nghi ngờ từ Anna, và chỉ có một khoảng trống hẹp để thao tác vì cô ấy sẽ thất vọng nếu tôi vắng mặt quá lâu. Tôi thậm chí còn bịa ra một sở thích - niềm đam mê với các giải đấu cờ vua - để có thể đánh cắp một buổi chiều hoặc tối ở đây đó, yên tâm

làm việc với những bản nhạc tôi đã chọn. Sau đó, tôi phải tìm một kỹ sư âm thanh có khả năng loại bỏ tiếng ồn và chỉnh sửa các bản nhạc sao cho chúng nghe như được thu cùng một phòng, trên cùng một cây đàn. Tôi tình cờ gặp bài giới thiệu về Colin Chatterton khi lục lọi trên mạng. Chúng tôi hẹn gặp và dễ dàng thống nhất về công việc cũng như thù lao; anh ta không hề nghi ngờ về việc mình đang làm, và sau vài tháng, tôi lần lượt nhận lại những sản phẩm hoàn chỉnh. Tôi muốn có đủ tư liệu để tạo ra một bộ sưu tập khoảng 30 đến 40 CD trước khi bắt đầu chiến dịch, nhằm đủ lựa chọn để gửi đi, gây ấn tượng với các nhà báo muốn tìm hiểu sâu hơn, và quan trọng nhất là có thể phản ứng ngay lập tức nếu Anna đổi ý về bản nhạc muốn thu âm hoặc thứ tự sắp xếp trên đĩa. Chúng tôi đã thống nhất chương trình biểu diễn, nhưng cô ấy hoàn toàn có thể thay đổi tùy theo cảm hứng. Dĩ nhiên, tôi chỉ cho cô ấy nghe những bản nhạc do chính cô sáng tác, còn những bản khác thì giấu kín trong tủ văn phòng, nơi tôi chuẩn bị các phong bì gửi đến giới truyền thông.

Tôi đã sẵn sàng mọi thứ thì Anna bắt đầu xuất hiện những cơn đau và khó chịu ở vùng chậu và bụng. Ban đầu, cô ấy từ chối đi khám - đời cô đã chạm mặt quá đủ bác sĩ và chuyên gia - nhưng trước sự nài nỉ của tôi cùng những triệu chứng ngày càng rõ rệt, cuối cùng

cô cũng chịu nhượng bộ. Chúng tôi đến gặp một bác sĩ. Sau những câu hỏi thoáng qua lúc đầu, rồi dần chi tiết hơn, ông ta khám cho cô không phải như đang tìm hiểu xem cô bị gì, mà như đang kiểm tra lại điều ông đã biết trước. Tôi lập tức lo lắng : thái độ vô cùng chuyên nghiệp, gần như trang nghiêm của vị bác sĩ này chẳng báo hiệu điều gì tốt lành. Quả nhiên, ông chỉ định một loạt xét nghiệm khẩn cấp trước khi quay lại gặp ông, và chẩn đoán, không như lần chúng loạn trương lực cơ ngày xưa, đã nhanh chóng được đưa ra: ung thư buồng trứng. Vị bác sĩ giới thiệu Anna đến một đồng nghiệp của ông. Sau khi xem xét phim chụp và kết quả xét nghiệm, vị bác sĩ mới xác nhận, rồi làm rõ hơn kết luận. Tin tức thật tàn khốc: bệnh đã ở giai đoạn muộn, không còn chút hy vọng sống sót nào cho Anna về dài hạn, thậm chí trung hạn. Theo lời bác sĩ chuyên khoa ung thư, khả năng cô chống chọi được hơn năm năm trước sự phát triển của khối u là rất thấp, và chỉ có thể đạt được điều đó nếu cô bắt đầu ngay một liệu trình điều trị khắc nghiệt, bao gồm hóa trị và nhiều ca phẫu thuật...

Lúc đầu, Anna bị sốc, nhưng sau đó, cô như được tiếp thêm sức mạnh từ chính tin dữ ấy : những bản thu âm bỗng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết trong mắt cô. Giờ đây, chúng là di sản duy nhất cô để lại phía sau, là minh chứng cho cả một đời người dành trọn cho những

nốt nhạc, thứ cô đã học cách khiến chó tuôn trào từ ngón tay, uốn nắn, mài giũa, lặp đi lặp lại không mệt mỏi cho đến khi thuần thục từng chuyển động, từng sắc thái, từng ánh sáng. Cô lao vào công việc với một nguồn sinh lực mới, cũng là những sức lực cuối cùng, và gần như không bước chân ra khỏi phòng thu tôi đã sắp xếp cho cô. Phần còn lại của thế giới với cô dường như đã ngừng tồn tại. Còn với tôi, căn bệnh của Anna vừa khiến tôi đau đớn, vừa xóa bỏ những day dứt cuối cùng trong lòng. Nó giống như một lời nguyện, và tôi cảm thấy mình có quyền sử dụng mọi thủ đoạn có thể, đặc biệt là những gì tôi đã chuẩn bị, để chứng minh với Anna rằng con đường cô bước đi từ thuở nhỏ không dẫn vào ngõ cụt, rằng những khổ đau cô gánh chịu suốt cuộc đời này không phải là vô nghĩa.

Vậy là tôi bắt đầu gửi những chiếc CD, với nhịp độ khoảng hai tuần một lần. Phản ứng đến nhanh chóng: những nhà phê bình ngày càng nhiều mà tôi trao đổi qua điện thoại ban đầu tỏ ra ngạc nhiên, tò mò, sau đó ấn tượng, và chẳng mấy chốc kinh ngạc trước tác phẩm cùng hành trình đầy bi kịch của nữ nghệ sĩ này, người mà, trái với suy nghĩ của họ, hoàn toàn không phải là một gương mặt mới. Sự quan tâm của họ tăng lên một bậc khi tôi trình bày dự án Anna sắp thực hiện, thu âm một bộ sưu tập đồ sộ, gần như bách khoa toàn thư, bao

gồm các tác phẩm từ Scarlatti, Bach, Mozart, Schubert, Beethoven, Prokofiev, Chopin, Rachmaninov, Liszt cho đến Debussy, Ravel, Bartók hay Messiaen. Nó lại càng dâng cao khi tôi kể về hành trình khác thường của một nghệ sĩ bậc thầy bị đồng nghiệp bỏ quên suốt bao năm, giờ sống ẩn dật trong điền trang của mình, miệt mài làm việc xa lánh mọi người giữa bốn bức tường phòng thu. Và sự quan tâm ấy gần như vượt khỏi mọi giới hạn (dù được che đậy bằng những lời cảm thán đầy tiếc nuối) khi tôi tiết lộ rằng Anna đang mắc ung thư, thời gian của cô không còn nhiều, đó cũng là lý do cô ủy thác cho tôi thay mặt trả lời mọi yêu cầu phỏng vấn.

Những cuộc trò chuyện ấy đã đơm hoa kết trái. Các nhà báo bàn tán với nhau, và cứ thế, từng lời tiết lộ nối tiếp, cỗ máy truyền thông bắt đầu vận hành. Những bài báo ca ngợi dần nở rộ, giúp Anna cuối cùng cũng nếm trải cảm giác thỏa mãn khi hoàn thành sứ mệnh, cùng niềm hạnh phúc được công nhận. Dĩ nhiên, cô nhận ra những chi tiết sai lệch; tôi đổ lỗi cho sự thiếu tập trung của người phỏng vấn, cho cuộc điều tra qua loa, cho khoảng cách không tránh khỏi giữa phát ngôn và bản ghi chép, hay cho sức mạnh của tin đồn một khi đã lan ra thì chẳng gì ngăn nổi, bất chấp mọi lời cải chính. Đặc biệt, việc họ coi căn bệnh ung thư là nguyên nhân khiến cô rút khỏi sân khấu khiến cô bật cười. Tôi không thú

nhận mình chính là kẻ gieo giả thuyết ấy, thậm chí còn ngăn cô sửa lại, viện cớ rằng chuyện đó chẳng quan trọng : xét cho cùng, tôi khẳng định, chỉ có những bản thu là đáng kể. Chỉ có âm nhạc của em mới đáng kể. Sửa lại những chi tiết mơ hồ kiểu ấy làm gì, khi báo chí xưa nay vẫn đầy rẫy những sai sót ? Anna nghe theo lý lẽ của tôi với một cái nhún vai - trong chuyện này cũng như bao chuyện khác, cô tin tưởng tôi tuyệt đối.

Sức khỏe của Anna dần suy yếu cùng lúc danh tiếng của cô ngày càng lớn. Cô được nâng cao địa vị và uy tín nhưng lại mất dần năng lượng. Những bài báo cắt ra chất đống cùng với các yêu cầu phỏng vấn. Tôi từ chối tất cả với lý do Anna giờ đã quá yếu để tiếp bất kỳ ai. Thực tế đã bắt kịp những hư cấu của tôi nhanh hơn tôi tưởng : chỉ ba năm sau chẩn đoán, Anna thực sự đã kiệt quệ. Những chuyến đi đến bệnh viện trở thành cực hình, và các phương pháp điều trị giờ đây không còn giúp cô đỡ đau đớn mà chỉ khiến cô thêm kiệt sức. Căn bệnh ung thư lan rộng, gặm nhấm, nuốt chửng cô từ bên trong như một con thú đói khát, một sinh vật tàn nhẫn uống cạn sức lực của cô từng ngậm lớn, ngấu nghiêng máu, nước mắt và nỗi đau của cô. Sự tham lam của cô ngày càng lớn theo thời gian, và bất chấp lòng dũng cảm, Anna không thể làm gì khác ngoài việc từ từ khuất phục. Chẳng bao lâu sau, đến ngày việc đứng dậy cũng

trở thành một nỗ lực. Ngày cô không thể đến phòng thu nếu không có tôi giúp đỡ. Ngày chơi nhạc trở nên khó khăn, rồi đau đớn, và cuối cùng là bất khả thi.

Đúng lúc đó - khi cô nhận ra mình sẽ không bao giờ chơi được một nốt nhạc nào nữa - ngọn lửa vốn luôn cháy sáng trong mắt cô đã tắt. Bản thân cô cũng tắt lịm, dù thể xác cô vẫn sống thêm vài tháng nữa. Một sự mệt mỏi khủng khiếp ập xuống như một cơn sóng, và cô buông mình trôi đi, không còn nghĩ đến ngày trở lại. Cô đã mất đi khát vọng sống và chiến đấu. Ngay cả cuốn sách nhỏ tập hợp các bài báo ca ngợi cô là một nghệ sĩ piano thiên tài, thứ tôi đã biên soạn và tặng cô với hy vọng thấp lên chút niềm vui, cũng không thể giữ cô lại. Như cô đã nói với tôi sau khi lật giở cuốn sổ, vừa vuốt má tôi với sự dịu dàng vừa thể hiện tình yêu thương dành cho tôi vừa sự cam chịu trước việc phải rời bỏ thế giới này, tất cả «chẳng còn nhiều ý nghĩa nữa».

Cô qua đời vào đầu mùa hè, những ngày đầu tháng Sáu. Khi thốt lên những lời cuối cùng, cô còn tái nhợt hơn cả những chiếc gối trắng tinh mà khuôn mặt cô tựa vào. Mái tóc đen của cô, dù bệnh tật vẫn nặng trĩu và bóng mượt, dường như đã hút hết sức sống đang rời bỏ cô. Tôi tiếp tục nắm tay cô rất lâu sau khi cô im lặng, và khi cô nhắm mắt, tôi ôm cô vào lòng, cố kìm nước mắt.

Rồi thì thâm, không chắc cô còn nghe thấy tôi nơi cô đã đi xa, tôi nói rằng tôi yêu cô, rằng tôi luôn yêu cô, rằng tôi sẽ không bao giờ ngừng yêu cô.

Theo nguyện vọng của cô, cô được hỏa táng. Trong quan tài, tôi đặt tất cả những bản nhạc cô đã thu âm. Những bản cô đã dành cả trái tim và tâm hồn, nhưng tôi biết chúng sẽ chìm vào quên lãng nếu tôi gửi chúng thay vì những bản đã mang lại cho cô địa vị biểu tượng, thứ mà cái chết của cô sẽ hoàn thiện thành sự tôn kính. Danh tiếng của cô sau khi qua đời vượt xa mọi tưởng tượng của tôi. Điều đó thúc đẩy tôi duy trì huyền thoại về cô, thậm chí mở rộng đối tượng khán giả bằng cách giới thiệu và phát hành thêm các bản thu mới của cô. Tôi chỉ cần khẳng định rằng cô đã kịp thu âm một số bản trước khi bị căn bệnh ung thư đánh gục, và mọi người đều đồng ý như một. Tôi bắt đầu sản xuất các bản thu như một ảo thuật gia rút bài, khăn, bóng bàn và chim bồ câu từ tay áo, từ mũ, từ túi : chúng xuất hiện từ hư vô, gây nên sự phấn khích, và kéo theo những bản thu khác mà nguồn cung dường như vô tận. Ai biết được ? Nếu tôi thận trọng hơn, nếu không để mình bị cuốn vào câu chuyện do chính mình dựng lên, mọi thứ có thể tiếp tục như vậy cho đến khi tôi qua đời và cả sau này, và tôi sẽ mãi là người giữ bí mật của Anna Song. Nhưng sự thiếu cân nhắc của tôi, một độc giả của Téléràma và một cơ

sở dữ liệu điện tử đã quyết định khác...

Giờ đây, mọi thứ tôi xây dựng đã tan thành tro bụi. Tôi tưởng mình mang lại cho Anna vinh quang bất tử, nhưng cuối cùng chỉ kéo ký ức về cô xuống bùn lầy. Đó là lý do tôi viết - để trả lại tên cho cô. Tôi viết để tưởng nhớ cô, về âm nhạc của cô giờ đây chẳng còn gì ; để nhớ về thời chúng tôi tràn đầy hy vọng, khi tin rằng mọi thứ đều có thể và đáng mong ước. Tôi viết để nói lên hối tiếc và thú nhận ăn năn, để cố giải thích cũng như chuộc lỗi, để xin sự tha thứ của cô, dù cô đã tha thứ cho tôi vào ngày cuối cùng khi cô kéo tôi lại gần và thì thầm rằng cô biết tất cả và không trách tôi, vì cô chỉ thấy trong hành động của tôi bằng chứng của tình yêu tôi dành cho cô, và những gì xảy ra sau này có quan trọng gì ? *Khúc pavane cho một công chúa đã khuất* vang lên trong căn phòng nơi tôi viết những dòng này, bản nhạc đầu tiên và cuối cùng tôi nghe sau khi đặt những trang viết kể câu chuyện của chúng tôi vào phong bì gửi đến một trong những tờ báo mà cô từng coi thường, «chẳng còn nhiều ý nghĩa nữa, em biết không», cô đã nói với tôi, và cô đúng, nhưng tôi cảm thấy mình nợ cô điều này, tôi muốn công lý được thực thi dù nó chẳng còn quan trọng, cách của tôi để trả lại chút gì đó cô đã cho tôi, vài từ ngữ đôi lẩy vài nốt nhạc, những câu văn của tôi sẽ không bao giờ có được vẻ đẹp hay cảm xúc như

âm nhạc của cô khi chúng tôi còn trẻ, nhưng tôi vẫn viết bừa lên giấy với hy vọng chúng sẽ cứu vãn được chút gì đó về cô, và khi đọc chúng, người ta sẽ thấy lại hình ảnh của con người cô, người tôi yêu và yêu tôi, người không còn nữa và giờ tôi sẽ đến gặp khi chẳng còn gì để nói, cũng chẳng còn gì để hy vọng.

Tôi đã nghĩ rằng mọi chuyện đã kết thúc, Anna ạ. Tôi đã đặt bản thảo của mình vào một phong bì và gửi cho nhà báo Jean Verne của tờ Têlêrama, rồi đi ra bưu điện với suy nghĩ rằng mình sẽ có thể theo em. Nhưng khi trở về, một chiếc xe cảnh sát đang chờ tôi. Tôi không kháng cự ; cũng không chạy trốn. Tôi chẳng có nơi nào để đi, và cũng chẳng có gì để sợ - điều tồi tệ nhất đã xảy đến với tôi rồi. Họ bắt giữ tôi và đưa tôi đến nơi này, giữa những bức tường xám xịt với những vết nứt chạy dài mà ánh mắt tôi lần theo những đường gãy khúc. Tôi đang chờ vị thẩm phán sẽ đến và có thể hình dung rõ mồn một những lời lẽ, đe dọa, cáo buộc về việc giả mạo, trộm cắp, đạo văn, lừa đảo của ông ta. Dù vậy, tôi không thực sự cảm thấy mình có tội. Những bản ghi âm đó, tôi không sao chép mà đã tái tạo chúng. Văn học, xét cho cùng, chẳng phải luôn kết hợp những từ ngữ giống nhau, và âm nhạc cũng là những nốt nhạc lặp lại ? Mỗi đoạn nhạc tôi chọn, khi đứng riêng lẻ, thuộc về một nhạc sĩ khác nhau, nhưng bức tranh khảm tôi ghép từ những mảnh vỡ ấy lại tạo thành một tác phẩm hoàn chỉnh - của chúng ta. Bởi lẽ dĩ nhiên Anna Song sẽ không bao giờ tồn tại nếu không có tôi mơ về cô, và không có em làm hình mẫu...

Những bản nhạc này không có lịch sử, tôi đã xây dựng nó và trao tặng chúng cho chúng. Huyền thoại về em đã đưa chúng trở lại ánh sáng và giải thoát chúng khỏi sự vô danh mà nhiều bản nhạc đã chìm vào. Đúng là bức chân dung giống em kia không phải là em, và tôi đã lấy đi khuôn mặt của một người phụ nữ xa lạ, một trong số những khuôn mặt tôi đã sưu tập trên Internet hoặc tìm thấy với vài đồng xu ở các cửa hàng đồ cũ. Em đã không trốn vào căn phòng thu âm đó, nơi chỉ tồn tại trong bản thảo của tôi, và em cũng không cần điều trị căn bệnh ung thư buồng trứng mà em chưa từng mắc phải. Tôi không chắc liệu tất cả những điều này có biến tôi thành một kẻ đáng bị lên án, hay đáng bị lên án hơn những nhà phê bình, những nhà báo đã thuê dợt hàng trang giấy về những gì tôi chỉ phác thảo sơ qua. Sự say mê của họ chứng minh rằng em và tôi đã thành công trong việc tạo ra một tác phẩm độc đáo, một *sáng tạo*. Chỉnh sửa hiện thực không phải là tội ác - nếu không thì tất cả chúng ta đều là tội phạm, những kẻ có tâm trí lang thang, những đêm đầy áp giấc mơ, trí tưởng tượng nở rộ, để những ảo tưởng len lỏi vào suy nghĩ. Ai có thể phân biệt được điều gì là thật, đúng, chính xác, với điều gì không phải ? Đôi khi sự thật được dệt nên từ những lời dối trá, những khoảng trống có ý nghĩa như những khoảng đầy, những điều không nói ra quan trọng ngang

bằng, nếu không muốn nói là hơn, những điều được thốt thành lời.

Chúng ta đều là những sinh vật của hư cấu, và những ảo tưởng của chúng ta định nghĩa chúng ta rõ ràng hơn nhiều so với cái tên, quốc tịch, ngày và nơi sinh trên thẻ căn cước. Chúng ta phát triển trong hy vọng, ý tưởng, câu chuyện của mình như những đám mây trôi trên bầu trời : đó là môi trường tự nhiên mà chúng ta đắm mình. Đôi khi nó hiện hữu rõ ràng hơn cả chiếc giường tôi ngủ, con đường tôi đi vào buổi sáng, những khu vườn tôi dạo bước vào những ngày Chủ nhật, những thứ trong mắt tôi chẳng khác gì một sân khấu kịch hay phim trường. Tôi đã không cướp đi tài năng của những nghệ sĩ bậc thầy đó, tôi đã tạo nên huyền thoại Anna Song, hiện thực hóa giấc mơ của mình và nuôi dưỡng giấc mơ của biết bao người khác. Chẳng phải đó chính xác là điều người ta yêu cầu ở một nghệ sĩ, người phải hé mở cánh cửa vào một thế giới nơi sự tầm thường nở hoa thành tầm nhìn, nơi cái xấu xí được thăng hoa thành vẻ đẹp, nơi những vỡ mộng của cuộc sống được mạ vàng dưới ánh mặt trời nghệ thuật và biến thành làn sương mỏng như sợi tơ ? Khi đó, hiện thực không bị bóp méo thành dối trá : nó được hoàn thiện trong không gian kỳ lạ và tuyệt vời của câu chuyện cổ tích. Theo nghĩa đó, Anna Song là và luôn là có *thật*.

Vâng, đó là lập luận tôi sẽ trình bày với vị thẩm phán nếu ông ta coi tôi như một tên tội phạm chỉ đáng ngồi tù vài năm. Nhưng biết đâu ông ta sẽ không hành xử như vậy ; biết đâu ông ta sẽ tỏ ra thông cảm, hiểu chuyện, tò mò muốn biết điều gì đã thúc đẩy tôi hành động như thế. Và ai biết được, lúc đó ? Tôi có thể thổ lộ với ông ta những suy nghĩ hoàn toàn khác. Ví dụ như thú nhận rằng câu chuyện tôi dựng lên về em đẹp đến mức tôi không nghĩ ai đó sẽ bận tâm kiểm tra kỹ lưỡng nền móng của nó. Đơn giản vì tôi muốn mọi người lắng nghe và yêu mến nó như cách tôi đã lắng nghe và yêu mến tất cả những câu chuyện em kể cho tôi - mà không đặt câu hỏi. Có lẽ tôi sẽ tiết lộ với vị thẩm phán câu chuyện cổ tích Việt Nam mà em được bà nội kể và em đã kể lại cho tôi từ rất lâu rồi.

Câu chuyện, em còn nhớ không, về người ngư dân nghèo sống trong một ngôi làng nhỏ, và đã tuyệt vọng vì không thể lấy vợ : cuộc sống của anh ta quá chật vật, quá khốn khó đến mức dù có nhiều đức tính tốt, anh ta vẫn không thể tìm được một người phụ nữ sẵn sàng chia sẻ cuộc sống ấy. Suốt nhiều tháng nhiều năm, anh ta chờ đợi một ai đó chấp nhận mình. Anh ta nhờ đến những người mai mối và tìm kiếm khắp các làng trong vùng. Nhưng vô ích. Anh ta đã chấp nhận sống cô độc đến già thì một ngày nọ, phát hiện trong lưới của mình

một bức chân dung tuyệt đẹp của một thiếu nữ được vẽ bằng mực Tàu trên một tấm lụa. Kỳ lạ thay, nước biển dường như chẳng làm hỏng nét vẽ tinh tế của bức tranh. Vì thế, thay vì vứt tấm lụa trở lại biển, người ngư dân quyết định mang về nhà và treo lên tường. «Biết đâu, đây là người bạn đời duy nhất mình sẽ có», anh ta buồn bã nghĩ.

Kể từ ngày đó, cuộc sống và tiện nghi của anh ta kỳ lạ thay được cải thiện : anh ta không kiếm được nhiều tiền hơn, nhưng mỗi lần đi biển về, anh ta đều ngạc nhiên thấy nhà cửa gọn gàng sạch sẽ như mới, và trên bàn chờ anh ta là một bát cơm nóng hổi cùng đôi đũa, một đĩa cá và một tách trà xanh... Tò mò, một buổi sáng, anh ta nảy ra ý định quay về nhà chỉ vài phút sau khi ra khơi. Chạy vội trên con đường mòn dẫn đến ngôi nhà nhỏ bé của mình, anh ta liếc nhìn qua cửa sổ và kính ngạc thấy cô gái trong bức tranh bước ra khỏi khung, cầm lấy cây chổi và bắt đầu quét dọn căn phòng. Anh ta lập tức xông vào nhà, giật tấm lụa còn đang treo trên tường xuống, và khẩn khoản xin cô gái ở lại với mình. Cô gái nhìn anh ta một lúc không nói, rồi gật đầu đồng ý, ánh mắt cúi xuống và đôi má ửng hồng vì xúc động. Khi đêm xuống, trong lúc người vợ mới bận rộn chuẩn bị bữa tối, anh ta giấu tấm lụa giờ đã trắng tinh vào một chiếc rương cũ. Anh ta khóa lại và treo chìa khóa vào

một sợi dây chuyền đeo quanh cổ.

Những năm tháng sung túc và hạnh phúc bắt đầu. Mọi thứ người vợ chạm vào dường như biến thành vàng: cô nấu những món bánh ngon lành mà họ bán được giá cao, và dệt những tấm lụa mỏng đến mức những gia đình giàu có nhất trong vùng yêu cầu thợ may của họ chỉ được mua hàng từ cô. Cặp vợ chồng mở rộng ngôi nhà của mình. Họ không có con, nhưng không buồn vì điều đó vì họ đã có nhau. Tuy nhiên, thời gian trôi qua, người chồng già đi : khuôn mặt nhăn nheo, lưng còng xuống, tóc mai bạc trắng như tuyết. Ngược lại, người vợ vẫn xinh đẹp, tươi trẻ như lần đầu tiên anh ta gặp, tỏa ra một sự trẻ trung dường như vĩnh cửu. Dù vậy, cô vẫn dành cho anh ta sự âu yếm, chăm sóc tận tình như ngày đầu, và quan tâm đến từng mong muốn nhỏ nhất của anh ta. Niềm vui và sự bình yên tỏa ra từ gia đình họ không hề bị ảnh hưởng bởi sự tương phản ngày càng rõ nét này.

Khi người ngư dân già yếu qua đời, những giọt nước mắt lăn trên má người vợ cũng không làm phai đi vẻ rạng rỡ của cô, giống như thời gian đã không làm được. Trong lúc chuẩn bị cho chồng an táng, cô phát hiện ra chiếc chìa khóa mà anh ta luôn đeo trên cổ. Một thời gian sau, những người hàng xóm lo lắng vì không thấy

tin tức gì, đã gõ cửa nhà họ. Không thấy ai trả lời và nhận thấy cửa không khóa, họ bước vào và đi khắp nơi nhưng không tìm thấy dấu vết gì của người vợ. Tất cả những gì còn lại của cô là một bức chân dung tuyệt đẹp mà họ chưa từng thấy trước đây, treo trên tường và mỉm cười với họ như cô vẫn luôn làm.

Bé nhỏ, tôi sẽ giải thích với thẩm phán rằng tôi yêu câu chuyện này vì tôi hiểu người ngư dân, nỗi buồn của anh khi phải sống một mình, cảm giác bị bỏ rơi. Tôi cũng hiểu anh vì em giữ trong đời tôi vị trí như nàng tiên trong bức chân dung đối với anh - sự hiện diện của em là ngọn lửa sưởi ấm tâm hồn tôi, và em khiến cuộc sống của tôi dịu dàng hơn chỉ bằng cách ở đó. Rồi vị thẩm phán sẽ biết, và thông cảm.

Nhưng có lẽ tôi cũng sẽ như em, giữ im lặng vì cho rằng chẳng còn gì để nói. Tôi sẽ ngồi bất động trên ghế, ánh mắt thờ ơ, trong khi ông ấy cố gắng moi từ tôi một lời. Nhưng tôi sẽ không đáp lại, nhất là không nói rằng tôi đã khao khát được gặp lại em, cùng em sống những khoảnh khắc tôi đã ghi lại trên giấy. Cuộc đoàn tụ của chúng ta tại đám tang bà nội tôi. Lời thổ lộ, cuối cùng, về những gì chúng ta cảm nhận, những gì chúng ta luôn dành cho nhau. Đêm đầu tiên bên nhau - và tất cả những đêm sau đó, vì chúng ta sẽ không bao giờ xa rời nhau

nữa. Sự hồi phục của em khỏi chứng loạn trương lực cơ. Chúng ta cùng nhau chuyển đến một biệt thự giữa rừng bạch dương, nơi chỉ có hai ta, được che chở bởi thiên nhiên... Tôi tiếc nuối ngay cả những khoảnh khắc đau đớn nhất, em biết không, Anna - sự tan vỡ của những ảo tưởng, những buổi hòa nhạc chỉ nhận được sự đón nhận lạnh nhạt dù em đã chiến đấu dũng cảm để được chơi lại, rồi căn bệnh ung thư, sự phát triển hỗn loạn của những tế bào đã giết chết em mà không ai hiểu vì sao. Phải, tôi ước mọi thứ là thật. Ít nhất, tôi đã có thể ở bên em. Tôi đã nâng đỡ em. Lắng nghe em. Yêu em.

Em đã không cho tôi cơ hội. Tôi nhớ những buổi chiều tôi đóng kín cửa phòng để nghĩ về em, trong khi loa phát những bản nhạc em từng tặng tôi. Tôi tự hỏi về sự im lặng và những lá thư thừa dẫu của em, tự nhủ rằng em đã quên tôi và, cũng phải thôi, em hoàn toàn đúng : cuộc sống của em phong phú hơn nhiều so với cuộc đời tôi... Em đúng, nhưng điều đó không ngăn tôi đau khổ tột cùng vì không nhận được tin tức gì từ em, ngoài vài dòng thỉnh thoảng, những lời hứa hẹn mơ hồ về cuộc gặp liên tục bị trì hoãn, cùng những lời bày tỏ tình cảm ngày càng xa cách, hoặc hờ hững, tôi không biết nữa.

Một lá thư từ cha mẹ em đã cho tôi biết sự thật. Khi em đang tập bản Ondine, họ kể, hai ngón tay em co quắp lại trong cơn co thắt không kiểm soát. Lúc đầu, em không để ý, chỉ nghĩ rằng mình đã tập quá sức - hoặc chưa đủ. Em tưởng đó là cơn đau thoáng qua ; em đã nhầm. Rất nhanh, bàn tay em trở nên cứng như gỗ, tê liệt lan đến cẳng tay, và em không thể chơi nổi một nốt nhạc. Dù cùng cha mẹ tìm đến những chuyên gia hàng đầu, không ai chẩn đoán được em mắc bệnh gì. Chính tôi cũng chỉ phát hiện ra sau nhiều năm nghiên cứu về những triệu chứng mà lúc đó không ai dám thừa nhận - nhưng đã quá muộn để giúp em.

Em chìm vào trầm cảm, và cha mẹ đưa em đến Việt Nam, hy vọng chuyến đi sẽ giúp em thay đổi tâm trạng - từ nhỏ, em đã mơ ước về đất nước này nên họ nghĩ nó sẽ khiến em hạnh phúc khi được thấy tận mắt những hình ảnh, màu sắc, hương vị từ những câu chuyện họ kể và em đã chia sẻ với tôi. Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra ở đó. Ngay cả cha mẹ em cũng không thể nói, thành thật mà nói, liệu có chuyện gì xảy ra hay không. Mẹ em viết rằng em chỉ như đang xa cách. Xa mọi thứ và mọi người. Em tham quan những địa điểm đã lên kế hoạch, đi từ cảnh quan này đến di tích khác, từ người chủ đến người anh họ, với khuôn mặt đeo nụ cười thờ ơ. Em chỉ có một yêu cầu : được đến nơi từng là ngôi

nhà có cây bạch quả. Họ dẫn em đến một tòa nhà mới, treo cờ đảng. Khu đất đã bị tịch thu, phần còn lại của ngôi nhà bị phủ bê tông, giờ là phòng họp của chi bộ địa phương. Em không bình luận gì, chỉ nhìn những bức tường trắng với ánh mắt vô cảm, rồi quay đi.

Một tháng sau khi trở về, em đã nhảy từ tầng cao nhất của ngôi nhà ở California. Mỗi sáng, em xuống thẳng cây đàn piano để xem liệu khả năng chơi nhạc có trở lại sau đêm. Nếu căn bệnh biến mất như khi nó xuất hiện, không lý do. Bố mẹ em lo lắng, mất ngủ, lắng nghe tiếng bước chân em trên cầu thang dẫn đến phòng khách, nơi đặt cây đàn Bösendorfer. Em ngồi xuống, chơi một bản nhạc bất kỳ - fugue của Bach, Rêverie của Debussy, nocturne của Chopin. Kết quả luôn là một thảm họa, với vài nốt nhạc lẻ tẻ nhắc về tài năng đã mất.

Hôm đó, cha mẹ không nghe thấy tiếng em xuống cầu thang hay ngồi vào đàn. Mẹ em thậm nhẹ nhõm : bà nghĩ có lẽ em đã sẵn sàng bước tiếp. Em sẽ không trở thành nghệ sĩ dương cầm xuất chúng như mơ ước, nhưng không sao : em còn trẻ, xinh đẹp, thông minh, tương lai vẫn ở phía trước. Và em còn có tôi. Tôi, người vẫn chờ đợi trong lo lắng, kiểm tra hòm thư mỗi sáng, tự hỏi tại sao em im lặng dù tôi gửi thư liên tục. Tôi tuyệt vọng vì không nhận được hồi âm, thỉnh thoảng thì thậm

địa chỉ của em như một câu thần chú : Anna Tbi, 3131 Arlington Avenue, Riverside, CA 92506, USA. Giờ tôi biết không lá thư nào của tôi sẽ đến được với em nữa, nhưng tôi hy vọng câu chuyện cuối cùng tôi viết cho em sẽ còn mãi.

Tôi viết câu chuyện mà tôi khao khát được chia sẻ với em, Anna, trong ngôi nhà của bà nội. Tôi bắt đầu viết nó tám tháng trước, nhưng đã nghĩ về em và ngày em không xuống đàn piano từ lâu lắm rồi. Mẹ em vừa đúng vừa sai khi nghĩ em đã sẵn sàng sang trang. Em thực sự đã từ bỏ việc tra tấn bản thân với những phím đàn đen trắng, nơi em vấp ngã trong những nốt nhạc tan vỡ khiến cha mẹ em đau lòng, và cũng khiến em đau đớn, dù em không nói ra. Chỉ là sự từ bỏ của em triệt để hơn những gì mẹ em tưởng tượng. Sáng hôm đó, em mở cửa sổ để hít thở không khí, cảm nhận sự dịu dàng của nắng, những hạt bụi màu mật ong lơ lửng. Em nhìn bầu trời xanh như biển, rực rỡ dưới ánh mặt trời. Trời đẹp, như mọi ngày ở thành phố gần sa mạc nơi em sống suốt sáu năm - sáu năm, một đại dương và một lục địa ngăn cách chúng ta, Anna, nhưng tôi không quên em, và tôi đã không bao giờ để em làm điều đó, nếu tôi biết, nếu em hé lộ một dấu hiệu, dù chỉ một, của sự tuyệt vọng, một lời kêu gọi và tôi sẽ vượt đại dương như bà nội và cha em ngày xưa, bằng máy bay, thuyền, bơi nếu

cần, tôi sẽ đến bên em, giữ em lại, cứu em, nhưng em không nói gì, không với tôi, không với cha mẹ, em chọn im lặng và mọi thứ kết thúc ở đó.

Quan Điểm Của Nhà Xuất Bản

Anna Song, «nữ nghệ sĩ dương cầm vĩ đại nhất còn sống mà không ai từng biết đến», để lại một sự nghiệp thu âm chưa từng có tiền lệ. Bất chấp bệnh tật, với một sự cống hiến bằng cả thể xác và tâm hồn gần như sùng kính, những năm cuối đời bà đã dành để khám phá một vùng trời âm nhạc rộng lớn với một sự chính xác không gì lay chuyển. Người giữ đèn và kiến trúc sư của huyền thoại : Paul Desroches, chồng kiêm nhà sản xuất của bà. Nhưng trong khi ông kể về người phụ nữ mình yêu thương, từ sự ngây ngất thời thơ ấu đến những năm tháng kiên nhẫn của một cuộc đời chia sẻ trong sự tôn thờ cái đẹp, thì bên bối bùng nổ. Anna Song có thể đã không tự tay ghi lại một nốt nhạc nào trong sự nghiệp thu âm của mình, mà tất cả đều bị người tình đạo nhạc đánh cắp từ nơi khác. Sự giả dối, xuyên tạc, phản bội: bản hợp xướng ca ngợi sau cái chết nhanh chóng bị thay thế bằng tiếng ồn ào của sự khinh miệt, được các phương tiện truyền thông lan truyền với một sự hung hãn càng lớn khi họ nhận ra mình bị lừa gạt.

Đây là một trò chơi gương vô cùng hấp dẫn được Minh Tran Huy dàn dựng trong cuốn tiểu thuyết thứ hai, khẳng định sự xuất hiện của một vũ trụ văn chương có sự nhất quán đáng kinh ngạc. Nơi đó, ta lại bắt gặp sự

vắng mặt hiện diện khắp nơi của quê hương Việt Nam, một thực tại bị làm mờ bởi thời gian và khoảng cách, đắm rề trong một sự im lặng đầy ắp những câu chuyện cổ. Và cả thứ âm nhạc nhỏ quyền rũ ấy, sự mờ đục bình thản nhưng rộng lượng hơn vẻ bề ngoài, khiến người ta không thể không liên tưởng đến mặt nước phẳng lặng của một hồ nước, bên dưới đó diễn ra - và vẫn còn đó - những bi kịch dữ dội nhất.

Như một ngôi mộ tưởng niệm tình yêu đầu tiên, vĩ đại, duy nhất, vừa là khúc ca ngợi vừa là lời biện hộ, Cuộc Đời Song Sinh Của Anna Song tiết lộ và bảo vệ sự điên rồ của tình yêu, nhưng cũng là quyền được sáng tạo ra những cuộc đời xứng tầm với sự điên rồ ấy.